

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 10/07/2017)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 286/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 08 năm 2017)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT



NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: +84 (024) 39288869 Fax: +84 (024) 39288867
Website: www.vpbank.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: +84 (028) 3914 3588 Fax: +84 (028) 3914 4531
Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 (024) 6262 6999 Fax: +84 (024) 6278 2688

Phòng Giao dịch

Địa chỉ: Tòa nhà Vinatex Tài Nguyên, Lầu 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: +84 (028) 3914 3588 Fax: +84 (028) 3914 4531

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Nguyễn Đức Vinh
Số điện thoại: +84 (0) 243 9288869

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Hà Nội, tháng 08/2017

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 10/07/2017)



Địa chỉ: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 (0243) 9288869 Fax: +84 (0243) 9288867

Website: www.vpbank.com.vn

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	VPB
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	1.332.689.035 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	13.326.890.350.000 đồng (Mười ba ngàn ba trăm hai mươi sáu tỷ, tám trăm chín mươi triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT****Trụ sở chính**

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: +84 (02)8 3914 3588 Fax: +84 (02)8 3914 4531
Website: www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tòa nhà CornerStone, Lầu 8, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 (02)4 3831 5090 Fax: +84 (02)4 3831 5100
Website: www.ey.com

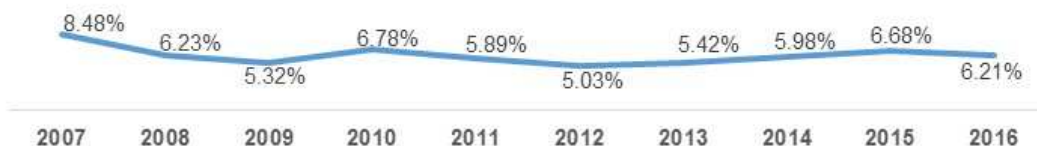
MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về pháp luật	8
3. Rủi ro tác nghiệp	9
4. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức niêm yết.....	10
2. Tổ chức tư vấn.....	10
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
2. Cơ cấu tổ chức của VPBank	28
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của VPBank	28
4. Danh sách cổ đông	41
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VPBank, những công ty mà VPBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VPBank	41
6. Hoạt động kinh doanh	42
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	68
8. Vị thế của VPBank so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành	72
9. Chính sách đối với người lao động.....	78
10. Chính sách cổ tức	80
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	80
12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	82
13. Tài sản	109
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	110
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	116
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	117
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới VPBank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	117
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	118
1. Loại chứng khoán.....	118

2. Mã chứng khoán	118
3. Mệnh giá	118
4. Tổng số chứng khoán niêm yết	118
5. Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức niêm yết	118
6. Phương pháp tính giá	119
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	122
8. Các loại thuế có liên quan	123
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	124
VII. PHỤ LỤC	125

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO****1. Rủi ro về kinh tế****1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế**

Theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO), mặc dù tình hình kinh tế xã hội năm 2016 gặp nhiều khó khăn và thách thức nhưng nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực. Việt Nam ước tính đạt tăng trưởng kinh tế ở mức 6,21% so với năm 2015 với xu hướng tăng trưởng tích cực quý sau cao hơn quý trước, cụ thể quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,4% và quý IV tăng 6,68%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2016 giảm so với năm 2015 và không cao so với kỳ vọng và mục tiêu 6,7% như Quốc hội đề ra, nhưng đang có khuynh hướng đi lên nhẹ nhờ các tín hiệu tích cực đến từ ngành công nghiệp và xây dựng, ngành dịch vụ và các hoạt động bán lẻ. Ngành công nghiệp đạt mức tăng trưởng 7,57% trong đó ngành công nghiệp chế biến đột phá với mức tăng trưởng 11,90%, ngành xây dựng tăng trưởng khá ở mức 10%, dịch vụ tăng trưởng cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây ở mức 6,98% và hoạt động bán lẻ có tốc độ tăng trưởng ấn tượng đạt 8,28%. Tuy nhiên, ngành công nghiệp khai khoáng tiếp tục sụt giảm do biến động của giá dầu thô trong khi nông nghiệp tăng trưởng thấp hơn so với cùng kỳ bởi tình hình thiên tai bão lũ mất mùa và thảm họa môi trường Formosa ảnh hưởng nặng nề tới ngành thủy sản.

Hình 1: Tăng trưởng GDP qua các năm giai đoạn 2006 –2016

Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)

Về triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2017, Ngân hàng Thế giới dự báo Việt Nam có triển vọng tăng trưởng tích cực trung hạn, tăng trưởng GDP dự kiến đạt mức 6,3-6,5%. Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa thực sự bền vững, phục hồi không đồng đều và tăng trưởng chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài FDI. Chính vì thế Chính phủ cần ưu tiên chuyển đổi cơ cấu; cụ thể, tiếp tục cải cách nhằm nâng cao ổn định cho hệ thống ngân hàng và xây dựng các thị trường vốn sâu hơn, cải thiện hiệu suất của khu vực DNNN, tăng cường đầu tư công và tạo thuận lợi cho một khu vực tư nhân năng động hơn và năng suất hơn. Không chỉ vậy, nền kinh tế toàn cầu vẫn còn âm ảm, tình hình thị trường tài chính chưa hoàn toàn khởi sắc, bất ổn chính trị leo thang đều có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới triển vọng tăng trưởng của Việt Nam thông qua các kênh thương mại và đầu tư.

Trước những tác động khó lường của nền kinh tế, VPBank đã thực hiện xem xét một cách thận trọng trong việc lên chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế tối đa những tác

động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ các chính sách ban hành, nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà VPBank đề ra.

1.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là loại rủi ro phát sinh khi khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn làm giảm hay mất giá trị tài sản có của Ngân hàng. Rủi ro này diễn ra trong quá trình cho vay, chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá, cho thuê tài chính, bảo lãnh, bao thanh toán của ngân hàng. Như vậy, rủi ro tín dụng là loại rủi ro liên quan đến chất lượng hoạt động tín dụng của ngân hàng. Nghiệp vụ tín dụng là nghiệp vụ cơ bản của các ngân hàng thương mại Việt Nam, và là nguồn thu nhập lớn nhất cho các ngân hàng vì vậy, rủi ro tín dụng cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng mức rủi ro của hoạt động ngân hàng.

Hệ thống quản lý rủi ro tín dụng của VPBank được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa. Theo đó, công tác xây dựng chính sách rủi ro, xác định giới hạn rủi ro và công tác theo dõi, báo cáo và kiểm soát rủi ro được thực hiện độc lập và tập trung tại Khối Quản trị rủi ro. Các báo cáo của Khối Quản trị Rủi ro là cơ sở để Ủy ban Quản lý Rủi ro ban hành các chính sách phòng ngừa rủi ro tín dụng quan trọng. Ngoài ra, VPBank luôn thực hiện nghiêm chỉnh việc trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của NHNN hàng tháng.

Cách tiếp cận tổng thể của VPBank đối với rủi ro tín dụng là cách tiếp cận theo mức độ rủi ro. Theo đó, các quyết định phê duyệt, định giá tín dụng cũng như các biện pháp ứng xử về giám sát, phân luồng tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng đang được thiết kế phù hợp theo mức độ rủi ro của khách hàng. Để đạt được mục tiêu này, các hoạt động quan trọng mà VPBank đang thực hiện bao gồm:

- Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng dữ liệu phục vụ công tác xây dựng các hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại rủi ro theo chuẩn mực quốc tế;
- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng và hệ thống chấm điểm;
- Định kỳ rà soát các chính sách/văn bản đảm bảo luôn đáp ứng tình hình thực tiễn và thống nhất với Chính sách khung Quản trị rủi ro;;
- Hoàn thiện cơ chế giám sát chất lượng tín dụng cho toàn bộ vòng đời của khoản vay;
- Hoàn thiện hệ thống cảnh báo sớm rủi ro tín dụng và;
- Kiện toàn hệ thống thu hồi nợ và tái cấu trúc nợ.

1.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là khả năng giảm thu nhập do lãi suất thị trường thay đổi ngoài dự kiến gây tác động tới nhiều nhân tố khác như cấu trúc, kỳ hạn của tài sản và nguồn vốn. Tài sản và nguồn vốn của ngân hàng gồm nhiều kỳ hạn và lãi suất khác nhau. Khi kỳ hạn xác định lãi suất kết thúc, lãi suất sẽ bị thay đổi theo lãi suất mới trên thị trường, tạo thành các loại tài sản và nguồn vốn có độ nhạy cảm với lãi suất ở những mức độ khác nhau. Sự không phù hợp về kỳ hạn của nguồn và tài sản khi đó hình thành khe hở lãi suất, gây ra rủi ro lãi suất.

Thu nhập từ lãi biên (NIM) bị thu hẹp dần đang làm giảm lợi nhuận từ lãi - nguồn lợi nhuận lớn nhất của các ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay. Đặc biệt, lãi suất tiền gửi đang giữ ở mức thấp đã khuyến khích người dân chuyển sang nắm giữ các tài sản có giá khác và giảm tiết kiệm bằng đồng nội tệ. Như vậy, rủi ro với ngân hàng sẽ tới từ (i) tỷ suất sinh lời của các tài sản thấp hơn, (ii) thu hẹp hoạt động tín dụng và nguy cơ nợ xấu cao, (iii) chi phí huy động vốn tăng.

Để phòng tránh rủi ro lãi suất, Hội đồng Quản lý Tài sản nợ - Tài sản có (Hội đồng ALCO) của VPBank, cùng với các bộ phận quản lý rủi ro của Ngân hàng có trách nhiệm nghiên cứu thị trường để đề xuất điều chỉnh cơ cấu tỷ trọng tài sản nợ nhạy cảm với lãi suất thị trường và tài sản có nhạy cảm với lãi suất trên từng thang kỳ hạn; phù hợp với xu hướng thay đổi của lãi suất.

1.4. Rủi ro ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi ngân hàng mở trạng thái ngoại hối để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh theo từng loại tiền tệ và vì thế ngân hàng có thể phải chịu một khoản lỗ khi tỷ giá ngoại hối biến động.

Để quản trị rủi ro ngoại hối, VPBank xây dựng hệ thống chính sách quản lý rủi ro tập trung cho toàn hệ thống, trong đó Ngân hàng phát triển và áp dụng các công cụ phòng ngừa, quản lý giám sát rủi ro ngoại hối, đồng thời tự động kết chuyển toàn bộ trạng thái ngoại tệ của từng chi nhánh về Hội sở, duy trì tổng trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước và hệ thống quy định nội bộ. Các trạng thái ngoại tệ phát sinh vượt hạn mức được báo cáo kịp thời. Mặc dù Ngân hàng tin tưởng rằng đã áp dụng đầy đủ các công cụ quản lý và giám sát rủi ro ngoại hối, tuy nhiên những biến động bất lợi về tỷ giá sẽ có thể gây ảnh hưởng đến thu nhập thực tế của Ngân hàng trong tương lai.

1.5. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) là rủi ro ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi ngân hàng không có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ những công nợ đến hạn. Rủi ro thanh khoản phát sinh chủ yếu từ thực trạng hiện nay của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam là sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn; đồng thời tỷ lệ cho vay/huy động luôn ở mức cao.

Rủi ro thanh khoản được tạo ra khi có sự chênh lệch thời gian đáo hạn của tài sản có và tài sản nợ (tức chênh lệch giữa dòng tiền ra và dòng tiền vào). Chênh lệch kỳ hạn giữa tài sản có và tài sản nợ xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) thứ nhất, sự khác biệt tâm lý vốn có giữa người gửi tiền và người vay tiền; (ii) thứ hai, các ngân hàng luôn muốn tối đa hóa thu nhập lãi thuần (chi phí lãi thấp từ các khoản huy động ngắn hạn và thu nhập lãi cao từ các khoản cho vay/đầu tư dài hạn). Khi chênh lệch giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra tạo thành khe hở lớn, trong khi khả năng huy động nguồn và bán các tài sản thanh khoản của ngân hàng để bù đắp chênh lệch bị trở ngại hoặc suy giảm, gây ra rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản

khi đi kèm với sự biến động đột ngột của lãi suất trên thị trường sẽ trở thành rất nghiêm trọng và có thể gây ra hiệu ứng dây chuyền trong hệ thống ngân hàng - tài chính.

Quản lý rủi ro thanh khoản tại VPBank được thực hiện trong một kế hoạch tổng thể về quản lý rủi ro thanh khoản và ứng phó với các sự cố rủi ro thanh khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn bảo đảm duy trì khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về thanh khoản của NHNN, xây dựng khung quản lý rủi ro thanh khoản và giám sát rủi ro thanh khoản.

Kế hoạch dự phòng thanh khoản và Quy định về xử lý sự cố rút tiền hàng loạt đã được Ngân hàng ban hành và từng bước diễn tập thử nghiệm. Các quy định riêng biệt này để điều chỉnh các tình huống thanh khoản đặc biệt, khi tình huống xảy ra sẽ có ảnh hưởng sâu rộng và toàn diện đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Ngân hàng. Ngoài các nội dung trên, các quy định này cũng bao gồm các thủ tục và nguyên tắc thực hiện các yêu cầu phi tài chính như: phân công trách nhiệm các bên thông tin truyền thông và an ninh; hệ thống báo cáo nội bộ kịp thời, liên tục trong những tình huống cần thiết.

1.6. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Ngân hàng gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh. Theo TT02/2013-NHNN quy định đối với các cam kết ngoại bảng, các ngân hàng thương mại chỉ thực hiện phân loại nợ để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng, không thực hiện trích lập dự phòng rủi ro. Ngân hàng chỉ phải trích lập dự phòng khi rủi ro xảy ra.

Tổng các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn của VPBank tại 31/12/2016 là 17.954 tỷ đồng, bao gồm các nghĩa vụ liên quan đến bảo lãnh tài chính và các cam kết thanh toán thư tín dụng. Các khoản này, một phần hoặc toàn bộ, đều có tài sản thế chấp (bất động sản, hàng hóa, v.v.) hoặc bảo đảm bằng giá trị ký quỹ. Mặc dù vậy, nếu xảy ra rủi ro, việc VPBank phải thực hiện các cam kết bảo lãnh này có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh, tình hình tài chính trong tương lai của VPBank.

2. Rủi ro về pháp luật

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, VPBank chịu sự điều chỉnh bởi Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng Nhà nước, v.v. Trong khi đó, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - tiền tệ là một lĩnh vực nhạy cảm, do vậy hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung, ban hành để phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế. Việc áp dụng không kịp thời các thay đổi các văn bản pháp luật điều chỉnh sẽ dẫn tới rủi ro về pháp luật đối với ngân hàng.

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, VPBank chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, v.v. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của VPBank.

Để hạn chế rủi ro này, VPBank luôn chủ động trong việc cập nhật và hệ thống hóa các văn bản Pháp luật và phổ biến tới toàn thể cán bộ nhân viên.

3. Rủi ro tác nghiệp

Rủi ro tác nghiệp là rủi ro liên quan đến những sự cố hoặc sai sót trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng làm thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến ngân hàng có thể bị khởi kiện. Rủi ro tác nghiệp có thể xuất phát từ nguyên nhân con người (không cẩn trọng trong quá trình thực hiện các thao tác tác nghiệp, cố tình gian lận, ...), hoặc do sơ hở trong các quy trình tác nghiệp, sự yếu kém trong hệ thống công nghệ thông tin, kiểm soát nội bộ, hệ thống kiểm soát quy trình quản trị rủi ro. Để hạn chế rủi ro trên, VPBank đã triển khai Khung Quản lý gian lận và An ninh thông tin vào năm 2016. Ngoài ra, VPBank còn có hệ thống Chỉ số rủi ro chính cho tất cả các mảng kinh doanh và bộ phận hỗ trợ và hệ thống này được giám sát thường xuyên. VPBank còn thường xuyên có các buổi đào tạo chung cho tất cả CBNV, đào tạo chuyên biệt cho các bộ phận kinh doanh - hỗ trợ và các buổi truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của CBNV trong hoạt động quản trị rủi ro.

4. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro nêu trên các rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của VPBank như: thiên tai, địch họa, lụt lội, cháy, nổ, khủng bố, v.v.

Để hạn chế các rủi ro này, toàn hệ thống VPBank từ Hội sở chính đến các Chi nhánh, Phòng giao dịch và Công ty trực thuộc đều mua bảo hiểm phòng chống rủi ro cháy nổ đối với các tài sản như nhà, phương tiện vận tải và thiết bị làm việc (hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng, v.v.). Ngoài ra, do đặc trưng của hoạt động ngân hàng, tiền và các tài sản giữ hộ của khách hàng trong kho và tiền vận chuyển trên đường đi đều được VPBank mua bảo hiểm.

VPBank cũng đã cho triển khai trên toàn hệ thống việc xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP), kiểm thử các BCP... để đảm bảo hoạt động kinh doanh của VPBank không bị ảnh hưởng trong trường hợp có sự cố, thảm họa.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết**

- Ông: Ngô Chí Dũng Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông: Ngô Phương Chí Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông: Nguyễn Đức Vinh Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà: Lưu Thị Thảo Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

- Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải
- Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp tại thời điểm tham gia lập Bản cáo bạch.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

▪ Tổ chức niêm yết	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
▪ VPBank	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
▪ Công ty tư vấn/ Tổ chức tư vấn/ VCSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
▪ Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
▪ Điều lệ	Điều lệ của VPBank đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng thông qua.
▪ Vốn điều lệ	Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
▪ Cổ phiếu	do Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
▪ Luật Chứng Khoán	Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 26 tháng 6 năm 2006 như được sửa đổi bổ sung bởi Luật Sửa Đổi Luật Chứng Khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
▪ Luật Doanh Nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
▪ Luật các Tổ chức tín dụng	Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 06 năm 2010 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:	
▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BKS	Ban Kiểm soát
▪ VPBank	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
▪ CP	Cổ phần
▪ Chỉ số P/E	Price/ Earning: là chỉ số giá trị thị trường trên thu nhập của mỗi cổ phiếu

▪ Chỉ số P/B	Price to Book: là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu đó
▪ ĐHCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
▪ EPS	Earning Per Share: là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận ròng} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{Lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}$
▪ GCN/ Giấy CN	Giấy chứng nhận
▪ HĐQT	Hội đồng Quản trị
▪ HSX / HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ KTT	Kế toán trưởng
▪ LN	Lợi nhuận
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân
▪ TNDN	(thuế) Thu nhập doanh nghiệp
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ NHNN/ SBV	Ngân hàng Nhà nước
▪ ROA	Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân
▪ ROAE	Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân
▪ Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VĐL	Vốn điều lệ
▪ VND	Đồng Việt Nam

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

- Tên Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG**
- Tên Tiếng Anh: **VIETNAM PROSPERITY JOINT STOCK COMMERCIAL BANK**
- Tên viết tắt: **VPBANK**
- Trụ sở: 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: +84 (0243) 9288869
- Fax: +84 (0243) 9288867
- Website: www.vpbank.com.vn
- Giấy CN ĐKDN: số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 10/07/2017
- Giấy phép hoạt động: số 0042/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 12/08/1993
- Vốn điều lệ đăng ký: 14.059.086.350.000 đồng (Mười bốn ngàn không trăm năm mươi chín tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 14.059.086.350.000 đồng (Mười bốn ngàn không trăm năm mươi chín tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng)



- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng – Chủ tịch HĐQT

Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 10/07/2017, ngành nghề kinh doanh của VPBank như sau:

Bảng 1: Danh sách ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
-----	-----------	----------

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Hoạt động trung gian tiền tệ khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh ngân hàng theo nội dung Quyết định 150/QĐ-NH5 ngày 12/08/1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ Ngân hàng bằng ngoại tệ theo Quyết định 186/QĐ-NH7 ngày 29/09/1993 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Thực hiện nghiệp vụ phát hành và thanh toán thẻ nội địa và thẻ quốc tế Master Card theo Quyết định số 805/QĐ-NHNN ngày 21/04/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Hoạt động cung ứng các dịch vụ ngoại hối theo Giấy xác nhận số 3592/NHNN-CH ngày 19/05/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Cung ứng dịch vụ thanh toán quốc tế Giấy xác nhận số 3593/NHNN-CH ngày 19/05/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Thực hiện giao dịch mua bán ngoại hối trên thị trường nước ngoài theo Giấy xác nhận số 10359/NHNN-TTGSNH ngày 30/12/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, theo quyết định số 2700/QĐ-NHNN về việc bổ sung nội dung vào Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác cho vay - Hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng - Mở tài khoản: <ul style="list-style-type: none"> + Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam + Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác - Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia - Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ - Dịch vụ môi giới tiền tệ - Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng - Dịch vụ quản lý tiền mặt - Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật chứng khoán, Quy định của 	6419

STT	Tên ngành	Mã ngành
	<p>Chính phủ về hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi, nhận vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước 	
2	<p>Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm</p> <p>Chi tiết: hoạt động đại lý bảo hiểm</p>	6622
3	<p>Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn - Lưu ký chứng khoán - “Mua, bán nợ” <p>(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</p>	6499
4	<p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Tư vấn ngân hàng, tài chính, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sát nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo Quyết định số 1921/QĐ-NHNN ngày 18/09/2014 về việc bổ sung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</p> <p>Ủy thác, nhận ủy thác mua bán trái phiếu doanh nghiệp và ủy thác, nhận ủy thác góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước</p>	6619

Nguồn: Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp số 15755/17 ngày 13/02/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp

1.2 Quá trình hình thành và phát triển của VPBank

- **Ngày 12/08/1993:** Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh Việt Nam được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0042/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và chính thức hoạt động vào ngày 04 tháng 09 năm 1993 theo Giấy phép thành lập số 1535/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng.
- **Từ năm 1994 đến năm 2004:** đây là khoảng thời gian mà VPBank tích cực mở rộng mạng lưới và phát triển sản phẩm, nhằm chiếm lĩnh thị phần, tăng lượng khách hàng

giao dịch. Nhiều chi nhánh và phòng giao dịch của VPBank đã được khai trương trong thời gian này.

▪ **Năm 2005:**

- ✓ Tháng 01/2005: VPBank mở chi nhánh cấp I tại Hà Nội, Huế và Sài Gòn
- ✓ Ngày 12/01/2005: VPBank được Union Bank of California công nhận đã đạt chuẩn quốc tế về độ chính xác của điện chuyển tiền trong thanh toán quốc tế thông qua việc đạt tỷ lệ STP (Straight-Through Processing ratio) cao. VPBank là một trong những ngân hàng có tỷ lệ STP cao nhất Việt Nam và là một trong số ít ngân hàng trong khu vực đạt tiêu chuẩn này
- ✓ VPBank công bố việc thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu với hai màu sắc chủ đạo là xanh đậm và đỏ tươi. VPBank cũng từng bước tăng cường quy mô, mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua việc tăng vốn điều lệ lên 310 tỷ đồng và khai trương 12 điểm giao dịch trong cả nước

▪ **Năm 2006:**

- ✓ Tháng 03/2006: VPBank chính thức lựa chọn cổ đông chiến lược là một định chế tài chính nước ngoài – ngân hàng OCBC của Singapore
- ✓ Ngày 24/04/2006: VPBank ký hợp đồng mua phần mềm hệ thống ngân hàng cốt lõi (core banking) T24 của Temenos –Thụy Sĩ. Hệ thống này sẽ là nền tảng công nghệ để VPBank phát triển các sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng công nghệ cao trong thời gian tới
- ✓ VPBank khai trương hai công ty con là Công ty Quản lý tài sản VPBank (VPBank AMC) và Công ty Chứng khoán VPBank (VPBS)
- ✓ Vốn điều lệ đạt 750 tỷ đồng và 18 chi nhánh/phòng giao dịch được khai trương

▪ **Năm 2007:**

- ✓ VPBank cho ra mắt hai dòng sản phẩm thẻ VPBank Master Card Platinum và VPBank MasterCard MC ứng dụng công nghệ thẻ chip theo chuẩn EMV – đây là công nghệ thẻ tiên tiến trên thế giới. Tại Việt Nam, VPBank là ngân hàng tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ này.
- ✓ Đây là năm mà VPBank mở rộng mạng lưới hoạt động một cách mạnh mẽ với việc khai trương 51 chi nhánh/phòng giao dịch trong cả nước. Vốn điều lệ VPBank đạt 2.000 tỷ đồng.

▪ **Năm 2008:**

- ✓ Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho VPBank bán thêm 5% cổ phần cho OCBC
- ✓ VPBank ra mắt sản phẩm thẻ VPBank MasterCard E-card – đây là minh chứng cho việc đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng.

- ✓ VPBank khai trương thêm 32 chi nhánh/phòng giao dịch nâng tổng số mạng lưới của VPBank lên 135 điểm giao dịch
- **Năm 2009:**
 - ✓ VPBank ký thỏa thuận hợp tác với Prudential Việt Nam và trở thành đại lý chính thức trong việc thực hiện phân phối gói sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng Bancassurance tới người tiêu dùng
 - ✓ VPBank triển khai dịch vụ internet banking
- **Năm 2010:**
 - ✓ VPBank được NHNN chấp thuận đổi tên sang Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Cùng với việc đổi tên, VPBank cũng chính thức đưa vào sử dụng logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới
 - ✓ Thành lập bộ phận Tín dụng tiêu dùng dưới thương hiệu FE Credit
 - ✓ VPBank tăng vốn điều lệ lên 4.000 tỷ đồng với mạng lưới giao dịch đạt 150 điểm
 - ✓ VPBank thuê công ty tư vấn hàng đầu thế giới McKinsey vào đánh giá chuẩn đoán hoạt động ngân hàng và xây dựng, triển khai chương trình chuyển đổi toàn diện sang mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại
- **Năm 2011:**
 - ✓ VPBank thay đổi diện mạo các điểm giao dịch với định hướng thiết kế và dịch vụ với phương châm “Tất cả vì khách hàng”
 - ✓ VPBank tăng vốn điều lệ lên 5.050 tỷ đồng với mạng lưới giao dịch đạt 199 điểm
 - ✓ Lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế của VPBank vượt 1.000 tỷ đồng
- **Năm 2012:**
 - ✓ Tháng 08/2012: VPBank công bố chiến lược phát triển giai đoạn 2012-2017 nhằm thực hiện hóa tầm nhìn trở thành 1 trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam và 1 trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam vào năm 2017
 - ✓ Tháng 11/2012: NHNN chấp thuận VPBank tăng vốn lên 5.770 tỷ đồng
 - ✓ Lần đầu tiên Tổng tài sản vượt 100.000 tỷ đồng
 - ✓ VPBank được trao tặng các giải thưởng uy tín như Ngân hàng có chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2012 của Bank of New York Mellon (Mỹ), Ngân hàng có chất lượng dịch vụ được hài lòng nhất
 - ✓ Phối hợp với McKinsey, VPBank đã xây dựng và triển khai chiến lược thu hồi nợ nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi nợ tại VPBank
 - ✓ VPBank xây dựng Chiến lược công nghệ thông tin giai đoạn 2013-2017 với sự hỗ trợ của PwC. Đây là bước đi quan trọng của VPBank để xây dựng một nền tảng

công nghệ thông tin mạnh, tin cậy nhằm phục vụ cho chiến lược tăng trưởng của VPBank

- ✓ VPBank là thành viên của nhóm 12 ngân hàng hàng đầu Việt Nam (G12). Điều này đã từng bước khẳng định uy tín, năng lực tài chính ổn định và có trách nhiệm với cộng đồng của VPBank

▪ **Năm 2013:**

- ✓ Tháng 03/2013: Global Banking & Finance Review trao VPBank Giải Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam năm 2013
- ✓ Triển khai thực hiện chiến lược phát triển ngân hàng điện tử (E-banking): bổ sung chức năng và giao diện Internet Banking, phát triển Mobile Banking
- ✓ Tháng 10/2013: Moody's xếp hạng tín nhiệm của VPBank ở mức B3 và triển vọng Ổn định. Đây là lần đầu tiên Moody's đánh giá tín nhiệm VPBank
- ✓ Lần đầu tiên Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 1.000 tỷ đồng

▪ **Năm 2014:**

- ✓ Là 1 trong 10 ngân hàng hàng đầu Việt Nam được lựa chọn thực hiện phương pháp quản trị vốn và rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II vào năm 2015
- ✓ VPBank thành lập Trung tâm Phân tích kinh doanh (BICC) với mục đích thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc sử dụng chung dịch vụ Phân tích kinh doanh một cách hiệu quả, đi đôi với cơ chế quản trị dữ liệu tốt
- ✓ Moody's nâng mức triển vọng từ Ổn định lên Tích cực vì bên cạnh tốc độ tăng trưởng cao và ổn định thì VPBank đã có sự đầu tư vào năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và tín dụng tốt
- ✓ VPBank thực hiện mua lại Công ty Tài chính tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam và đổi tên thành Công ty Tài chính VPBank (VPBank FC) và chuyển Khối Tín dụng tiêu dùng của VPBank về VPBank FC
- ✓ VPBank là một trong số ít ngân hàng tại Việt Nam được Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) chấp thuận hạn mức tín dụng lần đầu tiên lên tới 30 triệu USD
- ✓ Nhận Giải thưởng "Best Commercial Bank Vietnam 2014" do Tạp chí chuyên ngành tài chính ngân hàng uy tín hàng đầu thế giới International Finance Magazine (IFM) trao tặng
- ✓ Nhận Giải thưởng "Best Banking Product Vietnam 2014" cho sản phẩm thẻ VP Lady Card do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng
- ✓ Nhận Giải thưởng "Best Trade Finance Bank Vietnam 2014" do tổ chức Global Banking and Finance Review trao tặng

▪ Năm 2015:

- ✓ VPBank thành lập và đẩy mạnh các mảng kinh doanh mới như Dịch vụ Tín dụng Tiêu thụ và Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số
- ✓ VPBank tiếp tục tập trung hóa dịch vụ khách hàng
- ✓ VPBank đạt được 6 giải thưởng uy tín quốc tế: “Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam 2015”, “Ngân hàng Bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2015” do International Banker trao tặng; “Dịch vụ Ngân hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất Việt Nam 2015” do Tạp chí Asian Banking and Finance Review trao tặng; “Chiến lược quản lý dữ liệu doanh nghiệp năm 2015” do Tổ chức TDWI (The Data Warehousing Institute, Mỹ) trao tặng
- ✓ Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả làm việc
- ✓ VPBank được Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng “Ngân hàng điện tử tốt nhất Việt Nam 2015”

▪ Năm 2016:

- ✓ Tổng thu nhập hoạt động hợp nhất của VPBank đạt gần 16.900 tỷ đồng dẫn đầu khối ngân hàng TMCP tư nhân
- ✓ VPBank nhận được gói tài trợ thương mại trị giá 133 triệu USD từ Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC)
- ✓ VPBank được tạp chí The Asian Banker trao tặng danh hiệu “Sản phẩm cho vay tín chấp tốt nhất Việt Nam”
- ✓ VPBank tiên phong triển khai chiến lược ngân hàng số toàn diện với ba gọng kìm: (i) số hóa hoạt động truyền thống nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng, (ii) hợp tác với các công ty fintech để mở rộng các dịch vụ ngân hàng số và (iii) thiết lập mô hình ngân hàng số độc lập với việc ra mắt thương hiệu Timo – Dịch vụ ngân hàng số đầu tiên tại Việt Nam

▪ **Ngày 19/07/2017:** VPBank được xác nhận là Công ty đại chúng theo Công văn số 5043/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

▪ **Ngày 07/08/2017:** VPBank được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 155/2017/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 1.405.908.635 cổ phiếu.

1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của VPBank

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của VPBank tại ngày 06/09/1993 là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ VPBank là 14.059.086.350.000 đồng (Mười bốn ngàn không trăm năm mươi chín tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng). Quá trình tăng vốn điều lệ của VPBank như sau:

- **Lần 1:** Năm 1994, tăng vốn từ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) lên 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng)
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 20.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 70.000.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 5.000.000 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: Chào bán cho cổ đông hiện hữu
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 130/CV - NH5 ngày 09/03/1994)

- **Lần 2:** Năm 1996, tăng vốn từ 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) lên 174.900.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn tỷ, chín trăm triệu đồng)
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 70.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 174.900.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 10.490.000 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: Trả cổ tức bằng cổ phiếu
Chào bán cho cổ đông hiện hữu
Chào bán riêng lẻ cho một số nhà đầu tư
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 75/CV - NH5 ngày 05/01/1996) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

- **Lần 3:** Năm 2004, giảm vốn từ 174.900.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn tỷ, chín trăm triệu đồng) xuống 137.347.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng) theo kết luận của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước
VPBank thực hiện tăng vốn từ 137.347.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy tỷ, ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng) lên 170.030.860.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, ba mươi triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 137.347.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 170.030.860.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 3.268.386 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: tăng vốn từ việc chia Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

- ✓ Tỷ lệ phát hành: 24,022%
- ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 289/NHNN – HAN7.KSDB ngày 21/05/2004) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 4:** Năm 2004, VPBank cũng tăng vốn từ 170.030.860.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, ba mươi triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng) lên 198.409.210.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu, hai trăm mười ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 170.030.860.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 198.409.210.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 2.837.835 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu
 - ✓ Tỷ lệ phát hành: 100:23,5
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 689/NHNN – HAN7 ngày 25/11/2004) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 5:** Năm 2005, tăng vốn từ 198.409.210.000 đồng (Một trăm chín mươi tám tỷ, bốn trăm lẻ chín triệu, hai trăm mười ngàn đồng) lên 243.753.370.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 198.409.210.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 243.753.370.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 4.534.416 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu
 - ✓ Tỷ lệ phát hành: 100:20,16
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 134/NHNN – HAN7 ngày 25/02/2005) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 6:** Năm 2005, tăng vốn từ 243.753.370.000 đồng (Hai trăm bốn mươi ba tỷ, bảy trăm năm mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi ngàn đồng) lên 309.386.190.000 đồng (Ba trăm lẻ chín tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 243.753.370.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 309.386.190.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 6.563.282 cổ phần

- ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- ✓ Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu
- ✓ Tỷ lệ phát hành: 100:27,17
- ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 690/NHNN – HAN7 ngày 10/10/2005) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 7:** Năm 2006, tăng vốn từ 309.386.190.000 đồng (Ba trăm lẻ chín tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng) lên 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 309.386.190.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 500.000.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 19.061.381 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: Chào bán cho cổ đông hiện hữu
Chào bán cho cán bộ nhân viên
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 293/NHNN – HAN7 ngày 25/04/2006) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 8:** Năm 2006, tăng vốn từ 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng) lên 555.555.550.000 đồng (Năm trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 500.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 555.555.550.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 55.555.555 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ cho OCBC
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 5715/NHNN – CNH ngày 07/07/2006 và số 8245/NHNN-CNH ngày 27/09/2006 về việc VPBank được bán cổ phần cho cổ đông nước ngoài) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 9:** Năm 2006, tăng vốn từ 555.555.550.000 đồng (Năm trăm năm mươi lăm tỷ, năm trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi ngàn đồng) lên 750.000.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 555.555.550.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 750.000.000.000 đồng

- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 19.444.445 cổ phần
- ✓ Hình thức phát hành: chia cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần
- ✓ Tỷ lệ phát hành: 35%
- ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 816/NHNN-HAN7 ngày 27/10/2006) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 10:** Năm 2007, tăng vốn từ 750.000.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng) lên 1.500.000.000.000 đồng (Một ngàn năm trăm tỷ đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 750.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 1.500.000.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 75.000.000 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu
 - ✓ Tỷ lệ phát hành: 100%
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 297/NHNN-HAN7 ngày 29/03/2007), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (Giấy chứng nhận chào bán số 115/UBCK-ĐKCB ngày 15/06/2007) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 11:** Năm 2007, tăng vốn từ 1.500.000.000.000 đồng (Một ngàn năm trăm tỷ đồng) lên 2.000.000.000.000 đồng (Hai ngàn tỷ đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 1.500.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 2.000.000.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 50.000.000 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành:
 - Chào bán cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 100:31,67
 - Phát hành ESOP: 20 tỷ đồng mệnh giá và Quỹ thu hút nhân tài: 5 tỷ đồng mệnh giá
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 297/NHNN-HAN7 ngày 29/03/2007), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (Giấy chứng nhận chào bán số 219/UBCK-ĐKCB ngày 20/11/2007) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

- **Lần 12:** Năm 2008, tăng vốn từ 2.000.000.000.000 đồng (Hai ngàn tỷ đồng) lên 2.117.474.330.000 đồng (Hai ngàn một trăm mười bảy tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn, ba trăm ba mươi ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 2.000.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 2.117.474.330.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 11.747.433 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ cho OCBC
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (công văn số 7026/NHNN-CNH ngày 04/8/2008 và 367/NHNN-HAN7 ngày 24/09/2008), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (Công văn số 1774/UBCK-QLPH ngày 03/09/2008) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

- **Lần 13:** Năm 2010, tăng vốn từ 2.117.474.330.000 đồng (Hai ngàn một trăm mười bảy tỷ, bốn trăm bảy mươi bốn, ba trăm ba mươi ngàn đồng) lên 2.456.528.850.000 đồng (Hai ngàn bốn trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 2.117.474.330.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 2.456.528.850.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 33.905.452 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ: 100:10,01
chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ: 100:6
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 5762/NHNN-TTGSNH ngày 03/08/2010) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

- **Lần 14:** Năm 2010, tăng vốn từ 2.456.528.850.000 đồng (Hai ngàn bốn trăm năm mươi sáu tỷ, năm trăm hai mươi tám triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng) lên 4.000.000.000.000 đồng (Bốn ngàn tỷ đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 2.456.528.850.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 4.000.000.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 154.347.115 cổ phần
 - ✓ Giá phát hành: 14.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chào bán cho cổ đông hiện hữu

- ✓ Tỷ lệ phát hành: 100:62,83
- ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 5762/NHNN-TTGSNH ngày 03/08/2010), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (Giấy chứng nhận chào bán số 740/UBCK-GCN ngày 26/11/2010) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 15:** Năm 2011, tăng vốn từ 4.000.000.000.000 đồng (Bốn ngàn tỷ đồng) lên 4.433.980.710.000 đồng (Bốn ngàn bốn trăm ba mươi ba tỷ, chín trăm tám mươi triệu, bảy trăm mười ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 4.000.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 4.433.980.710.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 43.398.071 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10,5
chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:0,35
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 7067/NHNN-TTGSNH ngày 08/09/2011) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 16:** Năm 2011, tăng vốn từ 4.433.980.710.000 đồng (Bốn ngàn bốn trăm ba mươi ba tỷ, chín trăm tám mươi triệu, bảy trăm mười ngàn đồng) lên 5.050.000.000.000 đồng (Năm ngàn không trăm năm mươi tỷ đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 4.433.980.710.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 5.050.000.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 61.601.929 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chia cổ phiếu thưởng
 - ✓ Tỷ lệ phát hành: 100:13,89
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 7067/NHNN-TTGSNH ngày 08/09/2011) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 17:** Năm 2012, tăng vốn từ 5.050.000.000.000 đồng (Năm ngàn không trăm năm mươi tỷ đồng) lên 5.770.000.000.000 đồng (Năm ngàn bảy trăm bảy mươi tỷ đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 5.050.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 5.770.000.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 72.000.000 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:13,46

chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:0,79

- ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 7205/NHNN-TTGSNH ngày 02/11/2012) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 18:** Năm 2014, tăng vốn từ 5.770.000.000.000 đồng (Năm ngàn bảy trăm bảy mươi tỷ đồng) lên 6.347.410.000.000 đồng (Sáu ngàn ba trăm bốn mươi bảy tỷ, bốn trăm mười triệu đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 5.770.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 6.347.410.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 57.741.000 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:9,53
chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:0,477
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 752/NHNN-TTGSNH ngày 12/02/2014), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (Công văn số 668/UBCK-QLPH ngày 19/02/2014) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 19:** Năm 2015, tăng vốn từ 6.347.410.000.000 đồng (Sáu ngàn ba trăm bốn mươi bảy tỷ, bốn trăm mười triệu đồng) lên 7.324.270.000.000 đồng (Bảy ngàn ba trăm hai mươi bốn tỷ, hai trăm bảy mươi triệu đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 6.347.410.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 7.324.270.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 97.686.000 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:14,691
chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:0,699
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 2566/NHNN-TTGSNH ngày 16/04/2015), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (công văn số 2125/UBCK-QLPH ngày 06/05/2015) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 20:** Năm 2015, tăng vốn từ 7.324.270.000.000 đồng (Bảy ngàn ba trăm hai mươi bốn tỷ, hai trăm bảy mươi triệu đồng) lên 8.056.466.000.000 đồng (Tám ngàn không trăm năm mươi sáu tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 7.324.270.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 8.056.466.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 73.219.600 cổ phần

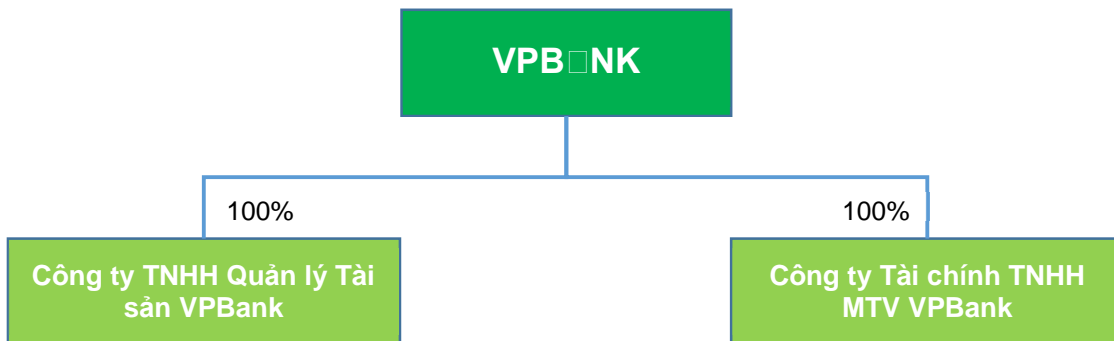
- ✓ Giá phát hành: 27.584 đồng/ cổ phần
- ✓ Hình thức phát hành: chào bán cổ phần ưu đãi cổ tức cho các nhà đầu tư chứng khoán trong nước và/hoặc nước ngoài.
- ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 4273/NHNN-TTGSNH ngày 11/06/2015), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (công văn số 3598/UBCK-QLPH ngày 23/06/2015) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 21:** Năm 2016, tăng vốn từ 8.056.466.000.000 đồng (Tám ngàn không trăm năm mươi sáu tỷ, bốn trăm sáu mươi sáu triệu) lên 9.181.000.000.000 đồng (Chín ngàn một trăm tám mươi một tỷ đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 8.056.466.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 9.181.000.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 112.453.400 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:14,57
chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:0,79
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 9872/NHNN-TTGSNH ngày 24/12/2015), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (công văn số 321/UBCK-QLPH ngày 19/01/2016) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 22:** Năm 2017, tăng vốn từ 9.181.000.000.000 đồng (Chín ngàn một trăm tám mươi một tỷ đồng) lên 10.765.453.000.000 đồng (Mười ngàn bảy trăm sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 9.181.000.000.000 đồng
 - ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 10.765.453.000.000 đồng
 - ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 158.445.300 cổ phần
 - ✓ Hình thức phát hành: chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:13,07
chia cổ phiếu thưởng, tỷ lệ 100:5,69
 - ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 7543/NHNN-TTGSNH ngày 05/10/2016), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (công văn số 8341/UBCK-QLPH ngày 16/12/2016) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
- **Lần 23:** Năm 2017, tăng vốn từ 10.765.453.000.000 đồng (Mười ngàn bảy trăm sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu đồng) lên 14.059.086.350.000 đồng (Mười bốn ngàn không trăm năm mươi chín tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng):
 - ✓ Vốn điều lệ trước phát hành: 10.765.453.000.000 đồng

- ✓ Vốn điều lệ sau phát hành: 14.059.086.350.000 đồng
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- ✓ Tổng số lượng cổ phần phát hành: 329.363.335 cổ phần
- ✓ Hình thức phát hành: chia cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:31,84
Phát hành cổ phiếu từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, tỷ lệ 100:0,99
- ✓ Cơ quan chấp thuận: Ngân hàng Nhà nước (Quyết định số 4625/NHNN-TTGSNH ngày 14/06/2017), Ủy ban chứng khoán Nhà nước (Công văn số 467/UBCK-QLCB ngày 10/07/2017) và Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội

2. Cơ cấu tổ chức của VPBank

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010. Các hoạt động của VPBank tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ VPBank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại như sau:

Hình 2: Sơ đồ tổ chức của VPBank



Nguồn: VPBank

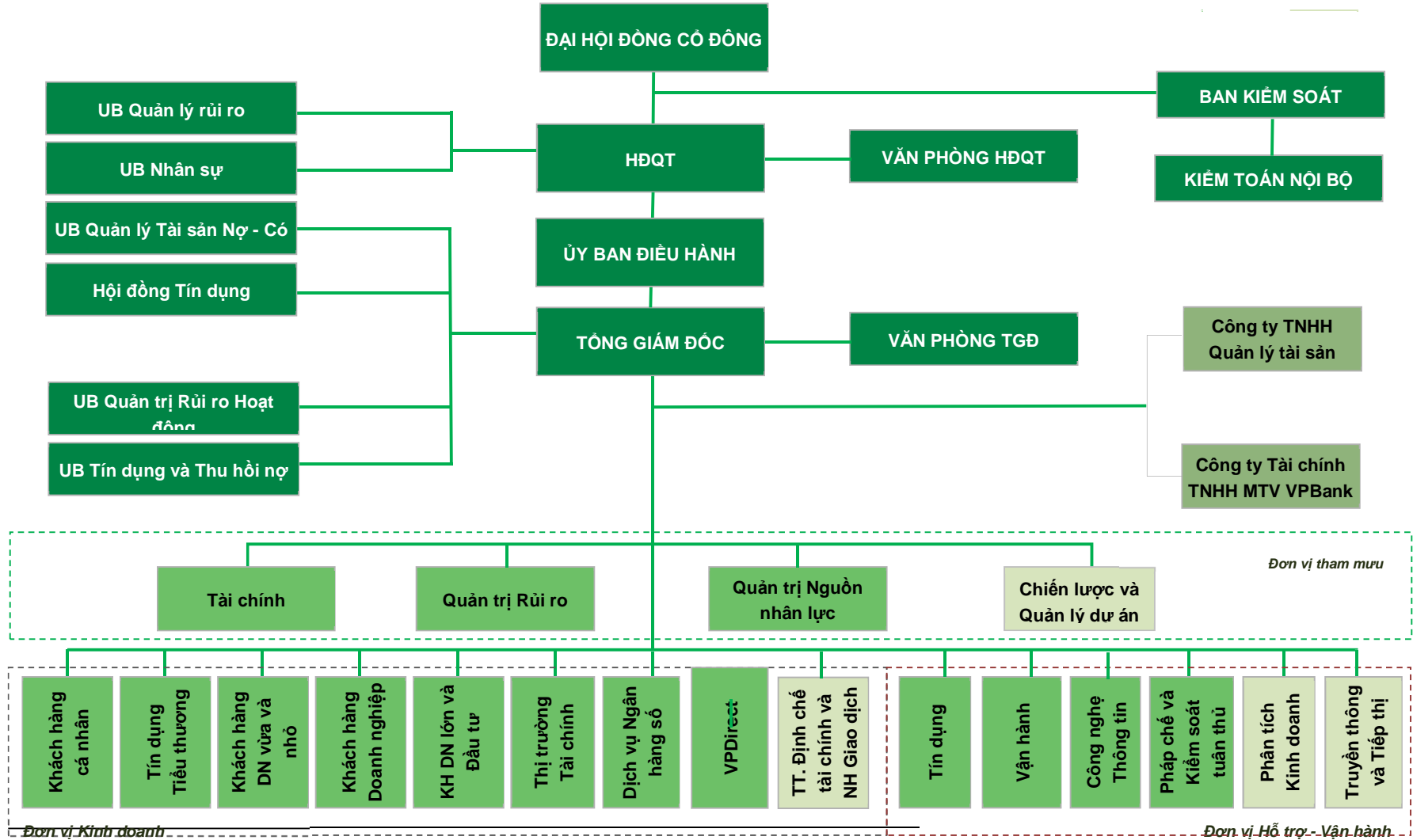
VPBANK hiện có hai công ty con. Chi tiết về các công ty con được trình bày ở phần 5.2 Bản cáo bạch này.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của VPBank

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định trong Điều lệ VPBank.

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của VPBank

■ Khỏi ■ Trung tâm



3.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Thông qua định hướng phát triển của VPBank;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ VPBank;
- Thông qua Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của HĐQT và BKS;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
- Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho VPBank và cổ đông của VPBank;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Tổ chức tín dụng;
- Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới của từng loại sẽ chào bán;
- Quyết định việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;
- Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của VPBank;
- Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
- Quyết định thành lập Công ty con;
- Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản VPBank;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của VPBank có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- Chấp thuận các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa VPBank với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của VPBank; công ty con, công ty liên kết của VPBank;
- Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của VPBank;
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3.2 Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị VPBank, có toàn quyền nhân danh VPBank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của VPBank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT của VPBank có tối thiểu 05 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên; số lượng thành viên do ĐHCĐ quyết định. Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của VPBank;
- Quyết định thành lập và cơ cấu tổ chức của Bộ phận kiểm toán nội bộ, Chi nhánh, Công ty con, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của VPBank;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT, các chức danh thuộc Bộ phận kiểm toán nội bộ; Giám đốc Chi nhánh, Công ty con, Đơn vị sự nghiệp, Trưởng Văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trên cơ sở quy định nội bộ do HĐQT ban hành;
- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Cử người đại diện vốn góp của VPBank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác;
- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 20% so với vốn điều lệ của VPBank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động VPBank. HĐQT có thể phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể trong phạm vi này, theo các quy định nội bộ của VPBank;
- Quyết định các hợp đồng giao dịch của VPBank quy định tại Điều lệ;
- Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc;

- Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của VPBank phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VPBank;
- Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của VPBank theo quy định của pháp luật;
- Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật;
- Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của pháp luật;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản VPBank;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của VPBank;
- Quyết định phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, trừ trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Quyết định mua lại cổ phần của VPBank theo quy định tại Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan;
- Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ VPBank hoặc giữa các Công ty thành viên độc lập của VPBank;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của BKS;
- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của HĐQT;
- Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác.

Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng Quản trị:

Ủy ban Nhân sự:

- Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT và BKS;
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT, BKS, người điều hành của VPBank;
- Tham mưu, đề xuất mức lương thưởng và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc;
- Xem xét kế hoạch ngân sách hàng năm chi cho nhân viên trình HĐQT phê duyệt;
- Tư vấn cho HĐQT và quyết định theo thẩm quyền đối với các nhân sự cấp cao của Ngân hàng, các quyết định về chính sách, chế độ đối với nhân sự, các dự án về đào tạo, chiến lược nhân sự, các quy trình đánh giá nhân sự, tuyển dụng, v.v.;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến các kế hoạch phân chia cổ phiếu dành cho cán bộ nhân viên.

Ủy ban Quản lý Rủi ro

- Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chiến lược, quy trình, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng;
- Phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VPBank trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro và đề xuất những biện pháp phòng ngừa;
- Phân tích quyết định mức độ rủi ro chung của Ngân hàng, thiết lập khẩu vị rủi ro và mức chịu đựng rủi ro của các mảng nghiệp vụ cũng như tổng thể hoạt động của Ngân hàng, đồng thời giám sát việc thực thi chính sách này trong Ngân hàng;
- Chịu trách nhiệm xem xét, quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Ngân hàng để phù hợp với các yêu cầu về quản trị rủi ro của các cơ quan quản lý;
- Phổ biến kiến thức và văn hóa quản lý rủi ro trong toàn bộ hệ thống Ngân hàng, v.v.

Ủy Ban Quản lý Rủi ro tổ chức họp định kỳ 1-2 lần/quý hoặc khi có vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Ủy ban cần phải xem xét.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của VPBank phải có tối thiểu 03 thành viên, không hạn chế tối đa, số lượng cụ thể do Đại hội đồng cổ đông quyết định; trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại VPBank và các doanh nghiệp khác. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ VPBank trong việc quản trị, điều hành VPBank;

- Ban hành Quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo;
- Có trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ;
- Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của VPBank. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của VPBank khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật;
- Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý VPBank theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);
- Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của ngân hàng, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này;
- Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ;
- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật của Điều lệ hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ;
- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các cuộc họp khác của VPBank;
- Định kỳ hàng năm, BKS phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho HĐQT, Tổng Giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng Giám đốc và thống nhất với Chủ tịch HĐQT;
- Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, kiểm toán Nhà nước, Ngân hàng nhà nước;
- Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan.

3.4 Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên HĐQT hoặc thuê. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của VPBank, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của VPBank;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của VPBank;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của VPBank;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý tại VPBank, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ;
- Quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong VPBank, theo thẩm quyền.
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;
- Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của VPBank theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị để giải quyết tiếp.
- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền;
- Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ.
- Ký kết hợp đồng nhân danh VPBank theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.

3.4.1 Các đơn vị tham mưu:

Tham mưu cho Tổng Giám đốc các chính sách và giải pháp chung trong quản trị ngân hàng như chiến lược, lập kế hoạch ngân sách, kiểm soát kế toán tài chính, quản trị rủi ro, quản lý dự án, quản trị nguồn nhân lực, v.v. Các đơn vị tham mưu bao gồm Khối Tài chính, Khối Quản trị Rủi ro, Khối Quản trị Nguồn nhân lực; Trung tâm Chiến lược và Quản lý dự án.

3.4.2 Các đơn vị kinh doanh

Là các bộ phận thực hiện các chức năng kinh doanh của Ngân hàng, bao gồm:

- Khối Khách hàng Cá nhân;
- Khối Tín dụng Tiểu thương;
- Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- Khối Khách hàng Doanh nghiệp;
- Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư;
- Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số;
- Khối Thị trường Tài chính;
- Trung tâm Định chế tài chính và Ngân hàng giao dịch;
- Khối VPDirect.

3.4.3 Các đơn vị vận hành – hỗ trợ

Là các đơn vị nghiệp vụ hỗ trợ các đơn vị kinh doanh, bao gồm:

- Khối Tín dụng;
- Khối Vận hành;
- Khối Công nghệ thông tin;
- Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ;
- Trung tâm Phân tích kinh doanh;
- Trung tâm Truyền thông và tiếp thị.

Bảng 2: Chức năng nhiệm vụ chính của các đơn vị

STT	Bộ phận	Chức năng/Nhiệm vụ chính
I Đơn vị tham mưu		
1	Khối Tài chính	- Kiểm soát kế toán tài chính trong VPBank - Quản lý công tác xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm, theo dõi

STT	Bộ phận	Chức năng/Nhiệm vụ chính
		<p>tình hình thực hiện kế hoạch tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý để tối ưu hóa nguồn lực của VPBank, bao gồm cơ cấu vốn, tài sản công nợ - Xây dựng, cung cấp thông tin quản trị để ra các quyết định quản lý - Quản lý và thực hiện công tác xây dựng các chính sách, hướng dẫn về kế toán, hạch toán kế toán, báo cáo kế toán, tư vấn và báo cáo thuế
2	Khối Quản trị rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển và quản lý các chính sách, công cụ quản lý rủi ro - Tổ chức và quản lý công tác rủi ro bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động nhằm đảm bảo hoạt động của VPBank an toàn và hiệu quả
3	Khối Quản trị nguồn nhân lực	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược của VPBank - Xây dựng và triển khai chương trình hành động/dự án, đảm bảo thực hiện thành công chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực của VPBank - Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh và tối đa hiệu quả hoạt động nguồn nhân lực của VPBank - Nghiên cứu mô hình tổ chức, chính sách nhân sự của các tổ chức tiên tiến trong và ngoài ngành để vận dụng phù hợp và tốt nhất cho VPBank - Xây dựng, cải tiến các quy chế, quy trình và chính sách quản trị nguồn nhân lực nhằm thu hút, duy trì và phát triển nguồn nhân lực cho Ngân hàng - Đa dạng hóa và phát triển các kênh truyền thông về nhân sự đảm bảo thông tin đến được với từng CBNV
4	Trung tâm chiến lược và quản lý dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu mối trong việc phân tích, xây dựng, cập nhật và triển khai chiến lược tổng thể của VPBank, hỗ trợ các Khối/Trung tâm xây dựng chiến lược thành phần, theo dõi và đánh giá việc triển khai chiến lược trên toàn hệ thống - Xác định danh mục các dự án chiến lược của VPBank, tham gia quản lý triển khai một số dự án chiến lược - Quản lý và cập nhật danh mục các dự án trong VPBank

II Đơn vị kinh doanh

STT	Bộ phận	Chức năng/Nhiệm vụ chính
1	Khối Thị trường tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định danh mục, cơ cấu, cơ chế phê duyệt và triển khai kinh doanh đối với các sản phẩm trên thị trường 1 và thị trường 2 như kinh doanh ngoại tệ, công cụ phái sinh, sản phẩm thị trường tiền tệ, trái phiếu Chính phủ và công cụ đầu tư - Quản lý thanh khoản toàn hệ thống, đảm bảo cân đối tài sản Nợ - Có - Giám sát rủi ro thị trường
2	Trung tâm Định chế tài chính và Ngân hàng giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu mối xây dựng và triển khai các chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình hoạt động liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng giao dịch và quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước
3	Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu mối xây dựng và triển khai các chiến lược, chính sách, kế hoạch, chương trình hoạt động liên quan đến hoạt động kinh doanh - Phát triển kinh doanh và quan hệ khách hàng, phát triển và bán các sản phẩm của ngân hàng cho các đối tượng khách hàng: doanh nghiệp lớn, định chế tài chính và định chế công
4	Khối Khách hàng Doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và đề xuất các chiến lược, chính sách nhằm quản lý, phát triển khách hàng doanh nghiệp - Xây dựng và triển khai các kế hoạch, chương trình kinh doanh - Thẩm định, quản lý rủi ro, quản lý thu hồi nợ, quản lý sau vay
5	Khối Khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và triển khai các chiến lược kinh doanh đối với phân khúc khách hàng SME - Tổ chức, triển khai, giám sát các hoạt động kinh doanh đối với phân khúc khách hàng SME - Phối hợp với Khối Quản trị rủi ro và các đơn vị liên quan thực hiện quản trị các rủi ro phát sinh trong quá trình kinh doanh
6	Khối Khách hàng Cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và triển khai các chiến lược kinh doanh đối với phân khúc khách hàng cá nhân - Tổ chức, triển khai, giám sát các hoạt động kinh doanh đối với phân khúc khách hàng cá nhân - Phối hợp với Khối Quản trị rủi ro và các đơn vị liên quan thực hiện quản trị các rủi ro phát sinh trong quá trình kinh doanh
7	Khối Tín dụng Tiểu thương	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và triển khai các chiến lược kinh doanh đối với phân khúc tín dụng tiểu thương - Tổ chức, triển khai, giám sát các hoạt động kinh doanh đối với phân

STT	Bộ phận	Chức năng/Nhiệm vụ chính
		khúc tín dụng tiêu thương
8	Khối Dịch vụ Ngân hàng Công nghệ số	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạch định, thực thi và chịu trách nhiệm về chiến lược ngân hàng công nghệ số của VPBank - Xây dựng phát triển dịch vụ ngân hàng công nghệ số của VPBank: phát triển mạng lưới các đối tác chiến lược trong các công ty công nghệ tài chính, công ty bán lẻ, viễn thông, di động ... - Cải tiến các quy trình nghiệp vụ thông qua việc tích hợp các công nghệ số với mục tiêu cải thiện trải nghiệm cho khách hàng
9	Khối VPDirect	<ul style="list-style-type: none"> - Là một khối độc lập, tập trung vào các giao dịch liên quan tới cuộc sống hàng ngày của khách hàng qua việc kết nối, hợp tác với mạng lưới đối tác số bên ngoài và cung cấp các sản phẩm thanh toán công nghệ số - VPDirect sẽ đưa ra các sản phẩm số đơn giản theo quy định của pháp luật Việt Nam nhằm đầu tiên thu hút khách hàng và sau đó giới thiệu sử dụng các sản phẩm khác của Ngân hàng
III Đơn vị vận hành – hỗ trợ		
1	Khối Vận hành	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thanh toán tập trung của toàn hệ thống VPBank; thiết lập mạng lưới thanh toán trong và ngoài nước; nghiên cứu và đề xuất các chính sách đến thanh toán và tài trợ thương mại với các ngân hàng trong và ngoài nước - Thực hiện các công tác xử lý tín dụng tập trung trên toàn hệ thống VPBank - Thực hiện chức năng quản lý và vận hành thẻ, xây dựng các quy định, chính sách liên quan đến nghiệp vụ thẻ - Xử lý nghiệp vụ giao dịch - Xây dựng chính sách về an toàn kho quỹ - Xây dựng và quản lý định mức tồn quỹ tại các Đơn vị, điều phối tiền mặt giữa các Đơn vị - Quản lý phát triển, vận hành mạng lưới, phân tích và xây dựng kế hoạch hỗ trợ mạng lưới - Quản lý công tác mua sắm tài sản - Thực hiện kiểm soát rủi ro vận hành và kiểm soát sau chứng từ kế toán
2	Khối Pháp chế và kiểm soát tuân thủ	<ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn, hỗ trợ, giải đáp, hướng dẫn, đưa ra các ý kiến đánh giá về pháp lý đối với các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động nghiệp

STT	Bộ phận	Chức năng/Nhiệm vụ chính
		<p>vụ, hợp đồng, giao dịch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi, phát hiện các xu hướng, vấn đề pháp lý mới để hỗ trợ phát triển hoạt động nghiệp vụ, tránh các xung đột phát sinh - Tổ chức, quản lý việc xây dựng hệ thống văn bản định chế của VPBank - Theo dõi, phát hiện, quản lý, đánh giá, báo cáo các rủi ro pháp lý, tuân thủ bao gồm các tổn thất ảnh hưởng đến uy tín của VPBank - Thiết lập hệ thống, quy trình để kiểm soát, phòng ngừa các rủi ro tuân thủ - Hỗ trợ các đơn vị hoặc đại diện VPBank làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan pháp luật.
3	Trung tâm Truyền thông và tiếp thị	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, đề xuất, triển khai các chương trình quảng bá thương hiệu và tiếp thị - Nghiên cứu, đo lường sức khỏe thương hiệu và hiệu quả của chương trình truyền thông và tiếp thị - Kiểm soát các hình ảnh truyền thông và tiếp thị của VPBank - Điều tra thị trường, điều tra hiệu quả sản phẩm - Phối hợp với các Khối Kinh doanh thực hiện các chương trình tiếp thị sản phẩm
4	Khối Tín dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định, phê duyệt tín dụng đối với các khách hàng - Kiểm soát sau vay - Thực hiện thẩm định, định giá tài sản bảo đảm
5	Khối Công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ và quản lý vận hành hệ thống công nghệ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh - Tư vấn, định hướng cho các Đơn vị ứng dụng công nghệ trong quá trình đổi mới và tự động hoá các quy trình kinh doanh, nghiệp vụ
6	Trung tâm Phân tích kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy và cho phép sử dụng hiệu quả dịch vụ chia sẻ thông tin, dữ liệu kinh doanh của VPBank cùng với việc phát triển và quản lý Phương pháp quản trị dữ liệu toàn ngân hàng - Quản lý cơ sở hạ tầng dữ liệu báo cáo cùng với khối CNTT - Quản lý và triển khai khung quản trị dữ liệu trên toàn hệ thống

Nguồn: VPBANK

4. Danh sách cổ đông

4.1 Cơ cấu cổ đông hiện tại

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông hiện tại của VPBank

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước				
	Tổ chức	26	330.060.532	3.300.605.320.000	23,48%
	Cá nhân	2.376	687.132.721	6.871.327.210.000	48,87%
II	Cổ đông nước ngoài				
	Tổ chức	78	314.124.600	3.141.246.000.000	22,34%
	Cá nhân	-	-	-	0,00%
III	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi cổ tức				
	Tổ chức	5	11.120.453	111.204.530.000	0,79%
	Cá nhân	65	62.099.147	620.991.470.000	4,42%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	0,00%
V	Công đoàn VPBank	2	1.371.182	13.711.820.000	0,10%
	Tổng cộng	2.552	1.405.908.635	14.059.086.350.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 28/07/2017

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của VPBank

Không có

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 08/09/1993, thay đổi lần thứ 38 ngày 10/07/2017 thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng không có cổ đông sáng lập tại thời điểm này.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của VPBank, những công ty mà VPBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VPBank

5.1 Công ty mẹ của VPBank

Không có

5.2 Danh sách công ty con của VPBank

Công ty TNHH Quản lý Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng

- Địa chỉ: Tầng L2B, tòa nhà R6 Royal City, số 72A Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Giấy CNĐKKD: 0105837483 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/07/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28/12/2016.
- Điện thoại: +84 (0)24 73056600 Fax: +84 (0)24 66641255
- Vốn điều lệ: 115 tỷ đồng

- Tỷ lệ nắm giữ của VPBANK: 100% vốn điều lệ
- Năm thành lập: 2006
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Mua bán nợ: Mua bán nợ tồn đọng của các TCTD khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.
 - Xử lý nợ: Thực hiện tiếp nhận và xử lý các khoản nợ quá hạn, xử lý các tài sản bảo đảm liên quan đến các khoản nợ quá hạn mà VPBank đã ủy thác cho VPBank AMC xử lý nhằm thu hồi vốn nhanh nhất cho Ngân hàng.

 **Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng**

- Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà REE Tower, Số 9 Đoàn Văn Bơ, P.12, Q.4, TP.HCM
- Giấy CNĐKKD: 0102180545 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07/11/2016.
- Điện thoại: +84 (0)28 39115212 Fax: +84 (0)28 39115213
- Vốn điều lệ: 2.790 tỷ đồng
- Tỷ lệ nắm giữ của VPBANK: 100% vốn điều lệ
- Năm thành lập: 2007
- Ngành nghề kinh doanh chính: các hoạt động của một công ty tài chính chuyên ngành tín dụng tiêu dùng bao gồm: Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức, cho vay tiêu dùng bao gồm cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng, phát hành thẻ tín dụng, Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm, Cung ứng dịch vụ tư vấn trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư.....

5.3 Danh sách những công ty mà VPBank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

 **Công ty TNHH Quản lý Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng**

(Xem thông tin chi tiết phần 5.2)

 **Công ty Tài Chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng**

(Xem thông tin chi tiết phần 5.2)

5.4 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VPBank

Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Ngành nghề kinh doanh chính

6.1.1 Huy động vốn

Huy động vốn là một hoạt động được VPBank rất chú trọng, với mục tiêu bảo đảm vốn cho vay, an toàn thanh khoản và tạo điều kiện tăng nhanh Tài sản Nợ, nâng cao vị thế của VPBank trong hệ thống ngân hàng. Các sản phẩm huy động vốn của VPBank rất đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền của dân cư và các tổ chức bằng ngoại tệ và nội tệ thông qua nhiều kênh huy động.

▼ **Thị trường 1:** Là mảng thị trường tập trung vào các đối tượng là cá nhân và các tổ chức kinh tế. Ngoài các sản phẩm huy động truyền thống, VPBank không ngừng đưa ra các sản phẩm huy động vốn đa dạng, tiện ích, cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu của cá nhân và tổ chức như: (i) chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn, (ii) trái phiếu. Ngoài ra, nhờ có chính sách lãi suất phù hợp cùng với các chương trình khuyến mãi với quà tặng hấp dẫn và mạng lưới hoạt động rộng khắp trong cả nước, thương hiệu của VPBank đã chiếm được vị trí vững chắc trong tiềm thức dân cư và các doanh nghiệp nên việc huy động vốn cũng trở nên thuận lợi.

▼ **Thị trường 2:** Là mảng thị trường tập trung vào các định chế tài chính. Bên cạnh việc kinh doanh liên ngân hàng, VPBank còn nhận vốn tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các dự án trọng điểm, đóng góp chung vào sự phát triển của nền kinh tế.

Hoạt động huy động vốn của VPBank biến chuyển tốt qua các năm và tập trung chủ yếu vào khu vực dân cư và các tổ chức kinh tế, duy trì tỷ trọng hợp lý giữa nguồn vốn huy động từ thị trường 1 và thị trường 2, từ đó nâng cao dự trữ thanh khoản và thực hiện đúng chiến lược tái cơ cấu bảng cân đối của VPBank. Tại 31/12/2016, tổng nguồn vốn huy động của VPBank tăng 19% so với cùng kỳ năm 2015, trong đó đóng góp chủ yếu đến từ Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá. Trong năm 2016, VPBank đã tập trung phát triển sản phẩm huy động vốn dài hạn thông qua phát hành giấy tờ có giá bao gồm chủ yếu là chứng chỉ tiền gửi với tổng giá trị tăng trưởng là hơn 26.700 tỷ đồng tương đương tăng 122,6% so với năm trước. Về bản chất, các chứng chỉ tiền gửi này cũng tương tự như các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn với ưu điểm ổn định hơn và thời hạn huy động thường dài hơn. Tiền gửi của khách hàng tại 31/12/2016 đạt 123.788 tỷ đồng, chiếm 61,1% trong tổng nguồn vốn huy động của VPBank. Bên cạnh đó, Tiền gửi và vay các TCTD khác năm 2016 đã tăng 62,3% so với cùng kỳ năm 2015 và đạt mức 28.836 tỷ đồng.

Chi tiết Nguồn vốn huy động trong các năm qua như sau:

Bảng 4: Nguồn vốn huy động

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2016		30/06/2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi của khách hàng	130.271	76,5%	123.788	61,1%	129.614	59,1%

Tiền gửi và vay các TCTD khác	17.764	10,4%	28.836	14,2%	21.061	9,6%
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>9.603</i>	<i>5,6%</i>	<i>13.437</i>	<i>6,6%</i>	<i>6.797</i>	<i>3,1%</i>
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>8.161</i>	<i>4,8%</i>	<i>15.399</i>	<i>7,6%</i>	<i>14.264</i>	<i>6,5%</i>
Phát hành giấy tờ có giá	21.860	12,8%	48.650	24,0%	65.828	30,0%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	383	0,2%	1.390	0,7%	2.866	1,3%
Tổng	170.278	100%	202.664	100%	219.369	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

6.1.2 Hoạt động tín dụng

VPBank thực hiện chính sách tín dụng thận trọng và phân tán rủi ro. Việc tăng trưởng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo an toàn hoạt động cho Ngân hàng. Hoạt động tín dụng của VPBank được giữ vững theo phương châm “thận trọng”, không cạnh tranh bằng cách nói lỏng điều kiện tín dụng. Đồng thời, với phương châm “phân tán rủi ro”, VPBank đã chú trọng hỗ trợ tích cực cho các đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các hộ kinh doanh cá thể trong việc phát triển sản xuất kinh doanh, và đáp ứng các nhu cầu tín dụng tiêu dùng cho các cá nhân.

Bảng 5: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
Dư nợ cho vay khách hàng	116.804	144.673	162.088
<i>Tỷ lệ tăng/ giảm dư nợ cho vay khách hàng</i>	<i>48,7%</i>	<i>23,9%</i>	<i>12,0%</i>
Nợ ngắn hạn	32.498	35.892	43.062
Nợ trung hạn	56.546	59.596	76.420
Nợ dài hạn	27.760	49.185	42.606

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

VPBank có tốc độ tăng trưởng dư nợ năm 2016 đạt 23,9% so với năm 2015 và đạt 144.673 tỷ đồng. Song song với tốc độ tăng trưởng này, chất lượng tín dụng của VPBank vẫn đảm bảo được yêu cầu của NHNN và quy chế của VPBank. Tỷ lệ nợ xấu của VPBank tại thời điểm 31/12/2016 và 30/06/2017 lần lượt ở mức 2,91% và 2,81% tổng dư nợ.

Bảng 6: Chất lượng dư nợ cho vay

Đơn vị tính: tỷ đồng

Phân loại nợ	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
Nợ đủ tiêu chuẩn	106.714	132.511	145.900
Nợ cần chú ý	6.945	7.956	11.630

Nợ dưới tiêu chuẩn	1.268	2.335	2.270
Nợ nghi ngờ	523	975	1.194
Nợ có khả năng mất vốn	1.354	896	1.094
Tổng cộng	116.804	144.673	162.088

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

Bảng 7: Phân loại dự nợ cho vay theo loại hình đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp từ 2015 đến 2016

Đơn vị tính: tỷ đồng

Dự nợ theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp	2015	2016
Công ty Nhà Nước	1.548	2.170
Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% VĐL	631	970
Công ty TNHH 02 thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50% VĐL hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối	415	26
Công ty TNHH khác	28.713	27.409
CTCP có vốn góp Nhà nước trên 50% VĐL hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ công ty	861	663
CTCP khác	20.976	21.201
Doanh nghiệp tư nhân	625	785
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	573	599
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	100	67
Hộ kinh doanh, cá nhân	62.235	89.973
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	125	110
Khác	2	700
Tổng Cộng	116.804	144.673

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016

Trong năm 2016, Dự nợ cho vay khách hàng của VPBank đạt 144.673 tỷ đồng, tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2015 (năm 2015, dự nợ cho vay khách hàng đạt 116.804 tỷ đồng). Trong đó: (i) cho vay khách hàng doanh nghiệp tại 31/12/2016 là 54.700 tỷ đồng, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2015, (ii) cho vay hộ kinh doanh, cá nhân tại 31/12/2016 là 89.973 tỷ đồng, tăng 44,6% so với cùng kỳ năm 2015. Dự nợ của khách hàng doanh nghiệp và của hộ kinh doanh, cá nhân năm 2016 lần lượt chiếm 37,8% và 62,2% tổng dự nợ của VPBank. Trong khi đó, dự nợ của khách hàng doanh nghiệp và của Hộ kinh doanh, cá nhân năm 2015 lần lượt chiếm 46,7% và 53,3% tổng dự nợ của VPBank. Sự dịch chuyển này đã phản ánh chiến lược xuyên suốt của VPBank là tập trung phát triển phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Cùng với tăng trưởng cho vay khách hàng, VPBank đang từng bước nâng cao chất lượng tài sản và kiểm soát chất lượng tín dụng thông qua nhiều biện pháp như (i) Hoàn tất việc triển khai quy trình xử lý và phê duyệt tín dụng tập trung; (ii) Đẩy mạnh và chuyên môn hóa công tác thu hồi nợ.

Bên cạnh đó, VPBank là một trong những ngân hàng đi tiên phong trong việc triển khai Hiệp ước vốn theo chuẩn Basel II, bao gồm việc xây dựng chiến lược tổng thể về công nghệ thông tin để hỗ trợ các phương pháp đo lường rủi ro tín dụng, thị trường, tính toán vốn...

6.1.3 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Bảng 8: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và dịch vụ thanh toán từ 2015 đến nay

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	6 tháng 2017
Thu từ dịch vụ thanh toán	189	243	119
Chi về dịch vụ thanh toán	(112)	(156)	(82)
Lãi thuần từ dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	77	87	37
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(290)	(319)	(43)

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

Về hoạt động kinh doanh ngoại tệ, VPBank không kinh doanh ngoại hối mà chỉ mua bán ngoại tệ để phục vụ nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, theo quy định về hạch toán của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), các trạng thái ngoại tệ không đánh giá lại theo giá trị thị trường hàng ngày mà chỉ đánh giá lại theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm báo cáo. Do vậy, các trạng thái ngoại tệ khi mua với tỷ giá lớn hơn tỷ giá liên ngân hàng sẽ phải ghi nhận lỗ trong hạng mục lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối. Các khoản lỗ này chỉ do cách hạch toán kế toán và mang tính thời điểm.

Dịch vụ thanh toán quốc tế và trong nước

Hoạt động dịch vụ thanh toán của VPBank có sự tăng trưởng mạnh trong năm 2016, với tốc độ tăng thu nhập và lãi thuần từ dịch vụ thanh toán so với năm 2015 lần lượt đạt 28,6% và 13,0%.

Với mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và hệ thống ATM rộng khắp trên toàn quốc, cùng với việc VPBank là thành viên của Hiệp hội thanh toán điện tử liên Ngân hàng Citad, đồng thời cũng là thành viên thanh toán song phương/đa phương với những ngân hàng hàng đầu Việt nam, VPBank đã và đang cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng với nhiều tiện ích.

Đối với mảng dịch vụ thanh toán quốc tế, VPBank không ngừng hoàn thiện các sản phẩm và hệ thống cung cấp sản phẩm thanh toán quốc tế nhằm đẩy mạnh doanh số hoạt động thanh toán quốc tế trong các năm tới. Hiện nay, VPBank đã thực hiện mô hình tập trung

thanh toán quốc tế giữa các chi nhánh và Hội sở chính thông qua Trung tâm thanh toán. Do vậy, nghiệp vụ chuyển tiền quốc tế và tài trợ thương mại được Trung tâm thanh toán xử lý theo một quy trình và chuẩn mực thống nhất trên toàn hệ thống, đảm bảo an toàn, hiệu quả cho hệ thống thanh toán của VPBank. Hơn nữa, VPBank đã xây dựng mạng lưới Ngân hàng đại lý rộng khắp trên toàn thế giới. Đến nay, VPBank đã thiết lập quan hệ đại lý với hơn 450 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng trên toàn cầu phục vụ các nhu cầu của khách hàng trong nước và quốc tế liên quan đến thanh toán quốc tế. Điều này góp phần rút ngắn thời gian VPBank phát hành, thông báo và thu xếp các yêu cầu xác nhận tín dụng thư liên quan đến giao dịch xuất nhập khẩu một cách nhanh chóng và hiệu quả. Tỷ lệ điện chuẩn trong thanh toán của VPBank luôn ở mức cao, góp phần làm giảm chi phí phát sinh, rút ngắn thời gian giao dịch. Nhiều năm liên tục, VPBank đạt giải thưởng về chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc do các tập đoàn tài chính toàn cầu như Union Bank - Mỹ, The Bank of NewYork, CitiBank - Mỹ, Wachovia Bank trao tặng.

Bảng 9: Hoạt động thanh toán từ 2015 đến nay

Nghiệp vụ	Đơn vị	2015	2016	6 tháng 2017
Chuyển tiền trong nước đi	nghìn tỷ VND	410	475	282
Chuyển tiền trong nước về	nghìn tỷ VND	1.604	1.281	691
Chuyển tiền quốc tế đi	triệu USD	605	779	371
Chuyển tiền quốc tế về	triệu USD	522	525	426
Thanh toán TTTM xuất khẩu	triệu USD	109	130	142
Thanh toán TTTM nhập khẩu	triệu USD	565	653	320

Nguồn: VPBank

Dịch vụ kinh doanh ngoại hối

VPBank liên tục duy trì trạng thái ngoại tệ trong mức quy định của NHNN. Doanh thu từ hoạt động này chủ yếu từ các hợp đồng giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... VPBank đã thiết lập các hạn mức trạng thái cho từng loại ngoại tệ và được theo dõi tập trung tại Hội sở chính. Ngoài ra, các biện pháp phòng ngừa rủi ro cũng được áp dụng để đảm bảo trạng thái ngoại tệ toàn hệ thống được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

6.1.4 Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện nay, VPBank đã có quan hệ đại lý với hơn 450 ngân hàng và chi nhánh ngân hàng tại gần 60 quốc gia và vùng lãnh thổ. Trong đó, VPBank cũng đã thiết lập quan hệ với các ngân hàng lớn trên thế giới và có mạng lưới rộng khắp như Citibank, JP Morgan Chase, Standard Chartered Bank, Deutsche Bank, Commerzbank, ICBC ...

VPBank mở và duy trì tài khoản Nostro của các ngoại tệ mạnh như USD, EUR, JPY, AUD, SGD, CNY tại các ngân hàng hàng đầu, nhằm phục vụ yêu cầu thanh toán quốc tế của khách hàng một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, các ngân hàng đại lý cấp hạn mức tín chấp lớn cho VPBank phục vụ nghiệp vụ xác nhận, chiết khấu, tài trợ LC, bảo lãnh, kinh

doanh tiền tệ và ngoại hối. Việc liên tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác và mở rộng mạng lưới ngân hàng đại lý là cơ sở vững chắc để VPBank xây dựng và triển khai thành công nhiều sản phẩm thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại. Ngoài ra, VPBank đang tham gia chương trình tài trợ thương mại của các tổ chức ADB, IFC với tổng hạn mức bảo lãnh, chia sẻ rủi ro tại 31/12/2016 là 71 triệu USD.

6.1.5 Hoạt động dịch vụ khác

✦ Dịch vụ Bảo lãnh

Các loại hình bảo lãnh do VPBank cung cấp bao gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh chất lượng sản phẩm và bảo lãnh vay nợ. Thu nhập ròng từ phí và phí môi giới của các dịch vụ bảo lãnh này đóng góp một phần vào doanh thu của Ngân hàng.

✦ Dịch vụ thẻ

Hiện nay, VPBank đã phát hành tổng cộng 28 loại thẻ, gồm 3 loại thẻ nội địa và 25 loại thẻ quốc tế thương hiệu MasterCard. VPBank hiện đã là thành viên chính thức của các tổ chức thẻ và tổ chức chuyển mạch lớn trong và ngoài nước như: Napas, VNBC, MasterCard, Visa.

Tháng 5/2015, VPBank đã chính thức triển khai sản phẩm Thẻ tín dụng quốc tế VPBank Priority Platinum MasterCard dành riêng cho phân khúc khách hàng ưu tiên với mục tiêu đa dạng hóa các loại thẻ tín dụng và cung cấp các ưu đãi riêng biệt dành cho phân khúc khách hàng ưu tiên này.

Cùng với việc khuyến khích sử dụng giao dịch thẻ, VPBank mở rộng đối tượng khách hàng sử dụng thẻ nhằm đưa thẻ đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau trên cả nước. Kết quả đạt được là trong năm 2016, VPBank đã phát hành mới được gần 350.000 thẻ. Thẻ ghi nợ nội địa vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn 70% trong tổng số thẻ phát hành. Thẻ tín dụng quốc tế vẫn tiếp tục tăng trưởng đều qua các năm, cụ thể năm 2016 phát hành mới trên 90.000 thẻ, trong 6 tháng đầu năm 2017 con số này là gần 70.000 thẻ.

✦ Dịch vụ giá trị gia tăng

Quản lý dòng tiền

VPBank là một trong những ngân hàng cung cấp dịch vụ quản lý dòng tiền đa dạng nhất với khoảng 14 sản phẩm chính như dịch vụ tài khoản (VP Business), dịch vụ ngân hàng điện tử VPBank online, dịch vụ thu hộ, dịch vụ chi hộ... Qua đó giúp khách hàng quản lý hiệu quả dòng tiền của mình với phương thức và địa điểm phù hợp nhất với nhu cầu của khách hàng. Các sản phẩm thu chi tiền, chuyển tiền, thanh toán tiền, thẻ VPBiz Card... của VPBank đang được nhiều khách hàng tin tưởng và lựa chọn để thực hiện công việc một cách dễ dàng, thuận tiện và tiết kiệm nhất.

Bảo hiểm

Nhằm mang lại tiện ích tốt nhất cho khách hàng, VPBank cũng hợp tác với những công ty bảo hiểm uy tín như AAA, PVI để mang lại những giải pháp chăm sóc toàn diện cho khách hàng.

Dịch vụ Ngân hàng công nghệ số

Số hóa là một trong những chiến lược quan trọng của VPBank, thể hiện tầm nhìn của Ban lãnh đạo đối với tương lai ngành ngân hàng và sự thay đổi trong hành vi khách hàng. Do đó, VPBank đã thành lập một đơn vị chuyên trách – tập trung triển khai định hướng chủ yếu của chiến lược số hóa. Là một trong những ngân hàng tiên phong, đón đầu xu thế sử dụng các sản phẩm dịch vụ trực tuyến, VPBank đang cung cấp các dịch vụ trực tuyến cho phép khách hàng tiếp cận và sử dụng hầu hết các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng trên các kênh Internet, điện thoại di động, SMS... qua đó giúp khách hàng có thể sử dụng sản phẩm dịch vụ của VPBank tại bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Năm 2016, VPBank là ngân hàng đầu tiên trên thị trường đã số hóa thành công các sản phẩm thấu chi khách hàng trả lương, thấu chi trên tài khoản thanh toán (Sm@rt OD), thẻ tín dụng phê duyệt trước và thẻ tín dụng Timo. Việc hợp tác với các đơn vị fintech - là các công ty kinh doanh dịch vụ tài chính dựa trên nền tảng công nghệ, đặc biệt là Timo, đã cho ra đời các dịch vụ tài chính khác biệt như đăng ký mở tài khoản hoàn toàn online; quản lý dòng tiền theo mục tiêu với lãi suất cao và linh hoạt; được cấp thẻ tín dụng quốc tế miễn phí chuyển đổi tỷ giá ngoại tệ chi tiêu ở nước ngoài; ứng trước khoản vay khi tài khoản hết tiền với lãi suất hấp dẫn và kỳ hạn linh hoạt, v.v. Những dịch vụ này đã tạo ra làn gió mới trong ngành ngân hàng về những dịch vụ hiện đại, thuận tiện cho khách hàng.

VPBank đã cung cấp giải pháp ngân hàng toàn diện cho khách hàng doanh nghiệp, trong đó khách hàng được cung cấp (i) các giải pháp thanh toán đa dạng và thuận tiện, (ii) quản lý dòng tiền hiệu quả mạng lưới chi nhánh hoặc các đại lý, (iii) tiết kiệm chi phí và thời gian xử lý giao dịch cho khách hàng. Đặc biệt, với hệ thống quản trị rủi ro hoàn chỉnh dựa trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại đã giúp cho các giao dịch của khách hàng được bảo mật, cụ thể như (i) ma trận phân quyền mạnh mẽ, cho phép phân quyền theo vai trò và trách nhiệm, (ii) áp dụng công nghệ bảo mật tiên tiến nhất nhằm đảm bảo tính xác thực của từng lệnh giao dịch (đúng người được ủy quyền và đúng nội dung thanh toán) và (iii) cho phép xem lại chi tiết lịch sử các thao tác của từng Người sử dụng đã được phân quyền.

Dịch vụ cá nhân

VPBank là một trong các ngân hàng cung cấp dịch vụ cá nhân đa dạng nhất cung cấp đến tận nơi cho khách hàng. Ngoài các dịch vụ thông dụng như chuyển tiền, chi lương..., VPBank còn cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu chuyên biệt mà khách hàng khó tìm được ở các nơi khác như dịch vụ ngân hàng tại chỗ, kiểm định ngoại tệ, nhận tiền Western Union trực tuyến..., qua đó mang lại những lợi ích tốt nhất cho khách hàng.

Sản phẩm tài chính

VPBank cung cấp các sản phẩm ngoại hối, mua bán hoán đổi ngoại tệ phù hợp với nhu cầu của khách hàng và mức phí cạnh tranh trên thị trường. VPBank cũng hỗ trợ các khách hàng doanh nghiệp lớn như CTCP Tập đoàn Masan, CTCP SunGroup...phát hành trái phiếu để giúp doanh nghiệp huy động được lượng vốn lớn, đa dạng hóa nhà đầu tư và xây dựng được hình ảnh đẹp của doanh nghiệp.

6.1.6 Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán

Hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán của VPBank bao gồm (i) chứng khoán kinh doanh và (ii) chứng khoán đầu tư.

Bảng 10: Chứng khoán kinh doanh của VPBank từ 2015 đến nay

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
Chứng khoán nợ	2.047	2.954	4.866
Đã niêm yết	2.047	2.745	4.658
Chưa niêm yết	-	208	208
Chứng khoán vốn	-	-	-
Đã niêm yết	-	-	-
Chưa niêm yết	-	-	-
Tổng	2.047	2.954	4.866

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

Tại thời điểm 31/12/2016, chứng khoán kinh doanh của VPBank tăng 44,3% so với cùng kỳ năm 2015. Cơ cấu chứng khoán của VPBank trong năm 2016 chủ yếu là chứng khoán nợ gồm (i) Trái phiếu Chính phủ và (ii) Trái phiếu của các tổ chức tín dụng. Chi tiết như sau:

Bảng 11: Chi tiết chứng khoán kinh doanh của VPBank từ 2015 đến nay

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
Chứng khoán nợ	2.047	2.954	4.866
Trái phiếu Chính phủ	1.324	1.500	3.566
Trái phiếu của các tổ chức tín dụng	723	1.454	1.320
<i>Trong đó trái phiếu được chính phủ bảo lãnh</i>	<i>529</i>	<i>1.245</i>	<i>1.111</i>
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế phát hành	-	-	-
Chứng khoán vốn	-	-	-
TCTD trong nước phát hành	-	-	-

TCKT trong nước phát hành	-	-	-
Dự phòng rủi ro và giảm giá CK kinh doanh	(3)	(2)	(11)
Tổng	2.044	2.952	4.855

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

Bảng 12: Chi tiết chứng khoán đầu tư của VPBank từ 2015 đến nay

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
1.Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	43.791	51.700	50.405
Chứng khoán nợ	43.951	51.933	50.606
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	-	-	-
Tín phiếu Kho bạc	-	-	-
Trái phiếu Chính Phủ	21.025	21.721	19.040
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	12.787	15.089	15.904
Chứng chỉ tiền gửi do các TCDC khác trong nước phát hành	-	1.100	1.100
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	10.139	14.023	14.562
Chứng khoán vốn	15	15	15
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán	(175)	(248)	(216)
2.Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	3.954	3.640	3.665
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	4.521	4.136	4.194
Trái phiếu Chính phủ	-	-	104
Dự phòng Trái phiếu đặc biệt	(567)	(496)	(633)
Tổng	47.745	55.340	54.070

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

Năm 2016 là một năm để lại nhiều dấu ấn đối với các hoạt động đầu tư dài hạn của Ngân hàng. Trong năm danh mục đầu tư dài hạn đã được cơ cấu, điều chỉnh theo hướng giảm thiểu đầu tư trực tiếp, chỉ đầu tư có chọn lọc vào một số khoản trái phiếu doanh nghiệp có margin lợi nhuận tốt được chào bán trên thị trường nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và quản trị rủi ro cho VPBank.

Bên cạnh đó, VPBank còn thực hiện hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá. VPBank luôn duy trì mức đầu tư giấy tờ có giá trung bình vào khoảng trên 20% tổng tài sản, chủ yếu tập trung

vào các giấy tờ có giá có mức rủi ro thấp như Trái phiếu Chính phủ hoặc Trái phiếu do Chính phủ bảo lãnh. Hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá đã tận dụng được một số cơ hội để hiện thực hóa lợi nhuận đúng thời điểm, tái cơ cấu danh mục đầu tư nhằm xây dựng một danh mục có tính thanh khoản cao. Đặc biệt, VPBank đã đứng thứ 5 trong bảng xếp hạng năm 2016 của khối ngân hàng thương mại do Bộ Tài chính công bố. Với kết quả này, VPBank tiếp tục được Bộ Tài chính công nhận là 1 trong số 23 thành viên đầu thầu của Bộ trong năm 2017.

6.1.7 Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn

Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong năm 2015 của VPBank đánh dấu một sự kiện quan trọng, VPBank đã thoái 89% vốn của Ngân hàng tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS). Tại thời điểm 31/12/2016, VPBank chỉ còn sở hữu 11% vốn điều lệ của VPBS. Ngoài ra trong năm 2015, VPBank cũng tham gia vào việc mua đấu giá cổ phần của CTCP Cảng Sài Gòn. Tỷ lệ sở hữu của VPBank tại CTCP Cảng Sài Gòn là 7,44% vốn điều lệ của CTCP Cảng Sài Gòn, tương ứng với 16.090.000 cổ phần.

Bảng 13: Hoạt động đầu tư vào các công ty con

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	115	115	115
Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.724	3.014	3.014
Tổng Cộng	1.839	3.129	3.129

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

Bảng 14: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn của VPBank từ 2015 đến nay

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
CTCP Vận tải ITRACO	0,021	0,021	0,021
CTCP Đồng Xuân	5	5	5
CTCP Đài tạo và Tư vấn Ngân hàng (BTC)	0,4	0,4	0,4
CTCP Thông tin tín dụng (PCB)	3,9	3,9	3,9
CTCP Cảng Sài Gòn	185	185	185
CTCP Chứng khoán NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	105	105	105
CTCP Xăng dầu Dầu khí PVOil Miền Trung	7,7	-	-
CTCP Dịch vụ Bảo vệ Thịnh An	0,5	-	-

Tổng Cộng	307,6	299	299
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	(0,5)	(76)	(43)
Tổng cộng sau dự phòng	307,1	223	256

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015, 2016, BCTC Quý II năm 2017 do VPBank lập

6.1.8 Hoạt động mua bán nợ

Hoạt động mua bán nợ của VPBank thông qua Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng Việt Nam Thịnh vượng (VPBank AMC).

VPBank AMC được thành lập vào năm 2006 với ngành nghề kinh doanh chính là mua bán nợ và xử lý nợ.

Kết quả thu hồi nợ của VPBank AMC luôn đạt ngưỡng trên 80% so với chỉ tiêu và tăng đều qua các năm đối với cả 2 phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp. Để thực hiện tốt việc thu hồi nợ, bên cạnh các phương pháp xử lý nợ thông thường, VPBank AMC không ngừng đầu tư và phát triển các hệ thống, công cụ để nâng cao chất lượng xử lý nợ. Điển hình đầu năm 2016, VPBank AMC đã ứng dụng phần mềm Voice Blaster và Phần mềm gửi SMS nhắc nợ tự động để nâng cao hiệu quả xử lý nợ. Bên cạnh đó, trong năm 2016, VPBank AMC cũng đã triển khai Phần mềm thu hồi nợ và gọi điện thoại tự động. Các phần mềm này đã giúp cán bộ xử lý nợ của VPBank AMC nâng cao hiệu quả làm việc so với việc thực hiện thủ công, tăng số lượng cuộc gọi, số lượng tin nhắn SMS đến khách hàng, giúp tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả xử lý nợ.

Bảng 15: Một số chỉ tiêu hoạt động của VPBank AMC

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
Tổng tài sản	215	188	155
Tổng vốn chủ sở hữu	198	162	152
Lợi nhuận trước thuế	51	2	(9)

Nguồn: VPBank AMC

6.1.9 Hoạt động tài chính tiêu dùng

Năm 2010, VPBank đã thành lập Khối Tín dụng Tiêu dùng với định hướng tập trung vào hoạt động cho vay tiêu dùng (*dưới thương hiệu FE Credit*) – một thị trường mà Ban Lãnh đạo VPBank đánh giá rất tiềm năng.

Vào tháng 7 năm 2014, VPBank thực hiện mua lại Công ty TNHH MTV Tài chính Than Khoáng sản Việt Nam, đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV VPBank (VPBFC), và chuyển dần hoạt động của Khối Tín dụng Tiêu dùng sang công ty này. Năm 2015 là năm đầu tiên hoạt động tài chính tiêu dùng của VPBank vận hành hoàn toàn theo mô hình công ty con của VPBank.

Hoạt động kinh doanh chính của FE Credit là cho vay tiêu dùng cá nhân. Bên cạnh đó, FE Credit còn có hoạt động huy động vốn để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chính.

✦ Cho vay tiêu dùng

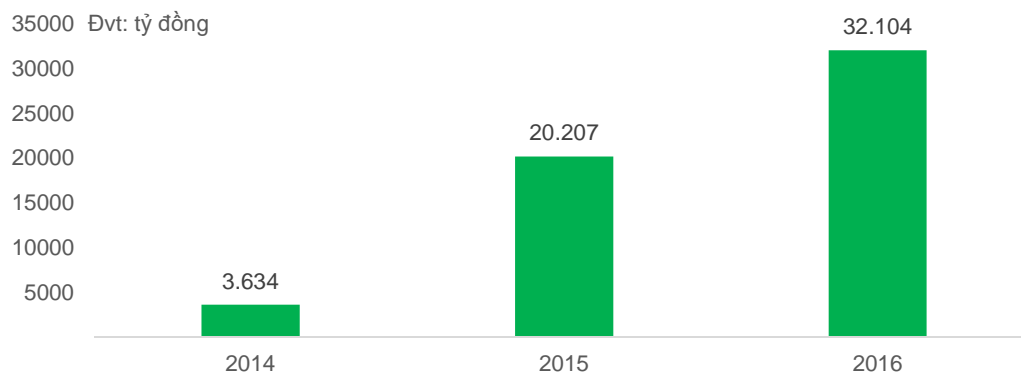
Sản phẩm cho vay tiêu dùng của FE Credit khá đa dạng, bao gồm các sản phẩm như sau:

- Cho vay mua hàng gia dụng (Consumer Durables Loan – CDL) cho các khách hàng có nhu cầu mua sắm tại các hệ thống/trung tâm phân phối sản phẩm điện máy, điện thoại di động và hàng điện tử như: Thế Giới Di Động, FPT Shop, Viettel, Nguyễn Kim, ...
- Cho vay mua xe máy trả góp (Two-Wheelers Loan – TWL) cho các khách hàng mua xe máy tại các showroom bán xe máy trên toàn quốc.
- Cho vay tiền mặt bao gồm cho vay tiền mặt đối với khách hàng mới (Personal Loans New-To-Bank - PLNTB) và Vay tiền mặt qua hình thức bán chéo sản phẩm (Personal Loan XS/TU) thông qua các Kênh Bán hàng Trực Tiếp (Direct Sales), Bán hàng Qua điện thoại (Telesales), ...
- Thẻ tín dụng (Credit Card) dành cho khách hàng mới (Credit Card New-to-bank), bán chéo (Credit Card XS), bán kèm với sản phẩm CDL.

Để tiết kiệm chi phí bán hàng và thu hồi nợ cũng như bắt kịp xu hướng tiêu dùng của khách hàng, FE Credit đã triển khai sản phẩm cho vay tiêu dùng thông qua phát hành thẻ tín dụng quốc tế vào năm 2015. Đây là sản phẩm mới mang tính tiên phong của FE Credit so với các công ty đối thủ.

Khác với các công ty đối thủ, FE Credit chú trọng đẩy mạnh sản phẩm cho vay tiền mặt (PL-Xsell và PL-NTB) để phục vụ các nhu cầu của cá nhân ngoài các sản phẩm cho vay mua hàng điện máy và xe gắn máy. Với chiến lược chiếm lĩnh thị trường khác biệt và tiềm năng rất lớn của thị trường tín dụng tiêu dùng chưa khai phá, FE Credit đã có sự bứt phá ngoạn mục về tốc độ tăng trưởng tín dụng cũng như thị phần trong thời gian qua.

Hình 4: Tăng trưởng tín dụng của FE Credit



Nguồn: FE Credit

Thị trường cho vay hàng tiêu dùng lâu bền, cho vay mua xe máy hai bánh đã khá bão hòa và số tiền mỗi khoản vay không quá lớn nên tỷ trọng dư nợ của hai sản phẩm này trong tổng dư nợ cho vay của FE Credit không cao.

Bên cạnh đó, chất lượng tín dụng về cơ bản được kiểm soát. Hoạt động tín dụng chủ yếu là cho vay khách hàng cá nhân theo hình thức tín chấp. Năm 2015 nợ nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn chiếm gần 78,5%, nợ nhóm 2 chiếm 17,5% và nợ xấu chiếm 4,05%. Nợ xấu tại 31/12/2016 chiếm khoảng 6% chủ yếu do tăng tỷ trọng nợ nhóm 3, tỷ trọng nợ nhóm 4 giảm mạnh và tỷ trọng nợ nhóm 5 không thay đổi. FE Credit đã trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Huy động vốn

Nguồn vốn huy động của FE Credit đến chủ yếu từ các sản phẩm huy động (nhận tiền gửi có kỳ hạn và phát hành Chứng chỉ tiền gửi) dành cho khách hàng là các doanh nghiệp trong nước. Ngoài ra Công ty còn sử dụng nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng nước ngoài và nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng trong nước. Tốc độ tăng trưởng huy động vốn của FE Credit khá nhanh. Năm 2013, huy động vốn đạt 350,7 tỷ đồng, năm 2014 đã tăng mạnh lên 2.105 tỷ đồng và năm 2015 tăng trưởng vượt bậc đạt hơn 14.132 tỷ đồng. Mức tăng trưởng huy động vốn đã phản ánh phần nào tốc độ tăng trưởng nhu cầu sử dụng vốn cho Công ty. Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, hoạt động huy động vốn của FE Credit đạt hơn 29 ngàn tỷ đồng.

Mạng lưới khách hàng

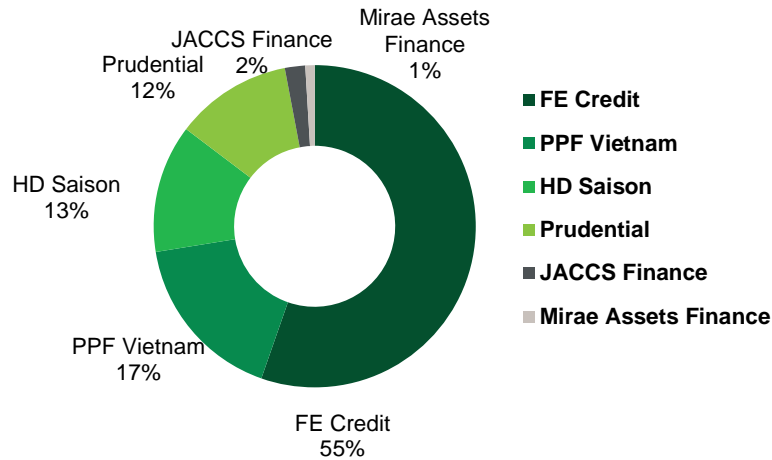
Bắt đầu từ Khối Tín dụng Tiêu dùng thành lập năm 2010 với sản phẩm đầu tiên là vay mua xe máy trả góp. Đến năm 2016, mạng lưới của FE Credit liên tục được mở rộng và hiện đã phủ khắp 64 tỉnh thành, bao gồm:

- Hơn 8.000 điểm bán hàng (POS);
- Gần 2.000 nhân viên bán hàng trực tiếp;
- Hơn 1.000 nhân viên bán hàng qua điện thoại;
- Hơn 6.500 chuyên viên tư vấn tín dụng tại POS.

Thị phần

Công ty Tài chính VPBank là một trong những Công ty Tài chính tiêu dùng hàng đầu trên thị trường. Năm 2015, FE Credit đã tăng trưởng vượt bậc, với tổng dư nợ cao gấp 3 lần so với doanh nghiệp đứng thứ 2 trên thị trường dù chỉ mới gia nhập vào thị trường năm 2010, sau đối thủ 3 năm.

Hình 5: Thị phần của các công ty tài chính tiêu dùng năm 2015



Nguồn: Stoxplus

Kết quả hoạt động kinh doanh của FE Credit trong các năm qua luôn tăng trưởng và đạt kết quả rất ấn tượng về lợi nhuận lẫn chỉ tiêu an toàn vốn.

Bảng 16: Một số chỉ tiêu hoạt động của FE Credit

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Năm 2015	Năm 2016	30/06/2017
Tổng tài sản	23.084	36.522	43.809
Tổng Vốn chủ sở hữu	2.696	5.077	4.445
Thu nhập □thuần	3.724	7.907	5.324
CAR	11,08%	11,95%	9,45%

Nguồn: BCTC Kiểm toán 2015, 2016 và Quý II do FE Credit lập

6.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Quản trị rủi ro là một trong những nguyên tắc quan trọng nhất đối với hoạt động của VPBank. Năm 2012, VPBank chính thức thành lập Khối Quản trị Rủi ro. Hệ thống Quản trị rủi ro được xây dựng dựa trên nền tảng chính sách khung Quản trị rủi ro do Hội đồng Quản trị phê duyệt. Điều này thể hiện quyết tâm cao của VPBank trong việc phát triển một hệ thống quản lý rủi ro độc lập, tập trung, chuyên môn hóa, theo chuẩn mực quốc tế và gắn kết với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng.

Việc áp dụng Thông tư 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 sửa đổi và bổ sung Thông tư 02/2013/TT-NHNN ngày 21/04/2013 đã có tác động trực tiếp tới tình hình phân loại tài sản có, mức trích dự phòng và sử dụng dự phòng của VPBank.

Ngoài ra, để đáp ứng các yêu cầu của NHNN, cũng như tăng cường việc quản lý rủi ro của Ngân hàng, VPBank là một trong những ngân hàng hoàn thành sớm nhất Bản phân tích

chênh lệch, đề ra Lộ trình triển khai và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II cũng như thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, với sự giúp đỡ của các đơn vị tư vấn quốc tế. Việc thực hiện Basel II không chỉ giúp tăng cường hệ thống quản trị rủi ro của Ngân hàng mà còn đem lại nhiều giá trị kinh doanh tốt hơn, hệ thống quản lý hạn mức hiệu quả và phân bổ vốn hợp lý. Hơn nữa, VPBank đã có những bước chuẩn bị về hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ, và có những quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay, chính sách dự phòng rủi ro cho các hoạt động tín dụng.

6.2.1 Khung Quản trị rủi ro của VPBank

VPBank nhận thức được vai trò thiết yếu của năng lực quản lý rủi ro hiệu quả đối với thành công của một ngân hàng được quản lý tốt. Với tầm nhìn trở thành một trong 3 ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu và một trong 5 ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam vào năm 2017, việc thiết lập một khung quản lý rủi ro mạnh đóng vai trò then chốt trong chiến lược tăng trưởng của Ngân hàng. Do VPBank có kế hoạch tăng trưởng đáng kể bảng cân đối tài sản, việc ngày càng đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ đòi hỏi Ngân hàng phải xác định, đo lường, tổng hợp và quản lý rủi ro một cách hiệu quả, và phân bổ vốn giữa các đơn vị kinh doanh một cách phù hợp.

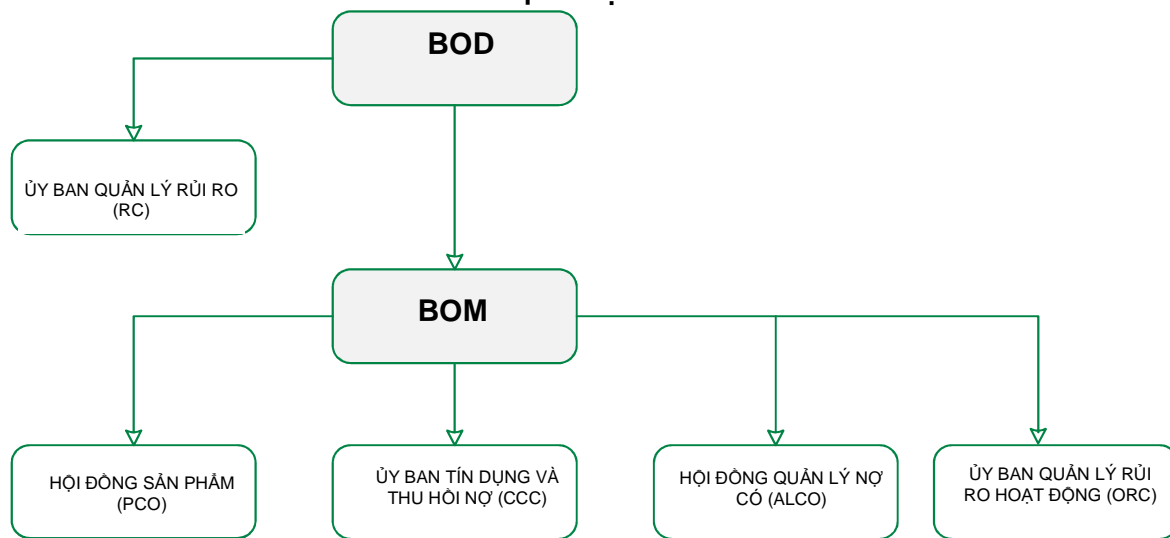
Dưới đây là các nguyên tắc cốt lõi của Ngân hàng về quản lý rủi ro:

- ✓ VPBank vận hành một mô hình quản lý rủi ro ba tầng bảo vệ, trong đó tầng bảo vệ thứ nhất là Đơn vị kinh doanh, tầng bảo vệ thứ hai là Khối Quản trị Rủi ro, và tầng bảo vệ thứ ba là các ủy ban chuyên trách, kiểm toán nội bộ. Mỗi tầng bảo vệ lại có một loạt các trách nhiệm cụ thể về quản lý và kiểm soát rủi ro.
- ✓ Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro và mức độ rủi ro của VPBank. Trong phạm vi và mức độ thích hợp, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc hoặc một bộ phận của VPBank (như Ủy ban Quản lý rủi ro hoặc bộ phận tương đương) thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro nhưng vẫn chịu trách nhiệm quản lý cuối cùng và cao nhất về chất lượng, hiệu quả quản lý rủi ro và mức độ rủi ro của ngân hàng
- ✓ Hội đồng Quản trị phê duyệt chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro, mức chịu đựng rủi ro và các giới hạn rủi ro trọng yếu trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Quản lý rủi ro. Ban Điều hành, Khối Quản trị Rủi ro và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thực hiện chiến lược quản lý rủi ro dựa trên khẩu vị rủi ro được xác định và phê duyệt.
- ✓ Dựa trên chính sách quản lý rủi ro, VPBank xây dựng các quy định về quản lý rủi ro tối thiểu cho các loại rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động. bao gồm các tiêu chí định tính và định lượng xác định rủi ro trọng yếu, đảm bảo các rủi ro trọng yếu được nhận dạng sớm, kiểm soát đầy đủ và báo cáo kịp thời cho Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều hành.

- ✓ Kiểm tra sức chịu đựng (stress testing) và phân tích kịch bản được sử dụng để đánh giá sức chịu đựng về trạng thái vốn của Ngân hàng trong các điều kiện xấu nhất có thể xảy ra.
- ✓ Sử dụng các công cụ phân tích, đo lường và giám sát rủi ro phù hợp để đo lường mức độ rủi ro đối với những loại rủi ro khác nhau.
- ✓ Cùng với việc thực hiện các yêu cầu của Basel II, một văn hóa quản lý rủi ro mạnh được thực hiện triệt để trên toàn tổ chức.

6.2.2 Cấu trúc quản trị rủi ro

Hình 6: Cấu trúc quản trị rủi ro của VPBank



Nguồn: VPBank

Trách nhiệm cuối cùng và cao nhất đối với việc thiết lập khẩu vị rủi ro, chất lượng và hiệu quả quản lý rủi ro thuộc về Hội đồng Quản trị.

🌿 Ủy ban Quản lý Rủi ro (RCO)

Theo phân công của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm giám sát và đánh giá tất cả các rủi ro của VPBank một cách cẩn trọng, bao gồm rủi ro về tín dụng, thị trường, thanh khoản, hoạt động, danh tiếng và các rủi ro trọng yếu khác. Ủy ban có trách nhiệm đưa ra các quyết định về những chính sách của toàn hàng không giới hạn trong các chính sách chiến lược rủi ro, khung kiểm tra sức chịu đựng, chiến lược vốn và các chính sách rủi ro ở mức tổng quan. Ủy ban Quản lý Rủi ro đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng dựa trên khẩu vị rủi ro chung đã xác định trước và đề xuất các kiến nghị tới Hội đồng Quản trị. Ủy ban cũng có trách nhiệm theo dõi và giám sát các hoạt động của các ủy ban liên quan tới rủi ro khác bao gồm Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO), Ủy ban Quản lý Rủi ro Hoạt động (ORC), Ủy Ban Thu hồi nợ và Tín dụng (CCC) và Hội đồng Sản phẩm (PCO).

Ủy ban Quản lý Rủi ro nhận báo cáo định kỳ và các đề xuất rủi ro từ các phòng rủi ro chức năng, bao gồm báo cáo về các xu hướng danh mục của Ngân hàng, các chính sách quan trọng, các đề xuất về hạn mức rủi ro, các kịch bản kiểm tra sức chịu đựng, báo cáo thanh khoản và báo cáo an toàn vốn cũng như báo cáo cập nhật về việc thực hiện chiến lược rủi ro thường niên.

Ủy ban Quản lý Rủi ro Hoạt động (ORC)

Ủy ban Quản lý Rủi ro Hoạt động là ủy ban trực thuộc Ban Điều hành, chịu trách nhiệm quản lý tất cả các loại rủi ro hoạt động, bao gồm sự tham gia của Ngân hàng vào các hoạt động mới (ví dụ: sản phẩm, quy trình, hệ thống, mức độ trọng yếu của các sáng kiến thuê ngoài của Ngân hàng, thực hiện khung đo lường rủi ro hoạt động chính và khung quản lý chống gian lận).

Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO)

Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) trực thuộc Ban Điều hành, chịu trách nhiệm quản lý vốn, cấu trúc bảng cân đối, tính thanh khoản, rủi ro ngoại hối và lãi suất.

Ủy ban Tín dụng và Thu hồi Nợ (CCC)

Ủy ban Tín dụng và Thu hồi Nợ (CCC) là ủy ban cấp điều hành chịu trách nhiệm về các vấn đề cụ thể hơn liên quan tới các chính sách tín dụng, chiến lược thu nợ sớm và xử lý nợ muộn. Tuân thủ khẩu vị rủi ro của Ngân hàng, CCC đưa ra quyết định về các chính sách và quy trình tín dụng, chiến lược thu hồi nợ và thu nợ của Ngân hàng. Ủy ban này thường xuyên đánh giá kết quả hoạt động của các danh mục tín dụng và việc thực thi kế hoạch thu hồi nợ sớm và xử lý nợ muộn.

Hội đồng Sản phẩm (PCO)

Hội đồng Sản phẩm thuộc Ban Điều hành, chịu trách nhiệm đánh giá và đưa ra quyết định phê duyệt cho đề xuất sản phẩm mới cũng như các thay đổi trong chính sách quy trình liên quan đến sản phẩm hiện tại của ngân hàng.

6.2.3 Hệ thống báo cáo quản trị rủi ro

VPBank đang tích cực áp dụng các công cụ đo lường rủi ro tiên tiến, đặc biệt là rủi ro tín dụng. Đến thời điểm này, Ngân hàng đã áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cho các phân khúc kinh doanh chính. Hệ thống này cho phép Ngân hàng lượng hóa chất lượng tín dụng của khách hàng, từ đó có các ứng xử kiểm soát rủi ro phù hợp.

Hệ thống báo cáo rủi ro được chuẩn hóa phục vụ yêu cầu quản lý của Ngân hàng. Quy trình thực hiện báo cáo, lấy số liệu, kỹ thuật phân tích được văn bản hóa đầy đủ và thuận tiện khi thực hiện. Định kỳ hàng tháng Khối Quản trị rủi ro cung cấp các báo cáo bằng văn bản cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành. Các báo cáo hàng ngày/tuần chủ yếu được thực hiện khi có yêu cầu đột xuất hoặc theo các yêu cầu của cơ quan quản lý - NHNN.

Hệ thống công nghệ thông tin đã chuẩn hóa các trường dữ liệu và cho phép trích xuất dễ dàng. Đồng thời, việc rà soát và tăng cường nền tảng dữ liệu phục vụ cho các mô hình rủi ro đang được triển khai nhằm đảm bảo VPBank có thể hoàn thiện toàn bộ các yêu cầu về đo lường rủi ro theo yêu cầu của Basel II về phương pháp tiêu chuẩn vào cuối năm 2015 và thực hiện phương pháp tiên tiến vào năm 2018. Các dữ liệu của VPBank đã được chuẩn hóa theo từng loại rủi ro và theo các yêu cầu của các mô hình đo lường.

6.2.3.1 Quản trị rủi ro tín dụng

Chiến lược quản trị rủi ro tín dụng của VPBank được dựa trên khung khẩu vị rủi ro rõ ràng, sự chú trọng đặc biệt đến chất lượng tín dụng, rà soát các tiêu chí thẩm định tín dụng một cách chặt chẽ, đảm bảo danh mục tài sản chất lượng cao và đảm bảo sự minh bạch giữa lợi ích và rủi ro. Để đảm bảo chất lượng tín dụng ở mức hợp lý, VPBank đã áp dụng thẻ điểm cho các hồ sơ tín dụng của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng như mô hình xếp hạng tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp lớn và định chế tài chính. Đồng thời, VPBank cũng xây dựng và áp dụng mô hình chấm điểm hành vi để bán thêm, bán chéo và quản lý hạn mức của các khách hàng hiện hữu. VPBank là một trong những ngân hàng đi đầu ở Việt Nam trong việc xây dựng mô hình chấm điểm dựa trên dữ liệu tổng hợp lớn cho khách hàng cá nhân. Để giám sát và quản lý danh mục tín dụng hiện tại, VPBank cũng áp dụng các phân tích chuyên sâu về danh mục, hệ thống cảnh báo sớm với tất cả các đối tượng khách hàng và quy trình rà soát tín dụng để kiểm tra ngẫu nhiên và xử lý các rủi ro cao. Ngoài ra, VPBank đã nâng cấp thành công Hệ thống Quản lý môi trường và xã hội và ban hành chính sách và quy trình liên quan, đồng thời triển khai đào tạo sâu về hệ thống này cho các chuyên viên tín dụng.

Các biện pháp chính trong quản trị rủi ro tín dụng của VPBank như sau:

- ✓ Công tác thẩm định được chuẩn hóa một cách thận trọng hơn cho từng phân khúc khách hàng cũng như từng loại sản phẩm.
- ✓ Chính sách và công tác quản lý tài sản đảm bảo được cải thiện.
- ✓ Quy trình phê duyệt tín dụng được thực hiện tập trung. Bộ xếp hạng tín dụng được áp dụng và tích hợp vào hệ thống nhằm giảm thiểu sai sót và can thiệp chủ quan.
- ✓ Ủy ban Quản lý Rủi ro thực hiện họp định kỳ nhằm giám sát chất lượng tín dụng của VPBank, theo dõi tình hình triển khai các chiến lược quan trọng và đưa ra các hành động kịp thời.
- ✓ Áp dụng việc kiểm tra sức chịu đựng tín dụng để đánh giá khả năng chịu đựng rủi ro trong các kịch bản khác nhau.

6.2.3.2 Quản trị rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản

Trong năm 2016, VPBank đã củng cố khung quản trị rủi ro thị trường thông qua việc thành lập ủy ban chuyên trách về định giá và các chủ đề rủi ro thị trường khác (MACO), đồng thời điều chỉnh các cấp phê duyệt liên quan. Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường đã được rà soát

và củng cố để đảm bảo tuân thủ các thông lệ quốc tế và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và nhằm bảo vệ các trạng thái rủi ro của VPBank trước những thách thức trong thị trường tài chính.

Quản lý rủi ro thanh khoản cũng là yếu tố quan trọng trong quản trị rủi ro của VPBank. VPBank thực hiện phân tích hàng ngày dòng tiền khả năng thanh toán và cung cấp thông tin tương ứng cho các đơn vị liên quan (Khối Thị trường Tài chính và Hội đồng quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO)). Để chuẩn bị cho việc xử lý các tình huống bất ổn của thị trường, VPBank thường xuyên tiến hành thực hiện kiểm tra mức chịu đựng về thanh khoản.

Để kiểm soát tính thanh khoản, VPBank sử dụng các tỷ lệ thanh khoản theo quy định, bao gồm tỷ lệ thanh khoản ngắn hạn và trung hạn, và giới hạn thanh khoản lũy kế. Để đảm bảo hiệu quả quản lý thanh khoản ngắn hạn và trung hạn, VPBank đã thiết lập một danh mục thanh khoản bao gồm các công cụ có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt.

6.2.3.3 Quản trị rủi ro hoạt động

Tầm quan trọng của quản trị rủi ro hoạt động đã được truyền thông rộng rãi đến tất cả cán bộ công nhân viên của VPBank. Khung Quản lý gian lận và An ninh thông tin đã được thực hiện thành công vào năm 2016. Những yêu cầu nghiêm ngặt của các chính sách này, chẳng hạn như các chương trình giảm thiểu gian lận, rút ngắn thời gian điều tra, ngăn chặn việc sử dụng internet cho mục đích ngoài công việc, và kiểm soát kết nối USB vào máy tính của ngân hàng trên toàn bộ hệ thống của VPBank nhằm giảm thiểu rò rỉ thông tin và nhiễm virus máy tính. Quá trình lưu trữ và giám sát dữ liệu các sự kiện rủi ro hoạt động đang được dần dần được cải thiện. Ngoài ra, VPBank thiết lập hệ thống Chỉ số Rủi ro chính (KRI) cho tất cả các mảng kinh doanh và các đơn vị hỗ trợ và hệ thống này được giám sát thường xuyên. Các buổi tập huấn/đào tạo là bắt buộc đối với tất cả nhân viên của VPBank, có các khoá đào tạo chuyên sâu cho các đơn vị kinh doanh và hỗ trợ, và các buổi truyền thông đều được tiến hành thường xuyên để nâng cao nhận thức của nhân viên về rủi ro hoạt động. Đối với các quy trình vận hành chính, cách tiếp cận dựa trên thống kê đã được áp dụng nhằm hạn chế rủi ro vận hành.

6.3 Công nghệ thông tin

Hệ thống công nghệ thông tin chung của VPBank

Công nghệ thông tin luôn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của VPBank và đặc biệt là trong quá trình hiện thực hóa mục tiêu “*đưa VPBank trở thành một trong ba ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu Việt Nam*”.

VPBank đã tích cực chuyển đổi, xây dựng một nền tảng Công nghệ thông tin vững chắc đáp ứng nhu cầu phát triển của VPBank bằng các hoạt động cốt lõi sau:

- Triển khai các giải pháp CNTT tích hợp, lấy khách hàng là trọng tâm và củng cố năng lực vận hành bằng cách thúc đẩy quá trình xây dựng sản phẩm nhanh chóng, tự động

hóa quy trình, tính linh hoạt của các nền tảng CNTT để đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ, môi trường đa kênh và tương tác thuận tiện cho khách hàng;

- Nâng cao năng lực kết nối các mục tiêu kinh doanh giữa các đơn vị nghiệp vụ và Khối CNTT, chuyển đổi tổ chức hoạt động của Khối CNTT từ một đơn vị hỗ trợ thành một đơn vị cung cấp dịch vụ nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần xây dựng hình ảnh một VPBank hiện đại, năng động, chuyên nghiệp và thân thiện với người tiêu dùng;
- Thực hiện chuyển đổi quy trình phát triển giải pháp theo hướng cung cấp dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người dùng, tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị nghiệp vụ đưa ra những quyết sách nhanh chóng, nhằm tận dụng các cơ hội kinh doanh mới, sớm phát hiện ra những thay đổi trong môi trường kinh doanh, giảm thiểu thời gian đưa sản phẩm ra thị trường thông qua một kiến trúc doanh nghiệp ổn định và có khả năng tích hợp ứng dụng và năng lực cung cấp dịch vụ.

Ngân hàng số

Với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, các phương tiện điện tử đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thói quen tiêu dùng của khách hàng. Do vậy, để phục vụ tốt nhất và mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng, VPBank coi Ngân hàng số (*E-banking* bao gồm *VPBank Online* (bao gồm cả giao diện Web và trên các thiết bị di động), *VPBank SMS*) là một phần rất quan trọng trong chiến lược phát triển của mình.

Giải thưởng Ngân hàng Điện tử Tốt nhất Việt Nam năm 2015 do Tạp chí Global Banking and Finance Review trao tặng là sự ghi nhận những nỗ lực và thành công của VPBank trong năm 2015. Thành công của E-banking là bản lề để VPBank tiếp tục đạt được các mục tiêu tham vọng đến năm 2017. VPBank sẽ không ngừng nỗ lực để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trực tuyến thân thiện, chất lượng, mang tới sự hài lòng, thuận tiện cao nhất cho khách hàng.

Trong năm 2016, VPBank đã có trên 160.000 lượt đăng ký mới E-banking, nâng tổng số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ E-banking của VPBank lên gần 300.000 người, tăng 157% so với cuối năm 2015. Trong đó, VPBank Mobile có trên 65.000 người sử dụng, đạt tốc độ tăng trưởng 236% so với năm 2015. Số lượng giao dịch tài chính qua E-banking đạt mốc 5,7 triệu, tăng 238% so với năm 2015. Giá trị giao dịch tăng 214% và đạt gần 109.000 tỷ đồng. Nếu tính cả các giao dịch qua kênh ATM/POS, giao dịch trên E-banking chiếm trên 72,6% tổng giao dịch toàn hệ thống VPBank.

Bên cạnh đó, tính ổn định và bảo mật của E-banking luôn được VPBank đề cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, được thể hiện qua một loạt các dự án đầu tư nâng cấp năng lực xử lý hệ thống và an toàn giao dịch trực tuyến với những công nghệ hiện đại nhất thế giới.

Năm 2016, mảng hoạt động ngân hàng số của VPBank được ba giải thưởng danh giá do ba tổ chức uy tín trao tặng là The Financial Review, IDG và NAPAS.

Không chỉ phát triển cho khách hàng cá nhân, hệ thống E-banking dành cho khách hàng doanh nghiệp cũng được quan tâm và đầu tư xứng đáng. Tháng 5/2014, hệ thống này đã được nâng cấp nhằm nâng cao hiệu suất và mở rộng các tiện ích hiện đại, phục vụ tối đa các nhu cầu của thị trường. Nếu các khách hàng doanh nghiệp lớn của VPBank đánh giá rất cao tính năng Quản lý dòng tiền (S&P) phục vụ hệ thống công ty con và chi nhánh phức tạp thì khách hàng SME đều hài lòng với các sản phẩm thanh toán và chuyển tiền đa dạng, theo thời gian thực 24/7 và chi phí thấp như: thanh toán lương, thanh toán hóa đơn, nộp ngân sách nhà nước, chuyển khoản trong/ngoài nước, quản lý và thanh toán thẻ tín dụng doanh nghiệp.

Hiện nay, VPBank có khoảng 15.000 khách hàng doanh nghiệp thực hiện giao dịch qua kênh VPBank Online, với hơn 400.000 giao dịch tài chính được thực hiện qua VPBank Online của khách hàng doanh nghiệp trong một năm và tổng giá trị giao dịch đạt gần 40.000 tỷ đồng.

6.4 Thị trường hoạt động

6.4.1 Mạng lưới hoạt động

Những năm qua, VPBank đã không ngừng mở rộng mạng lưới ra các tỉnh thành trên khắp cả nước. Trong năm 2017, Ngân hàng sẽ nỗ lực gia tăng sự hiện diện tại các địa bàn chưa có chi nhánh của VPBank nhằm mục tiêu phục vụ tốt hơn khách hàng chưa có điều kiện tiếp cận dịch vụ ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng sẽ tập trung củng cố các đội nhóm bán hàng thông qua hoạt động đào tạo nội bộ, tinh giản hiệu quả quy trình bán hàng cũng như đa dạng hóa mạnh mẽ sản phẩm và dịch vụ với mục tiêu trở thành top 5 Ngân hàng TMCP và top 3 Ngân hàng Bán lẻ hàng đầu Việt Nam.

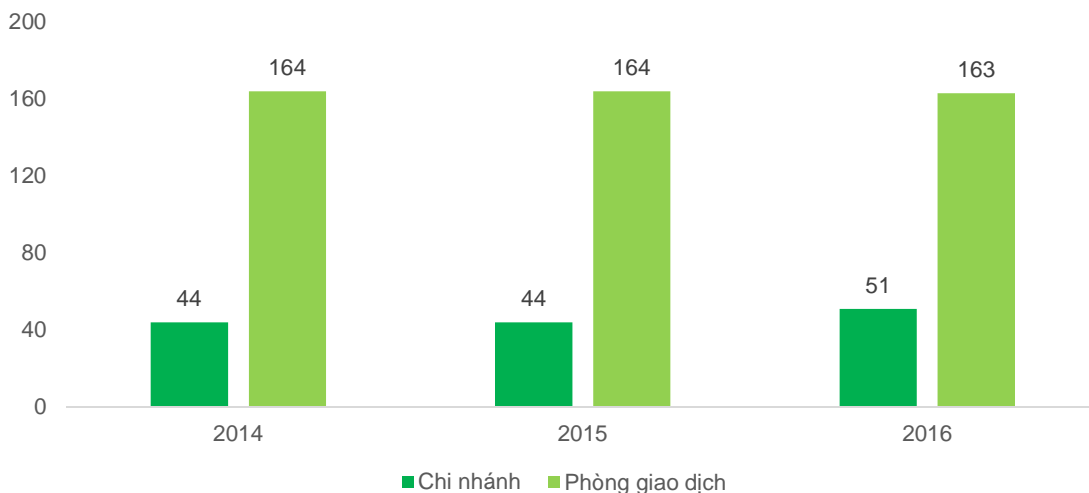
Tại thời điểm 30/06/2017, VPBank có 1 Hội sở chính, 51 chi nhánh, 163 phòng giao dịch trên cả nước và 2 công ty con. Khách hàng của VPBank cũng có thể sử dụng các dịch vụ ngân hàng thông qua mạng lưới hơn 8.000 điểm bán hàng (POS), gần 600 máy ATM/CDMs của riêng VPBank được kết nối với hơn 17.000 máy ATM trong hệ thống. Song song với đó, VPBank tiếp tục đẩy mạnh số hóa các sản phẩm, quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng qua máy tính và thiết bị di động nhằm hướng tới các khách hàng trẻ, ưa thích công nghệ. Khách hàng VPBank được cung cấp dịch vụ số hoá phong phú nhất ngành ngân hàng Việt Nam, bao gồm hầu hết các dịch vụ tài chính trực tuyến: Chuyển khoản, thanh toán (hơn 300 loại hóa đơn), gửi tiết kiệm, vay, mở thẻ tín dụng. Với tính năng bảo mật SMS OTP an toàn nhất hiện nay giúp khách hàng dễ dàng truy cập từ các thiết bị kết nối internet vào bất kỳ thời điểm nào trong ngày, VPBank Mobile là ứng dụng cung cấp đa dạng nhất các tính năng giao dịch trực tuyến cho người dùng đồng thời cũng được đánh giá là ứng dụng mobile banking tốt nhất Việt Nam bởi của Tạp chí Global Finance & Banking Review.

6.4.2 Mạng lưới chi nhánh

Trong những năm gần đây, VPBank đã thực hiện các chiến lược để phát triển mạng lưới chi nhánh cả về số lượng và chất lượng, với trọng tâm là thúc đẩy hoạt động ngân hàng kỹ thuật số. VPBank tập trung ưu tiên mở rộng mạng lưới tại các địa điểm mà VPBank chưa triển khai dịch vụ.

Trong khi tăng quy mô của mạng lưới chi nhánh, VPBank cũng liên tục nâng cao chất lượng dịch vụ tại các chi nhánh thông qua việc định hình một ngân hàng với định hướng thân thiện với khách hàng so với mô hình ngân hàng truyền thống. Vì vậy, tại mỗi chi nhánh, một Đại sứ dịch vụ sẽ chào đón khách hàng và hướng dẫn khách hàng tới quầy hàng có liên quan tùy theo nhu cầu của khách hàng. Trong nhiều trường hợp, Đại sứ này có thể giúp khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng trực tuyến và máy nộp tiền tự động (Cash Deposit Machine) cho các dịch vụ ngân hàng đơn giản như rút tiền mặt, trả nợ, thanh toán hoá đơn ... Sáng kiến này nhằm phục vụ cho hai mục đích – (i) phân bổ hiệu quả khối lượng công việc của người rút tiền và rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng, (ii) đồng thời mang lại ấn tượng chuyên nghiệp cho khách hàng. Ngoài ra, vai trò của người quản lý dịch vụ khách hàng đã được xây dựng ở mọi chi nhánh để nâng cao chất lượng trải nghiệm của khách hàng.

Hình 7: Mạng lưới chi nhánh của VPBank



Nguồn: VPBank

VPBank đã đi tiên phong trong việc giới thiệu công nghệ mới để giúp khách hàng sử dụng các dịch vụ ngân hàng, với 439 máy ATM và 44 CDM tại thời điểm 31/12/2016. Đây là một trong hai ngân hàng Việt Nam mà tại các chi nhánh có CDM phục vụ hầu hết các nhu cầu của khách hàng.

6.4.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Dịch vụ Ngân hàng bán lẻ (Retail banking)

Ngân hàng bán lẻ là một ưu tiên chiến lược của VPBank trong mục tiêu nằm trong top 3 ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam (theo tài sản) vào năm 2017. Sản phẩm của ngân hàng bán lẻ phục vụ cho đối tượng khách hàng có thu nhập hàng tháng từ 4,5 triệu đồng trở lên.

Khối khách hàng cá nhân đã tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm gần đây. Cụ thể, cuối năm 2016 số dư tài khoản thanh toán tăng 104% so với năm 2015, số dư cho vay có tài sản đảm bảo và vay tín chấp tăng trưởng 24.9% và 224.9% so với năm 2015, thu nhập hoạt động (TOI) của khối trong năm 2016 tăng 51.8% so với năm 2015.

Hai sản phẩm chủ đạo của khối khách hàng cá nhân là vay tín chấp cá nhân và thẻ tín dụng cũng có sự tăng trưởng mạnh. Trong đó, tổng số thẻ tín dụng phát hành tại thời điểm cuối năm 2016 đạt hơn 230.000 thẻ và tổng giao dịch chi tiêu thẻ tăng mạnh trong giai đoạn 2014 – 2016, tăng trưởng hàng năm kép đạt 72.6%.

Tổng số lượng khách hàng cá nhân của VPBank khoảng 2,1 triệu khách hàng, trong đó số lượng khách hàng hoạt động¹ tại thời điểm cuối năm 2016 đạt khoảng 1,1 triệu khách hàng, tăng 14,9% so với năm 2015.

Dịch vụ tín dụng tiêu dùng (FE Credit)

Dù mới được triển khai từ năm 2010 với việc cung cấp các giải pháp tài chính dễ dàng và hiệu quả tới khách hàng, hoạt động tín dụng tiêu dùng của VPBank đã đạt được nhiều kết quả nổi bật sau 7 năm hoạt động và liên tục đổi mới.

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty TNHH MTV Tài chính VPBank (VPBFC) vận hành hoàn toàn theo mô hình công ty con kể từ khi VPBank mua lại Công ty TNHH MTV Tài chính Than Khoáng sản Việt Nam và chuyển giao mảng hoạt động tài chính tiêu dùng của Ngân hàng sang cho VPBFC. 2015 cũng là năm đánh dấu nhiều cột mốc quan trọng của VPBFC với thương hiệu FE Credit.

Số lượng khách hàng tại thời điểm 31/12/2016 đạt hơn 3,9 triệu khách hàng, trong đó khoảng 2,3 triệu khách hàng hoạt động. Đối tượng khách hàng của FE Credit là nhóm khách hàng có thu nhập từ 1,5 triệu đồng đến 7,5 triệu đồng.

Năm 2016, tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng giải thưởng “Best Consumer Finance Company Vietnam 2016” cho FE Credit. Đây cũng là năm thứ hai liên tiếp FE Credit đạt danh hiệu này.

Dịch vụ tín dụng tiểu thương (CommCredit)

Với thương hiệu “CommCredit – Tín dụng Tiểu thương” được VPBank triển khai vào năm 2015, Khối Tín dụng Tiểu thương xác định rõ mô hình hướng tới khách hàng thương bằng

¹Khách hàng có giao dịch trong vòng 6 tháng qua

mối quan hệ gắn kết với cộng đồng kinh doanh. CommCredit sẽ cung cấp các sản phẩm và dịch vụ được thiết kế riêng biệt cho phân khúc khách hàng mục tiêu, hỗ trợ các hộ kinh doanh và tiểu thương tại Việt Nam nâng cao hiệu quả kinh doanh và chất lượng cuộc sống của mình. Triết lý kinh doanh của CommCredit dựa trên việc cung cấp các giải pháp tài chính trọn đời cho khách hàng, bao gồm các sản phẩm, dịch vụ ngắn hạn và trung hạn nhằm tối ưu hóa các nhu cầu tài chính hỗ trợ khách hàng ở tất cả các giai đoạn trong cuộc sống và kinh doanh.

Khách hàng mục tiêu của Commcredit là cá nhân tự kinh doanh với doanh số từ 100 triệu đồng đến 2,5 tỷ đồng. Khác với các doanh nghiệp micro SME, khách hàng của Commcredit có thể có hoặc không có giấy phép đăng ký kinh doanh. Vào ngày 31/12/2016, tổng số lượng khách hàng hoạt động của Commcredit đạt gần 50.000 khách hàng sau 18 tháng hoạt động.

Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME Banking)

Năm 2013, VPBank trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam thành lập một đơn vị kinh doanh chuyên phục vụ cho đối tượng khách hàng là các Doanh nghiệp vừa và nhỏ, thông qua việc cung cấp một loạt các sản phẩm và dịch vụ được thiết kế riêng để cung cấp các giải pháp tài chính. Mô hình kinh doanh này được xây dựng dựa trên nhu cầu của khách hàng với sự tập trung về sự thuận tiện cho khách hàng và tiến độ thẩm định, giải ngân cho khách hàng. Năm 2016, VPBank xác định phân khúc thị trường cho đối tượng khách hàng micro SME là một cơ hội tăng trưởng, do đó VPBank đầu tư nguồn lực vào việc phát triển sản phẩm và nhân sự để thành lập bộ phận phục vụ cho đối tượng khách hàng này.

VPBank hiện đang có 70 trung tâm SME và 4 hub hoạt động tại chính các chi nhánh ngân hàng. Trong năm 2013, VPBank là ngân hàng đầu tiên cung cấp thẻ tín dụng thương mại được thiết kế cho các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ.

VPBank xác định đối tượng khách hàng SME là các doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh với doanh thu hàng năm dưới 400 tỷ đồng.

Đối tượng khách hàng SME của VPBank thuộc nhiều ngành khác nhau, đặc biệt là những ngành được hưởng lợi từ việc gia tăng dân số và thu nhập như thực phẩm, tiêu dùng... Khách hàng của VPBank trong khối SME tăng từ 32.000 vào năm 2014 lên đến 35.000 vào năm 2016.

Dịch vụ Ngân hàng doanh nghiệp (CMB & CIB)

Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp định hướng phục vụ cho (i) Ngân hàng doanh nghiệp (Commercial banking – CMB) và (ii) Ngân hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư (Corporate and Investment banking – CIB).

Khách hàng của CMB có doanh thu hàng năm từ 400 tỷ đến 1.600 tỷ đồng, trong khi khách hàng mục tiêu của CIB và các doanh nghiệp có doanh thu trên 1.600 tỷ đồng/năm. Vào thời điểm 31/12/2016, CMB và CIB có tổng cộng 900 khách hàng.

Trong giai đoạn phát triển kinh tế hiện nay của Việt Nam, số lượng doanh nghiệp có doanh thu trên 400 tỷ đồng và giá trị giao dịch trung bình được dự báo sẽ tiếp tục tăng nhanh. Vì vậy Dịch vụ Ngân hàng Doanh nghiệp tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm và dịch vụ phù hợp hơn và mở rộng nhân sự tín dụng để tăng thị phần trong phân khúc thị trường đang phát triển này.

6.5 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Để đáp ứng nhu cầu phát triển hiện tại, cũng như đáp ứng được các chiến lược của VPBank trong thời gian tới, VPBank đang và sẽ tiếp tục triển khai một số dự án sau:

Bảng 17: Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai
Xây dựng chiến lược E-Banking giai đoạn 2013 – 2017	Triển khai bản nâng cấp với đầy đủ tính năng như yêu cầu nghiệp vụ ban đầu cho Retail banking	Đã hoàn thành việc go-live hệ thống từ 10/2016. Hiện tại dự án đang phối hợp cùng các đối tác để phát triển và sửa một vài lỗi trên hệ thống để nâng cao trải nghiệm cho người dùng
Triển khai hệ thống thẻ W4 (WASI)	<p>Khắc phục các hạn chế đang gặp phải của hệ thống Way4 gây ảnh hưởng đến thông tin quản trị và quản trị vận hành</p> <p>Đáp ứng tiêu chuẩn bảo mật theo khuyến cáo của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard/Visa</p> <p>Đáp ứng nhu cầu gia tăng dịch vụ của VPBANK trong việc sử dụng thẻ đối của khách hàng</p> <p>Quản lý rủi ro giao dịch thẻ thời gian thực</p>	Dự án đã hoàn thành các hạng mục thực hiện trong giai đoạn 1. Hiện tại đang hoàn thiện các thủ tục để đóng dự án
Chuyển đổi mô hình vận hành và số hóa ngân hàng (Digitizing the bank)	Chuyển đổi các trải nghiệm của khách hàng thông qua việc số hóa các dịch vụ của ngân hàng nhằm tối thiểu hóa các chi phí và tối đa hóa mức thu nhập đảm bảo ngang với những thông lệ tốt nhất của ngành Tài chính ngân hàng	Đã triển khai từ tháng 11/2016
Triển khai xây dựng hệ thống LOS mới thay thế hệ thống hiện tại	Xây dựng Hệ thống Khởi tạo Khoản vay (hệ thống LOS) mới thay thế hệ thống LOS hiện tại	Dự kiến cuối năm 2017 sẽ hoàn thành dự án
Xây dựng và triển khai kênh ngân hàng số (DB Portal)	Nghiên cứu, đánh giá các kênh tương tác hiện tại giữa VPBank và Khách hàng	Đang triển khai phần thiết kế giao diện

	Xây dựng một giao diện mới mẻ, thân thiện, phù hợp với định vị thương hiệu và chuẩn thương hiệu của VPBank	
Triển khai Hệ thống Kinh doanh tiền tệ (Treasury)	<p>Cung cấp nền tảng công nghệ cao để tự động hóa, điện tử hóa quy trình luân chuyển và xử lý các giao dịch qua các bộ phận, tăng tốc độ và số lượng giao dịch được xử lý</p> <p>Cung cấp hệ thống quản lý chặt chẽ để giảm thiểu rủi ro từ “Front to Back”</p> <p>Hiệu quả của dự án được thể hiện ở chi tiết và toàn diện đối với cả Front Office, Middle và Back Office.</p>	Đang trong quá trình đấu thầu
Xây dựng ứng dụng Chạm ước mơ	Chuyển đổi các trải nghiệm của khách hàng cá nhân thông qua việc số hóa các sản phẩm/ dịch vụ của KHCN	Đã hoàn tất mô hình thực hiện
Tự động hóa các khối hỗ trợ của VPBank (ERP)	Tự động hóa các quy trình thủ công tại các khối Vận hành, Tài chính, Quản trị nguồn nhân lực để nâng cao hiệu suất lao động	Đang hoàn thiện phân hệ cuối cùng

Nguồn: VPBank

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Bảng dưới đây thể hiện Kết quả hoạt động kinh doanh của VPBank qua các năm:

Bảng 18: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2015	2016	% tăng giảm	30/06/2017	2015	2016	% tăng giảm	30/06/2017
Tổng giá trị tài sản	179.518	200.768	11,8%	211.207	193.876	228.771	18,0%	248.713
Vốn chủ sở hữu	12.296	15.054	22,4%	18.055	13.389	17.177	28,3%	19.523
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	7.964	9.228	15,9%	7.095	12.066	16.864	39,8%	11.297
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	408	498	22,1%	390	700	994	42,0%	658

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2015	2016	% tăng giảm	30/06/2017	2015	2016	% tăng giảm	30/06/2017
Lợi nhuận trước thuế	1.998	3.403	70,3%	3.635	3.096	4.929	59,2%	3.264
% LNTT/TOI	25,1%	36,9%	47,0%	51,2%	25,7%	29,2%	13,9%	28,9%
Lợi nhuận sau thuế	1.589	2.905	82,8%	3.245	2.396	3.935	64,2%	2.606
% LNST/TOI	20,0%	31,5%	57,8%	45,7%	19,9%	23,3%	17,5%	23,1%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	15,1%	21,2%	40,3%	39,2%	21,4%	25,7%	20,2%	28,4%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất các năm 2015, 2016 và Quý II/2017 do VPBank tự lập

Ghi chú: Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân tính trên cơ sở ước kết quả thực hiện năm 2017.

Tổng tài sản

Tổng tài sản của VPBank năm 2016 tăng 18% so với năm 2015 và đạt 228.771 tỷ đồng. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc tăng trưởng tín dụng. Tăng trưởng tín dụng của VPBank là cao hơn so với tăng trưởng của ngành và chủ yếu đến từ sự tăng trưởng của mảng cho vay tiêu dùng và mảng dịch vụ ngân hàng bán lẻ. Bên cạnh đó, mảng tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng tăng trưởng mạnh. Năm 2015, tổng mức tăng trưởng tín dụng của hệ thống ngân hàng đạt 17,29% trong khi VPBank tăng trưởng 48,7% so với năm 2014. Kết quả năm 2016, tăng trưởng tín dụng của VPBank đạt 23,9% cao hơn mức tăng trưởng của ngành là 18,71%.

Dịch vụ ngân hàng bán lẻ tiếp tục tăng trưởng cao khi các sản phẩm chính cho vay không tài sản đảm bảo (UPL) đã thu hút được nhiều khách hàng. Các sản phẩm này đã được VPBank triển khai từ năm 2014. Để hạn chế rủi ro từ các khoản vay này, VPBank đã tập trung hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro, kết hợp với bên thứ ba (Trung tâm Thông tin tín dụng của NHNN (CIC), CTCP Thông tin Tín dụng Việt Nam - Bộ Tài chính để thực hiện đánh giá khách hàng trước khi giải ngân, ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin để kiểm soát rủi ro như cảnh báo và nhắc nợ tự động. Đối với các khoản cho vay có tài sản đảm bảo, VPBank đã kết hợp với các đối tác là các nhà phát triển bất động sản có uy tín để thâm nhập vào thị trường tăng trưởng mạnh này, đặc biệt là ở thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Dịch vụ tài chính tiêu dùng tiếp tục tăng trưởng mạnh và là mảng có tăng trưởng cao nhất trong hệ thống VPBank. Số dư tín dụng cuối năm 2016 của FE Credit đạt 32.104 tỷ đồng và tăng trưởng hơn 58% so với năm 2015.

Dịch vụ Ngân hàng vừa và nhỏ (SME) cũng đạt mức tăng trưởng trên 26% trong năm 2016 so với 2015 – nhờ việc VPBank giới thiệu các sản phẩm tín dụng không tài sản đảm bảo dành cho SME, đặc biệt là các khách hàng micro SME.

Vốn chủ sở hữu

Để đáp ứng nhu cầu vốn trong hoạt động kinh doanh và nhằm đáp ứng các chỉ tiêu an toàn của NHNN, VPBank cũng đã tiến hành tăng vốn điều lệ trong năm 2016 từ 8.056 tỷ đồng lên 9.181 tỷ đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận để lại năm 2014 và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. VPBank cũng đã thực hiện tăng vốn lên đến 14.059 tỷ đồng trong nửa đầu năm 2017 thông qua hình thức chia cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu từ nguồn quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Tổng thu nhập hoạt động (TOI)

Trong năm 2016, TOI đã tăng 39,8% và đạt mức 16.864 tỷ đồng, trong đó Thu nhập lãi thuần có đóng góp cao nhất với gần 90% và đạt 15.168 tỷ đồng (2015: 85,8%). Tăng trưởng TOI của VPBank cao hơn so với tăng trưởng tài sản và dư nợ tín dụng là thành quả của chiến lược tăng trưởng khi tập trung vào phân khúc có tỷ lệ lãi cao; giới thiệu các sản phẩm mới, đa dạng phù hợp với từng phân khúc khách hàng; chất lượng tài sản được cải thiện; và hiệu quả trong việc huy động vốn và sử dụng nguồn vốn.

Đóng góp chính trong TOI của VPBank đến từ dịch vụ tài chính tiêu dùng và dịch vụ ngân hàng bán lẻ - chiếm tỷ trọng lần lượt là 49,8% và 16,9% trong năm 2016.

Lợi nhuận

Với sự tăng trưởng về tài sản cũng như quy mô và đặc biệt là chất lượng tín dụng cao thì VPBank đã đạt được tăng trưởng cao về lợi nhuận thể hiện qua các chỉ số lợi nhuận của VPBank luôn đạt mức cao trong hệ thống ngân hàng. Cụ thể, Lợi nhuận sau thuế của VPBank đạt 3.935 tỷ đồng trong năm 2016, tăng 64,2% so với năm 2015. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân của VPBank đạt 25,7% - cao nhất trong hệ thống các ngân hàng thương mại cổ phần.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VPBank

Năm 2016 là một năm thị trường có nhiều biến động và thách thức đối với toàn ngành ngân hàng nói chung cũng như đối với VPBank nói riêng. Những nhân tố sau đây đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của VPBank như sau:

Tình hình vĩ mô

- ✓ Trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, tăng trưởng chậm hơn so với dự báo, tăng trưởng thương mại đạt thấp, giá dầu thô thất thường, nhu cầu và giá nông sản giảm mạnh... diễn biến giá dầu giảm xuống mức thấp kỷ lục và đặc biệt là việc các nền kinh tế lớn sẽ bắt đầu quá trình điều chỉnh tăng lãi suất các đồng tiền lớn sau một thời gian dài duy trì ở mức thấp kỷ lục. Những điều chỉnh chính sách lãi

suất/tỷ giá của các quốc gia lớn có các tác động khó lường đối với sự dịch chuyển các dòng vốn cũng như sự biến động mặt bằng lãi suất/tỷ giá giữa các loại tiền tệ.

- ✓ Nền kinh tế Việt Nam đã có năm khởi động kế hoạch 2016-2020 không thuận lợi khi tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,21%, thấp hơn so với mục tiêu 6,7% đưa ra từ đầu năm cũng như so với mục tiêu trung bình 6,5%-7% của cả giai đoạn. Tuy so với mặt bằng chung của thế giới thì tốc độ tăng trưởng này vẫn rất tích cực, nhưng nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi tăng trưởng chưa bền vững, phục hồi không đều, tăng trưởng dựa nhiều vào khu vực FDI.

Hệ thống tài chính, ngân hàng Việt Nam

- ✓ Tổng nhu cầu đầu tư và tiêu dùng toàn thị trường dự báo sẽ tăng mạnh. Tình hình thị trường tài chính tiền tệ có thể có những biến động phức tạp hơn khi mặt bằng lãi suất, CPI đã xuống mức rất thấp. Với áp lực điều chỉnh lãi suất/tỷ giá từ các đồng tiền chủ chốt, áp lực điều chỉnh tỷ giá đối với VND là rất cao, đặc biệt trong các tháng cuối năm 2015 đầu năm 2016.
- ✓ Tuy vậy, năm 2016 cũng có một số thành công nhất định, góp phần quan trọng trong kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Các chỉ tiêu tiền tệ tăng đúng định hướng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đề ra từ đầu năm. Lạm phát cơ bản được kiểm soát ổn định và đạt mục tiêu dưới 5% mà Quốc hội đề ra. Thanh khoản của hệ thống được đảm bảo và có dư thừa, thị trường liên ngân hàng hoạt động thông suốt. Đến ngày 29/12/2016, tổng phương tiện thanh toán tăng 17,88%, huy động vốn tăng 18,38%, dư nợ tín dụng tăng 18,71% so với cuối năm 2015. Vị thế đồng Việt Nam được nâng cao, tình trạng “đô la hóa”, “vàng hóa” trong nền kinh tế tiếp tục giảm; việc xử lý nợ xấu theo cơ chế thị trường được đẩy mạnh.

Về nợ xấu, tái cấu trúc và cạnh tranh ngành

- ✓ Lộ trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng đang được tiếp tục triển khai theo kế hoạch, giảm số lượng các tổ chức tín dụng dưới chuẩn, cải thiện từng bước chất lượng, sức cạnh tranh toàn hệ thống và từng tổ chức tín dụng. Tháng 12 năm 2016, tổ chức đánh giá xếp hạng quốc tế Fitch Ratings công bố Báo cáo đánh giá về triển vọng ngành ngân hàng Việt Nam năm 2017, cho biết: các ngân hàng Việt Nam đã cải thiện hơn tình trạng “sức khỏe” của mình; đồng tiền Việt Nam ổn định và lạm phát trong ngưỡng an toàn. Sự cộng hưởng và tác động đa chiều của những thành tựu đã đạt được tạo nên những cơ hội và thách thức, cho phép kỳ vọng về những tập đoàn tài chính - ngân hàng Việt Nam có tầm vóc hơn, có tính quốc tế và năng lực cạnh tranh cao.
- ✓ Nợ xấu mặc dù đã được xử lý trong những năm vừa qua tuy nhiên vẫn tiếp tục là áp lực lớn đối với lợi nhuận của toàn ngành. Các ngân hàng sau thời gian tái cấu trúc và củng cố hệ thống sẽ tập trung thúc đẩy mạnh tăng trưởng, tạo ra áp lực cạnh

tranh rất cao trên thị trường, đặc biệt là áp lực cạnh tranh sẽ diễn ra mạnh mẽ trong phân khúc ngân hàng bán lẻ.

8. Vị thế của VPBank so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của VPBank trong ngành

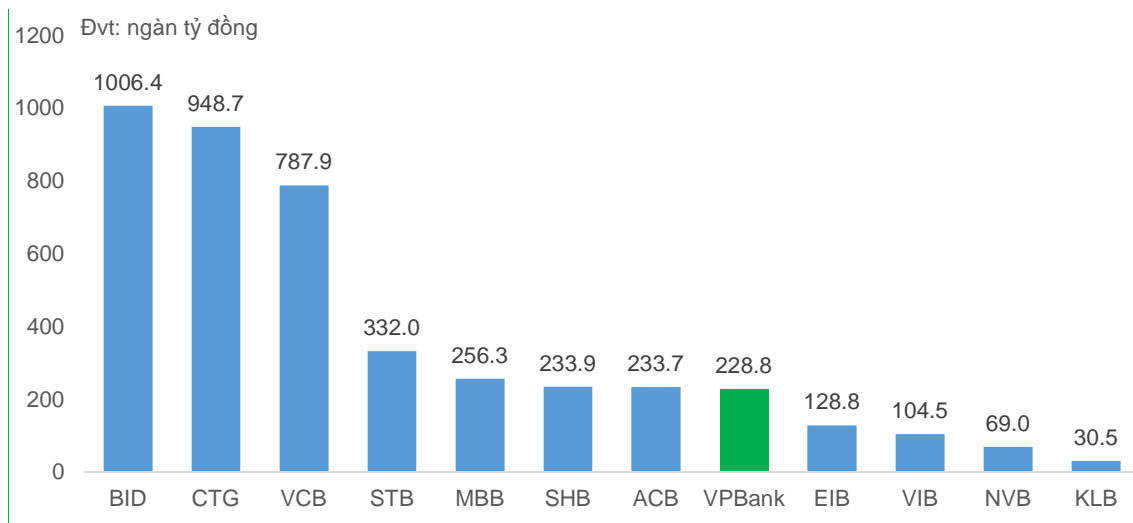
Năm 2016 là năm cận cuối của lộ trình chiến lược 5 năm của VPBank để trở thành một trong năm ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2017. Kết quả hoạt động kinh doanh của VPBank trong các năm qua đều tăng trưởng bền vững qua đó khẳng định vị thế của chính VPBank trong ngành. Điều đó được thể hiện qua các chỉ tiêu sau:

Quy mô

Tính đến thời điểm 30/06/2017, VPBank có vốn chủ sở hữu đạt 19.523 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 248.713 đồng. So sánh với 11 ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết/đăng ký giao dịch thì nguồn vốn chủ sở hữu và tổng tài sản của VPBank không cao.

Hình 8 cho thấy quy mô Tổng tài sản của VPBank tại thời điểm 31/12/2016 đứng thứ 8 so với các ngân hàng thương mại.

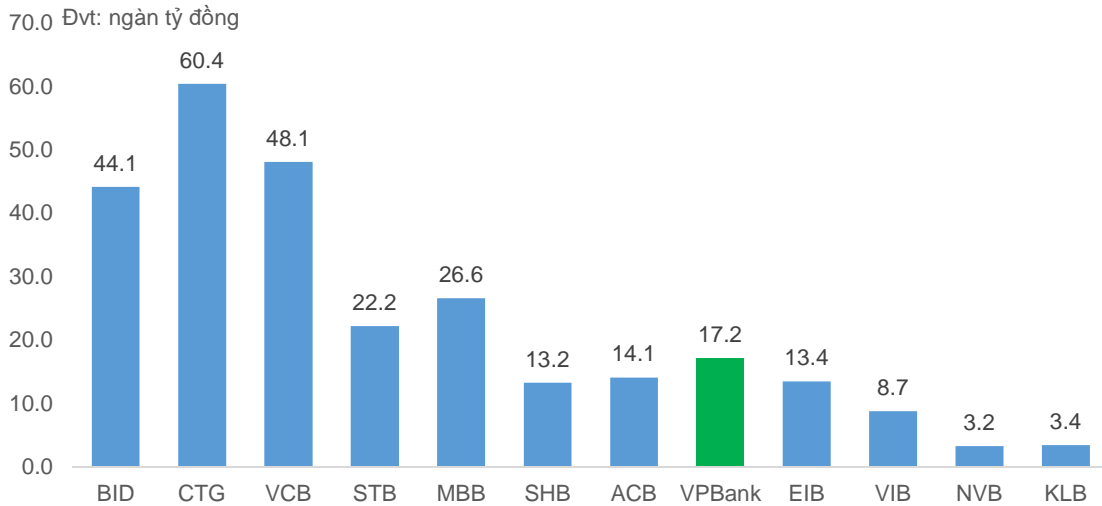
Hình 8: Tổng tài sản của một số ngân hàng



Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của các ngân hàng

Trong khi đó, xét về quy mô Vốn chủ sở hữu thì tại thời điểm cuối năm 2016, VPBank đứng thứ sáu trong số các ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết/đăng ký giao dịch tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hình 9: Vốn chủ sở hữu của một số ngân hàng

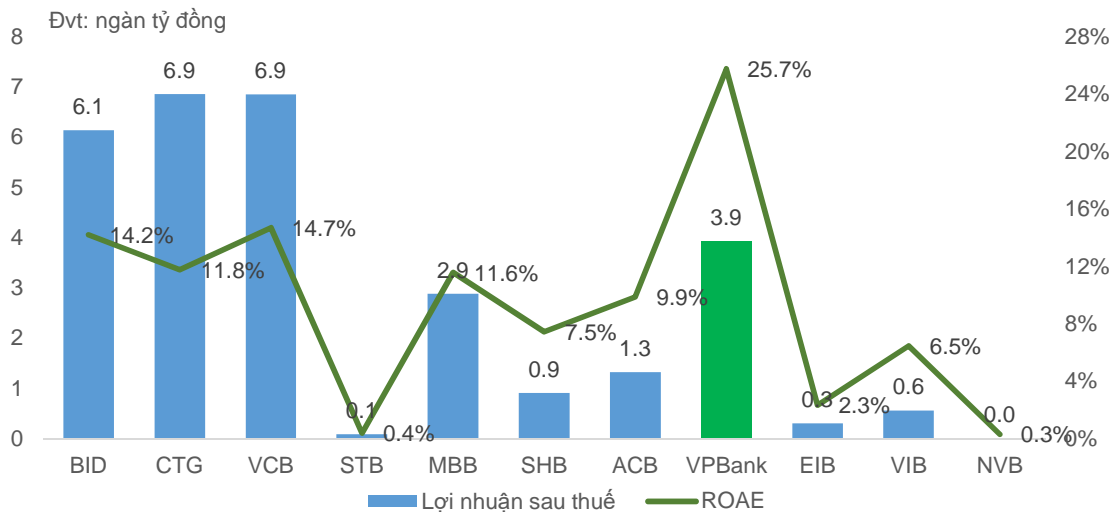


Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của các ngân hàng

🌸 Hiệu quả hoạt động kinh doanh

Tuy quy mô hoạt động của VPBank so với các ngân hàng thương mại cổ phần còn khiêm tốn nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của VPBank là rất ấn tượng.

Hình 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của một số ngân hàng



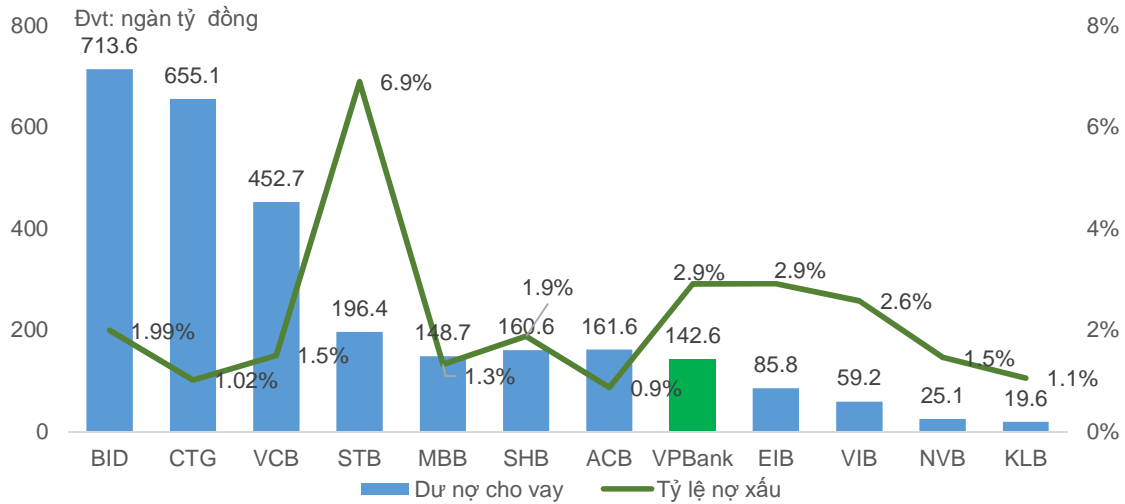
Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của các ngân hàng

Kết quả Lợi nhuận sau thuế của VPBank năm 2016 đạt 3.935 tỷ đồng - chỉ đứng sau các ngân hàng thương mại cổ phần lớn như BIDV, Vietinbank và Vietcombank – đây là những ngân hàng có quy mô tài sản và vốn chủ sở hữu cao hơn VPBank rất nhiều. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) của VPBank trong năm 2016 đạt 25,7%, cao nhất trong số các ngân hàng so sánh.

🌟 Mạng hoạt động kinh doanh chính

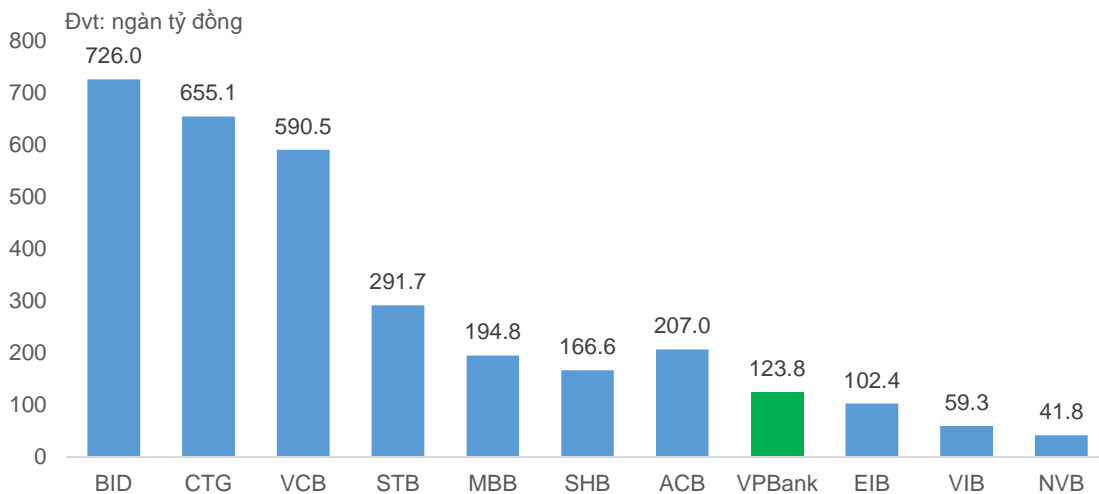
Chỉ tiêu so sánh về Huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng và Dư nợ cho vay của VPBank so với 11 ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam như sau:

Hình 11: Dư nợ cho vay sau dự phòng của một số ngân hàng



Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của các ngân hàng

Hình 12: Huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng



Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của các ngân hàng

🌟 Vị thế của VPBank theo xếp hạng của các tổ chức xếp hạng tín dụng quốc tế

Theo công bố của tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's vào ngày 11/05/2017, VPBank được Moody's đánh giá như sau:

Hạng mục	Xếp hạng của Moody's
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng năng lực độc lập (BCA)	B3
Xếp hạng tiền gửi	B2
Xếp hạng đơn vị phát hành dài hạn	B2

Nguồn: Moody's

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam đang dần được cải thiện thông qua việc lạm phát thấp, đồng tiền ổn định. Chính điều này sẽ giúp cho chất lượng tài sản và thanh khoản của hệ thống ngân hàng sẽ vững vàng hơn. Đặc biệt, với sự quyết liệt trong hành động của Chính phủ trong việc lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng trong thời gian vừa qua sẽ giúp cho cả hệ thống an toàn và phát triển bền vững hơn.

Một trong những chính sách quan trọng là việc áp dụng Hiệp ước vốn Basel II. Hiệp ước này sử dụng khái niệm “Ba trụ cột” bao gồm (i) vốn tối thiểu, (ii) giám sát và (iii) kỷ luật thị trường và công bố thông tin.

- Trụ cột thứ I liên quan tới việc duy trì vốn bắt buộc. Theo đó, tỷ lệ vốn bắt buộc tối thiểu (CAR) vẫn là 8% của tổng tài sản có rủi ro như Basel I. Tuy nhiên, rủi ro được tính toán theo ba yếu tố chính mà ngân hàng phải đối mặt: rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành (hay rủi ro hoạt động) và rủi ro thị trường.
- Trụ cột thứ II liên quan tới việc hoạch định chính sách ngân hàng, Basel II cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách những “công cụ” tốt hơn so với Basel I. Trụ cột này cũng cung cấp một khung giải pháp cho các rủi ro mà ngân hàng đối mặt, như rủi ro hệ thống, rủi ro chiến lược, rủi ro danh tiếng, rủi ro thanh khoản và rủi ro pháp lý, mà hiệp ước tổng hợp lại dưới cái tên rủi ro còn lại (residual risk).
- Trụ cột thứ III: các ngân hàng cần phải công khai thông tin một cách thích đáng theo nguyên tắc thị trường. Basel II đưa ra một danh sách các yêu cầu buộc các ngân hàng phải công khai thông tin, từ những thông tin về cơ cấu vốn, mức độ đầy đủ vốn đến những thông tin liên quan đến mức độ nhạy cảm của ngân hàng với rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro vận hành và quy trình đánh giá của ngân hàng đối với từng loại rủi ro này.

Việc áp dụng Basel II giúp các ngân hàng hoạt động an toàn hơn, lành mạnh hơn do trình độ quản trị rủi ro được tăng cường, các biện pháp quản trị rủi ro, đặc biệt là mô hình rủi ro và xếp hạng nội bộ được chủ động áp dụng, đồng thời, nguồn vốn được quản lý một cách hiệu quả hơn. Trong lĩnh vực tín dụng, các ngân hàng sẽ phải chuyển hướng tập trung vào đánh giá mức độ tín nhiệm của khách hàng, thay vì dựa chủ yếu vào tài sản bảo đảm. Hơn nữa, sau khi áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vốn và thanh khoản, hệ thống ngân

hàng Việt Nam sẽ thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn do ngân hàng hoạt động kinh doanh trong môi trường đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Tuy nhiên, để thực hiện đúng lộ trình của Basel II thì các ngân hàng thí điểm gồm 10 ngân hàng - trong đó có VPBank – sẽ chịu áp lực tối ưu hóa nguồn Vốn của Ngân hàng và nâng cao chất lượng tài sản có rủi ro nhằm mục tiêu đảm bảo hệ số CAR theo quy định, đặc biệt là ba ngân hàng quốc doanh (BIDV, Vietinbank và Vietcombank). Bên cạnh đó, nợ xấu cũng là một vấn đề cần chú ý, cụ thể theo hãng xếp hạng tín dụng Fitch thì khối lượng nợ xấu lớn sẽ cần thời gian dài để giải quyết do những cản trở về pháp lý. Hiện tại, việc xử lý nợ xấu vẫn là từ việc trích lập dự phòng. Việc giảm nợ xấu thông qua việc bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản (VAMC) không được kỳ vọng là một công cụ hiệu quả do (i) VAMC vẫn chưa có quyền định đoạt hoàn toàn đối với khoản nợ xấu và tài sản đảm bảo đi kèm, (ii) nguồn lực của VAMC quá nhỏ so với giá trị nợ xấu để mua nợ theo giá trị thị trường hoặc xử lý nợ xấu đã mua và (iii) các quy định liên ngành, đặc biệt liên quan đến vấn đề sở hữu tài sản đảm bảo là bất động sản (nguồn: VCBS).

Về lợi nhuận của các ngân hàng: Fitch dự báo lợi nhuận của các ngân hàng sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp do áp lực cạnh tranh huy động tiền gửi, định hướng giảm lãi suất cho vay và tăng tỷ trọng nguồn vốn trung dài hạn của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Chi phí trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC cao hơn cũng sẽ phần nào ảnh hưởng đến lợi nhuận. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng tín dụng đặc biệt tại các khoản cho vay bán lẻ với lãi suất cao có thể làm dịu đi áp lực từ những chi phí này.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng trong cùng ngành

Bảng dưới đây so sánh một số chỉ tiêu tài chính của VPBANK với một số Ngân hàng hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam:

Bảng 19: Chỉ tiêu tài chính của một số Ngân hàng niêm yết cùng ngành

Đơn vị tính: ngàn tỷ đồng

Chỉ tiêu	VPBANK	BID	CTG	VCB	ACB	MBB	VIB
Tiền gửi của khách hàng	123,8	726,0	655,1	590,5	207,0	194,8	59,3
Cho vay khách hàng	142,6	713,6	655,1	452,7	161,6	148,7	59,2
Tổng tài sản	228,8	1.006,4	948,7	787,9	233,7	256,3	104,5
Nguồn vốn chủ sở hữu	17,2	44,1	60,4	48,1	14,1	26,6	8,7
Lợi nhuận sau thuế	3,9	6,1	6,9	6,9	1,3	2,9	0,6
ROAE	25,7%	14,2%	11,8%	14,7%	9,9%	11,6%	6,5%
ROA	1,7%	0,6%	0,7%	0,9%	0,6%	1,1%	0,5%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của các ngân hàng

Ghi chú:

BID: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

CTG: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

VCB: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

ACB: Ngân hàng TMCP Á Châu

MBB: Ngân hàng TMCP Quân đội


VIB: Ngân hàng TMCP Quốc tế

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VPBank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng chiến lược kinh doanh của VPBank luôn được chỉ đạo và giám sát tuân theo định hướng phát triển chung của ngành cũng như các chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước. Bên cạnh đó, VPBank cũng không ngừng cập nhật, ứng dụng các công nghệ hiện đại trên thế giới để tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng dịch vụ, cụ thể như sau:

- ✦ Các chỉ tiêu tăng trưởng và chỉ tiêu an toàn theo đúng định hướng NHNN: hàng năm, VPBank xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ngay từ đầu năm. Kế hoạch nguồn vốn được xây dựng chi tiết tới cấu trúc nguồn huy động: từ cá nhân, tổ chức kinh tế, TCTD, tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, cho đến kế hoạch phát hành giấy tờ có giá và cấu trúc theo kỳ hạn,... vừa đảm bảo tuân thủ an toàn vốn nói riêng và các chỉ số an toàn tài chính nói chung trong từng thời kỳ, đồng thời góp phần định hướng kinh doanh toàn hàng. Tại mỗi thời điểm, Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO) của VPBank đã có những chính sách, yêu cầu, chỉ đạo các đơn vị chuyên môn và các khối kinh doanh phối hợp triển khai các nội dung phù hợp với tình hình thị trường, chính sách vĩ mô và những yêu cầu của Ban lãnh đạo VPBank. Nhờ vậy, nguồn vốn huy động của VPBank đã tăng trưởng phù hợp với tiến độ tăng trưởng tài sản, cơ cấu nguồn vốn được cải thiện, đa dạng hóa nguồn huy động cũng như tăng trưởng tốt huy động trung dài hạn, trái phiếu dài hạn.
- ✦ Các đơn vị kinh doanh được định hướng tăng trưởng dư nợ có chọn lọc, tập trung thay đổi tái cấu trúc danh mục, đẩy mạnh các hoạt động ngoại bảng và cho vay tài trợ thương mại nhằm tăng doanh thu từ phí, giảm dần sự phụ thuộc vào các hoạt động tín dụng. Tăng trưởng tín dụng trong hạn mức cho phép của NHNN.
- ✦ Các văn bản, chính sách chỉ đạo của NHNN luôn được VPBank cập nhật, tuân thủ nghiêm túc: Ngày 27/5/2016, NHNN ban hành Thông tư số 06 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 36 về các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng. Hai điều chỉnh lớn có hiệu lực từ 1/1/2017 đó là tỷ lệ tối đa sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn giảm dần xuống 50%, hệ số rủi ro đối với các khoản phải đòi để kinh doanh bất động sản bắt đầu nâng lên 200%. Để chuẩn bị cho

các thay đổi này, VPBank đã thực hiện cân đối lại nguồn vốn cũng như định hướng và kiểm soát chặt chẽ hoạt động cho vay bất động sản, cho vay trung dài hạn để vừa đảm bảo các quy định của cơ quan quản lý, vừa duy trì hoạt động của ngân hàng phát triển hiệu quả, ổn định và bền vững. Vì vậy, các chỉ số an toàn luôn được duy trì và đảm bảo tuân thủ các giới hạn theo quy định của NHNN trong năm 2016 và các năm tiếp theo.

-  Trong vòng vài năm trở lại đây, thế giới đang chứng kiến một xu hướng nổi bật về hoạt động CNTT đó chính là sự kết hợp giữa các Ngân hàng thương mại với các tổ chức bên ngoài như các công ty Công nghệ Tài chính (Fintech), Viễn thông (Telco) và/hoặc các nhà Bán lẻ (Retailer). VPBank cũng không nằm ngoài xu thế chung. Số hóa ngân hàng là một chiến lược quan trọng của VPBank, thể hiện tầm nhìn của Ban lãnh đạo VPBank đối với tương lai của ngành ngân hàng và sự thay đổi trong hành vi khách hàng. Việc thành lập một khối riêng tập trung số hóa ngân hàng khẳng định sự tiên phong của VPBank trong lĩnh vực này. Đây là nền tảng quan trọng giúp VPBank chuyển đổi mạnh mẽ, hướng tới tầm nhìn trở thành ngân hàng dẫn đầu về tăng trưởng khách hàng và hiệu quả hoạt động. Song song với đó, VPBank tiếp tục đẩy mạnh số hóa các sản phẩm, quy trình, nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng qua máy tính và thiết bị di động. Khách hàng VPBank được cung cấp dịch vụ số hoá phong phú nhất ngành ngân hàng Việt Nam, bao gồm hầu hết các dịch vụ tài chính trực tuyến: chuyển khoản, thanh toán (hơn 300 loại hóa đơn), gửi tiết kiệm, vay, mở thẻ tín dụng.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số lượng người lao động trong VPBank

Tính tới ngày 30/06/2017, tổng số lao động trong VPBank hiện có là 9.198 người lao động. Số lao động của VPBank được phân loại như sau:

Bảng 20: Phân loại lao động tại Công ty

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ học vấn	10.191	100%
Sau đại học	651	6,39 %
Đại học	7.736	75,91%
Cao đẳng	950	9,32%
Trung cấp	267	2,62%
Khác	587	5,76%
Theo loại hợp đồng lao động	10.191	100%
Hợp đồng không xác định thời hạn	3.102	30,44%

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Hợp đồng có xác định thời hạn	5.679	55,73%
Thời vụ, thử việc	1.410	13,84%

*Nguồn: VPBANK***9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp/phúc lợi**** Chính sách đào tạo và phát triển**

Đào tạo và phát triển đội ngũ nhân sự là một trong những ưu tiên chiến lược của VPBank nhằm:

- Xây dựng và phát triển đội ngũ CBNV có đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng và phong cách làm việc đáp ứng tốt yêu cầu của vị trí công việc, phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực, giá trị cốt lõi và chiến lược kinh doanh của VPBank
- Xây dựng một tổ chức học tập, khuyến khích sáng tạo, đổi mới và tinh thần học hỏi của toàn CBNV, đưa việc học trở thành một nét đặc trưng trong văn hóa doanh nghiệp của VPBank
- Sử dụng hiệu quả nhất ngân sách đào tạo, đảm bảo đúng nội dung, đối tượng và thời điểm

Việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của VPBank được thực hiện dựa trên các căn cứ sau:

- Chiến lược và kế hoạch phát triển kinh doanh của các đơn vị
- Kế hoạch mở rộng và phát triển mạng lưới
- Kế hoạch tuyển dụng nhân viên mới
- Năng lực nhân sự và kết quả đánh giá mức độ hoàn thành công việc của CBNV thực hiện định kỳ
- Xây dựng đội ngũ nhân sự kế cận
- Bộ chuẩn hóa theo yêu cầu đào tạo của từng vị trí

Các hình thức đào tạo hiện tại của VPBank bao gồm:

- Đào tạo tại chỗ tại đơn vị
- Đào tạo trực tuyến
- Đào tạo tập trung

 Chính sách lương, thưởng

Quỹ lương của VPBank được phân bổ dựa trên nguyên tắc:

- Đảm bảo mức lương tối thiểu chi trả cho người lao động theo quy định của Nhà nước và VPBank
- Đảm bảo tính hệ thống trong việc phân bổ tiền lương, thu nhập giữa các đơn vị
- Gắn phân phối tiền lương/chi trả tiền lương với hiệu quả kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch
- Đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường nhằm thu hút và gìn giữ nhân tài

Thu nhập cố định của nhân viên VPBank được xác định bao gồm Lương cơ bản, phụ cấp thâm niên và các khoản bổ sung khác – là các khoản tiền ngoài mức lương, phụ cấp lương.

Bên cạnh đó, VPBank còn có Quỹ Lương thành tích – dựa trên hiệu quả kinh doanh tổng thể của VPBank – sẽ được trích và phân phối phù hợp nhằm đảm bảo kích thích hiệu quả làm việc của người lao động.

🌸 Chính sách trợ cấp/ Phúc lợi

Thực hiện theo Quy định pháp luật hiện hành và Quy định của VPBank từng thời kỳ.

10. Chính sách cổ tức

Tỷ lệ chi trả cổ tức của VPBank như sau:

Bảng 21: Tỷ lệ chia cổ tức

Năm	Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (% VDL)	Cổ phiếu thưởng (% VDL)	Tổng cộng
Tháng 05/2015	14,7%	0,7%	15,4%
Tháng 01/2016	14,6%	0,8%	15,4%
Tháng 01/2017	13,07%	5,69%	18,75%
Tháng 06/2017	31,83%	0,99%	32,83%

Nguồn: VPBANK

11. Tình hình hoạt động tài chính

Bảng 22: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của VPBank

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016
1. Quy mô vốn					
Vốn điều lệ	tỷ đồng	8.056	9.181	8.056	9.181
Tổng tài sản có rủi ro*	tỷ đồng	105.085	117.970	120.259	150.204

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		31/12/2015	31/12/2016	31/12/2015	31/12/2016
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)*	%	11,6%	13,0%	12,20%	13,23%
2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
Số dư huy động tiền gửi và giấy tờ có giá	tỷ đồng	140.601	150.633.	152.131	172.439
Số dư cho vay khách hàng	tỷ đồng	96.596	112.568	116.804	144.673
Nợ quá hạn**	tỷ đồng	6.713	7.447	8.864	11.344
Nợ xấu (NPL) **	tỷ đồng	2.345	2.282	3.145	4.207
Hệ số sử dụng vốn					
<i>Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH bình quân</i>	%	15,15%	21,24%	21,42%	25,75%
<i>Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản bình quân (ROAA)</i>	%	0,94%	1,53%	1,34%	1,86%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh	%	0,001%	1,660%	0,001%	1,660%
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	%	6,95%	6,62%	7,59%	7,84%
Tỷ lệ nợ khó đòi/ Tổng dư nợ	%	2,4%	2,0%	2,69%	2,91%
3. Khả năng thanh toán *					
Khả năng thanh toán ngay	%	12,39%	15,10%	N/A	N/A
Khả năng chi trả ngay trong vòng 30 ngày	%				
VND		73,17%	62,31%	N/A	N/A
Ngoại tệ khác		129,53%	-36,26%	N/A	N/A

Nguồn: VPBank

Ghi chú: (*): tính theo quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN và Thông tư 06/2016/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 36 về tỷ lệ an toàn tài chính của tổ chức tín dụng

(**): xác định theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng và quy định của Thông tư 10/2014TT-NHNN về hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng

Nợ quá hạn là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn

Nợ xấu (NPL) là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5

Trong năm 2015, 2016, VPBank thực hiện "dự phòng cụ thể cho khoản tiền gửi quá hạn được phân loại sang tài sản có rủi ro tín dụng" tương ứng lần lượt là khoảng 224 tỷ và 221 tỷ. Đây là khoản tiền gửi tại một tổ chức tín dụng và theo quy định về phân loại nợ và trích lập dự phòng tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN thì các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (trừ tiền gửi thanh toán) đều phải trích dự phòng khi quá hạn. Vì vậy, VPBank đã thực hiện trích lập dự phòng và tại thời điểm 31/12/2016 thì VPBank đã trích lập 100% cho khoản tiền gửi tại tổ chức tín dụng này.

Dựa trên bảng chỉ tiêu tóm tắt trong hai năm qua đã cho thấy VPBank có sự tăng trưởng cả về quy mô lẫn kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

Về quy mô

Vốn điều lệ của VPBank trong năm 2016 tăng gần 14% so với năm 2015 và đạt 9.181 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng tài sản có rủi ro của VPBank đã tăng gần 25% so với năm 2015. Tuy tổng tài sản tăng mạnh đến chủ yếu từ cho vay khách hàng nhưng tỷ lệ an toàn vốn của VPBank vẫn được kiểm soát rất tốt với chỉ số CAR đạt 13,23% trong năm 2016.

Trong năm 2016, Số dư huy động từ tiền gửi và giấy tờ có giá của VPBank tăng trưởng 13,3% so với năm 2015 và đạt 172.439 tỷ đồng. Bên cạnh đó, việc giải ngân cho vay khách hàng cũng tăng 23,9% so với năm 2015.

Nợ quá hạn và Nợ khó đòi tuy có tăng nhẹ nhưng so với Tổng dư nợ thì VPBank vẫn đang kiểm soát tốt với tỷ lệ Nợ quá hạn và Nợ khó đòi trên tổng dư nợ lần lượt là 7,8% và 2,9% trong năm 2016. Tỷ lệ này không biến động lớn so với năm 2015 với tỷ lệ lần lượt là 7,6% và 2,7%.

Về kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với chỉ tiêu lợi nhuận thì VPBank đã cho thấy hiệu quả kinh doanh rất tốt với tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân lần lượt đạt 25,7% và 1,9% trong năm 2016.

12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại của VPBank bao gồm 5 thành viên. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên là 05 năm, và có thể được bầu lại khi hết nhiệm kỳ. Hội đồng Quản trị có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công ty. Hội đồng Quản trị họp khi có yêu cầu, nhưng ít nhất mỗi quý, để xem xét và giám sát tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

12.1.1 Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 23: Danh sách thành viên HĐQT

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
Ngô Chí Dũng	1968	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Bùi Hải Quân	1968	Phó Chủ tịch	Thành viên HĐQT không điều hành
Lô Bằng Giang	1972	Phó Chủ tịch	Thành viên HĐQT không điều hành
Nguyễn Văn Hào	1955	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT độc lập
Nguyễn Đức Vinh	1958	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành

*Nguồn: VPBANK***12.1.2 Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị**** Ông Ngô Chí Dũng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: **Ngô Chí Dũng**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/09/1968
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND: 012603070, ngày cấp 6/4/2011, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 11 Đường số 1 Khu A Nam Thành Công, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1992 đến năm 1996 *Kinh doanh tại Matxcova, Liên Bang Nga*
 - ✓ Từ năm 1996 đến năm 2004 *Cổ đông sáng lập & thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quốc tế Bảo vệ luận án tiến sỹ Viện nghiên cứu chiến lược chính trị kinh tế thuộc Viện Hàn Lâm khoa học Liên*

- Bang Nga.*
Hoạt động kinh doanh tại Liên Bang Nga
- ✓ *Từ năm 2006 đến năm 2010* *Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam*
 - ✓ *Từ năm 2007 đến năm 2009* *Chủ tịch HĐQT Tập đoàn KBG Group (Liên Bang Nga)*
 - ✓ *Từ năm 2010 đến nay* *Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết:* *Chủ tịch Hội đồng Quản trị VPBank*
 - ✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:* *Không có*
 - Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): 70.257.132 cổ phần, chiếm 4,997% vốn điều lệ
 - ✓ *Đại diện sở hữu:* *Không có*
 - ✓ *Cá nhân sở hữu:* *70.257.132 cổ phần, chiếm 4,997% vốn điều lệ*
 - Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
 - Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ *Bà Vũ Thị Quyên – Mẹ đẻ:* *66.557.256 cổ phần, chiếm 4,734% vốn điều lệ*
 - ✓ *Bà Hoàng Anh Minh – Vợ* *67.918.279 cổ phần, chiếm 4,831% vốn điều lệ*
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

✦ Ông Bùi Hải Quân – Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **Bùi Hải Quân**
- Giới tính: **Nam**
- Ngày sinh: **06/01/1968**
- Nơi sinh : **Hà Nội**
- Số CMND: **012191698, ngày cấp 6/1/2014, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Địa chỉ thường trú: **Số 10, Lô 2B, KhuĐT mới Trung Yên, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
- Quá trình công tác:
 - ✓ *Từ năm 1993 đến năm 1998* **Giám đốc Công ty TNHH Jashma, Kiev, Ucraina**
 - ✓ *Từ năm 1998 đến năm 2000* **Kính doanh tự do tại Hà Nội**
 - ✓ *Từ năm 2010 đến năm 2013* **Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải**
 - ✓ *Từ năm 2006 đến năm 2008* **Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Các Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng)**
 - ✓ *Từ năm 2008 đến nay* **Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Các Doanh nghiệp Ngoài quốc doanh Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng)**
 - ✓ *Từ năm 2007 đến nay* **Thành viên HĐQT Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF Long Việt (nay là Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF Bison)**
 - ✓ *Từ năm 2010 đến 2015* **Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**
 - ✓ *Từ năm 2012 đến nay* **Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư Việt Hải**
 - ✓ *Từ năm 2014 đến nay* **Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật**


Việt Hải

- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Thành viên HĐQT Công ty cổ phần kỹ nghệ gỗ MDF Bison (tên cũ: Công ty MDF Long Việt)
Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư Việt Hải
Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Kỹ thuật Việt Hải*
 - Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): 35.781.376 cổ phần, chiếm 2,545% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: *Không có*
 - ✓ Cá nhân sở hữu: *35.781.376 cổ phần, chiếm 2,545% vốn điều lệ*
 - Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
 - Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ *Kim Ngọc Cẩm Ly – Vợ* 66.324.344 cổ phần, chiếm 4,718% vốn điều lệ
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
-  Ông Lô Bằng Giang – Phó Chủ tịch HĐQT**
- Họ và tên: **Lô Bằng Giang**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 30/09/1972
 - Nơi sinh : Hưng Yên

- Số CMND: 013466193, ngày cấp 18/10/2011, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Tày
- Địa chỉ thường trú: 199 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1995 đến năm 2000 *Tổng Giám Đốc Công ty Finman tại Cộng hòa Ucraina*
 - ✓ Từ năm 2000 đến năm 2005 *Trưởng đại diện Công ty Investlink tại Cộng hòa Ucraina*
 - ✓ Từ năm 2005 đến năm 2007 *Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc Công ty KBG Foods Ukraine tại Cộng hòa Ucraina*
 - ✓ Từ năm 2007 đến năm 2010 *Chủ tịch HĐQT Công ty Green Food Ukraine*
 - ✓ Từ năm 2008 đến năm 2017 *Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thủy sản Hùng Vương*
 - ✓ Từ năm 2008 đến năm 2013 *Thành viên HĐQT Công ty TNHH Delta - Valley BT*
 - ✓ Từ năm 2009 đến năm 2012 *Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Delta Bank, Ucraina*
 - ✓ Từ năm 2010 đến nay *Thành viên HĐQT - Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)*
 - ✓ Từ năm 2012 đến năm 2015 *Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*
 - ✓ Từ năm 2014 đến nay *Chủ tịch HĐQT Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ *Chủ tịch HĐQT Công ty tài chính TNHH MTV Ngân*

- chức khác:* *hàng Việt Nam Thịnh Vượng*
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): 1.888.144 cổ phần, chiếm 0,134% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 1.888.144 cổ phần, chiếm 0,134% vốn điều lệ
 - Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
 - Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ Lý Thị Thu Hà – Mẹ đẻ 64.574.711 cổ phần, chiếm 4,593% vốn điều lệ
 - ✓ Lô Hải Yến Ngọc – Chị ruột 1.001.660 cổ phần, chiếm 0,071% vốn điều lệ
 - ✓ Nguyễn Thu Thủy – Vợ 46.543.586 cổ phần, chiếm 3,311% vốn điều lệ
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
-  **Ông Nguyễn Văn Hào - Thành viên HĐQT độc lập**
- Họ và tên: **Nguyễn Văn Hào**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 01/09/1955
 - Nơi sinh : Hà Tĩnh
 - Số CMND: 024839120, ngày cấp 04/03/2010, nơi cấp: CA Tp. HCM
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Phòng 1002 nhà A1 Ciputra, Khu đô thị Nam Thăng Long, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1980 đến năm 1990 Phó phòng XNK Tổng công ty xuất nhập khẩu máy, Bộ Ngoại thương
 - ✓ Từ năm 1990 đến năm 1992 Trợ lý TGD kiêm Trưởng Ban Hợp tác Quốc Tế Đài Truyền hình Việt Nam
 - ✓ Từ năm 1992 đến năm 1994 Trưởng Văn phòng đại diện, Văn phòng đại diện Japan Airlines tại Việt Nam
 - ✓ Từ năm 1994 đến năm 2005 Giám đốc điều hành Japan Airlines tại Việt Nam
 - ✓ Từ năm 2005 đến năm 2008 Phó TGD Công ty Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam
 - ✓ Từ năm 2007 đến năm 2008 Thành viên HĐQT Quỹ PRUBF1 thuộc Công ty quản lý quỹ Prudential Việt Nam (PruFMC)
 - ✓ Từ năm 2008 đến năm 2010 Trưởng đại diện Tập đoàn Prudential Việt Nam
 - ✓ Từ năm 2008 đến năm 2010 Phó TGD Công ty tài chính Prudential Việt Nam
 - ✓ Từ năm 2010 đến năm 2013 Cố vấn tài chính tiêu dùng Tập đoàn Prudential UK
 - ✓ Từ năm 2011 đến nay Ủy viên UB Olympic Quốc gia kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Golf Việt Nam
 - ✓ Từ năm 2015 đến nay Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên UB Olympic Quốc gia kiêm Tổng thư ký Hiệp hội Golf Việt Nam
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): Không có
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: Không có
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

 **Ông Nguyễn Đức Vinh - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Nguyễn Đức Vinh**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/09/1958
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Số CMND: 010271710, ngày cấp 7/5/2001, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Nhà C10, số 142 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1982 đến năm 1984 *Bộ đội thuộc đơn vị D153-F356; D200-F326 Quân khu 2*
 - ✓ Từ năm 1984 đến năm 1989 *Cán bộ Vụ quan hệ quốc tế Tổng cục hàng không dân dụng Việt Nam*
 - ✓ Từ năm 1989 đến năm 1991 *Cán bộ Phòng kinh tế đối ngoại Tổng công ty hàng không Việt Nam*
 - ✓ Từ năm 1991 đến năm 1993 *Phó ban kiêm trưởng phòng thị trường Ban vận tải, Tổng công ty hàng Không Việt Nam*

- ✓ Từ năm 1993 đến năm 1996 Phó TGD Công ty hàng không quốc gia Việt Nam Airlines
 - ✓ Từ năm 1996 đến năm 1997 Học cao học QTKD tại Pháp và Mỹ
 - ✓ Từ năm 1998 đến năm 1999 Trợ lý cao cấp TGD Tổng công ty hàng không Việt Nam
 - ✓ Từ năm 1999 đến năm 2000 Phó TGD Ngân hàng Techcombank
 - ✓ Từ năm 2000 đến năm 2009 Tổng Giám đốc Ngân hàng Techcombank
 - ✓ Từ năm 2009 đến năm 2011 Ủy viên HĐQT kiêm TGD Ngân hàng Techcombank
 - ✓ Từ tháng 1/2012 đến tháng 6/2016 Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng Techcombank
 - ✓ Từ năm 2012 đến năm 2013 Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
 - ✓ Từ năm 2012 đến năm 2015 Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
 - ✓ Từ năm 2013 đến nay Thành viên HĐQT kiêm TGD Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
 - ✓ Từ năm 2014 đến nay Thành viên HĐQT Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm TGD Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng
 - Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): Không có
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: Không có
 - Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng

khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.2 Ban Kiểm soát

12.2.1 Danh sách Kiểm soát viên

Thông tin chi tiết về Ban Kiểm soát được trình bày dưới đây:

Bảng 24: Danh sách Kiểm soát viên

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ngô Phương Chí	1970	Trưởng Ban Kiểm soát
Nguyễn Thị Bích Thủy	1973	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách
Trịnh Thị Thanh Hằng	1976	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách

Nguồn: VPBANK

12.2.2 Sơ yếu lý lịch Ban Kiểm soát

Ông Ngô Phương Chí - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Ngô Phương Chí**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 15/10/1970
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND: 011431597 ngày cấp 11/08/2010, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 11B Tông Đản, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Thương mại và quản lý chuyên ngành thị

trường tài chính

▪ Quá trình công tác:

- ✓ Từ 11/1992 đến 3/1993 *Kế toán trưởng Văn phòng đại diện công ty Tico Ltd (Nhật Bản)*
- ✓ Từ 4/1993 đến 4/1994 *Học tại Học Viện Sinh viên quốc ISI, Tokyo, Nhật Bản*
- ✓ Từ 5/1994 đến 5/1995 *Nhân viên Kinh doanh Công ty Tico Ltd, Tokyo, Nhật Bản*
- ✓ Từ 6/1995 đến 4/1999 *Chuyên viên phòng Châu Á Thái Bình Dương, Vụ tài chính đối ngoại, Bộ Tài chính*
- ✓ Từ 4/1999 đến 5/2002 *Học tiếng Nhật và Thạc sỹ Thương mại và Quản lý, Đại học Hitotsubashi, Tokyo, Nhật Bản*
- ✓ Từ 6/2002 đến 5/2005 *Chuyên viên, Phó Trưởng phòng Châu Á Thái Bình Dương, Vụ Tài chính Đối ngoại, Bộ Tài chính*
- ✓ Từ 6/2005 đến 8/2006 *Trưởng phòng tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt*
- ✓ Từ tháng 8/2006 đến tháng 8/2010 *Phó TGD Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt*
- ✓ Từ tháng 11/2010 đến tháng 12/2011 *Tổng Giám Đốc Công ty đầu tư tài chính Việt Thành*
- ✓ Từ tháng 12/2011 đến tháng 12/2012 *Giám đốc Công ty cổ phần công nghệ và đầu tư Vinafins*
- ✓ Từ tháng 4/2012 đến tháng 4/2017 *Thành viên HĐQT độc lập – CTCP Everpia*
- ✓ Từ tháng 1/2013 đến tháng 3/2014 *Giám đốc Công ty TNHH TMV đầu tư SCIC (thuộc Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước)*
- ✓ Từ tháng 5/2014 đến tháng 5/2015 *Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần chứng khoán IB*
- ✓ Từ tháng 4/2017 đến nay *Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*

- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Trưởng Ban Kiểm soát VPBank chức niêm yết:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ Không có chức khác:

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): Không có

- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

 **Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách**

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích Thủy**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 09/07/1973
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Số CMND: 011676258 ngày cấp 12/10/2006, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 213, tập thể Viện công nghệ, Láng Hạ, quận Đống đa, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1994 đến năm 1995 *Kế toán tại Công ty Xuất nhập khẩu Bắc Sơn*
 - ✓ Từ năm 1995 đến năm 2000 *Nhân viên tổng hợp báo cáo và cân đối nguồn vốn, trợ lý TGD, Phó phòng nguồn vốn tổng hợp Ngân hàng Châu Á Thái Bình Dương (APBank)*
 - ✓ Từ năm 2000 đến năm 2010 *Phó phòng Nguồn vốn/ Trưởng phòng Nguồn vốn/ Phó TGD Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội*
 - ✓ Từ năm 2010 đến năm 2014 *Phó TGD Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*
 - ✓ Từ năm 2014 đến nay *Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Không có*
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): *Không có*
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: *Không có*
- Những khoản nợ đối với Công ty: *Không có*
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank*
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không có*
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không có*

 **Bà Trịnh Thị Thanh Hằng – Thành viên Ban Kiểm soát viên chuyên trách**

- Họ và tên: **Trịnh Thị Thanh Hằng**

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 05/11/1976
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Số CMND: 013103260 ngày cấp 06/8/2012, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 2402 tòa A, khu tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ N04- khu đô thị mới Đông Nam Trần Duy Hưng, Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1999 đến năm 2010 *Chuyên viên công nghệ thông tin/ Trưởng nhóm Finance Accounting Module/ Điều động phụ trách Công Nghệ Thông tin Chi nhánh Điện Biên Phủ/ Chuyên viên chính Công Nghệ thông tin tại Hội Sở/ Chuyên viên tài chính kế toán Ngân hàng TMCP Quân đội*
 - ✓ Từ năm 2010 đến năm 2015 *Thành viên BKS/ Chuyên gia cao cấp khối Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*
 - ✓ Từ năm 2015 đến tháng 4/2017 *Kiểm soát viên chuyên trách Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)*
 - ✓ Từ tháng 4/2017 đến nay *Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Không có*

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm *Không có* 28/07/2017):
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

12.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

12.3.1 Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thông tin chi tiết về thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được trình bày dưới đây:

Bảng 25: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng


Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Nguyễn Đức Vinh	1958	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Bình	1966	Phó Tổng Giám đốc
Phan Ngọc Hòa	1971	Phó Tổng Giám đốc
Dương Thị Thu Thủy	1965	Phó Tổng Giám đốc
Lưu Thị Thảo	1974	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thành Long	1966	Phó Tổng Giám đốc
Fung Kai Jin	1964	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Phú Khôi	1963	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Hằng	1973	Kế toán trưởng

Nguồn: VPBANK

12.3.2 Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**🔻 Ông Nguyễn Đức Vinh – Tổng Giám đốc***(Xem Sơ yếu lý lịch tại phần 12.1.2)***🔻 Ông Nguyễn Thanh Bình – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Nguyễn Thanh Bình**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/05/1966
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND: 011795731 ngày cấp 22/03/2008, nơi cấp: CA Tp.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Lô B2, dự án 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1985 đến năm 1988 *Nhân viên Ban Chính trị E108, F337, Quân đoàn 14*
 - ✓ Từ năm 1994 đến năm 2002 *Cán bộ tín dụng/Phó phòng Tín dụng/ Quyền Trưởng phòng Tín dụng/Trưởng bộ phận Quản lý vốn/Trưởng phòng Nghiên cứu phát triển/Trưởng phòng Tổng hợp và Quản lý chi nhánh - VPBank*
 - ✓ Từ năm 1999 đến năm 2000 *Học tại Chương trình Fulbright Việt Nam*
 - ✓ Từ năm 2002 đến nay *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng – VPBank*
 - ✓ Từ năm 2013 đến nay *Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin Tín dụng (PCB)*
 - ✓ Từ năm 2016 đến nay *Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)*

- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Tín dụng – VPBank
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Thông tin Tín dụng (PCB)
Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank AMC)
 - Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: Không có
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
 - Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ Nguyễn Thị Ngọc Anh – Vợ 652.448 cổ phần, chiếm 0,046% vốn điều lệ
 - ✓ Nguyễn Thị Thanh Nhân – Em 336.245 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
-  **Ông Phan Ngọc Hòa – Phó Tổng Giám đốc**
- Họ và tên: **Phan Ngọc Hòa**
 - Giới tính: Nam
 - Ngày sinh: 03/01/1971
 - Nơi sinh : Thành phố Hồ Chí Minh

- Số CMND: 023508471 ngày cấp: 20/10/2010 Nơi cấp: CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 81A đường số 11, Phường Tân Kiểng, Quận 7, TPHCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1994 đến năm 2010 *Nhân viên Phòng Tín dụng & Đầu tư VPBank - chi nhánh TPHCM/ P.Trưởng phòng Tín dụng & Đầu tư VPBank - chi nhánh TPHCM/ Quyền Trưởng phòng Tín dụng Tiêu dùng VPBank - chi nhánh TPHCM/ Trưởng phòng Tín dụng Tiêu dùng VPBank - chi nhánh TPHCM/ Phó Giám đốc VPBank - chi nhánh Sài Gòn/ Giám đốc VPBank - chi nhánh Sài Gòn*
 - ✓ Từ năm 2010 đến 12/2016 *Phó Tổng Giám đốc phụ trách Hội sở Phía Nam kiêm Phó Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối/ Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Văn phòng Đại diện Miền Nam kiêm Giám đốc Khối KHDN – VPBank*
 - ✓ Từ 01/2017 đến nay *Phó Tổng Giám Đốc, Trưởng Văn phòng Đại diện Miền Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng Tín dụng Phía Nam – VPBank*
 - ✓ Từ năm 2015 đến nay *Thành viên Hội đồng thành viên - Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Phó Tổng Giám Đốc, Trưởng Văn phòng Đại diện Miền Nam kiêm Chủ tịch Hội đồng Tín dụng Phía Nam - VPBank*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Thành viên HĐQT Công ty tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng*

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ 28/07/2017):
 - ✓ Cá nhân sở hữu: Không có
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

 **Bà Dương Thị Thu Thủy – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Dương Thị Thu Thủy**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 04/03/1965
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND: 011457185 ngày cấp 23/11/2004, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phòng 301 nhà A1, ngõ 229 phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 2002 đến năm 2013 Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp Hội sở, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Giám đốc Sở Giao

- dịch, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Khách hàng cá nhân & SME - VPBank
- ✓ Từ năm 2014 đến năm 2015 Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Quản lý đầu tư và dự án – VPBank
 - ✓ Từ năm 2015 đến nay Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư - VPBank
 - ✓ Từ năm 2015 đến nay Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đồng Xuân
 - ✓ Từ năm 2015 đến nay Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp lớn và đầu tư – VPBank
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đồng Xuân
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn
 - Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: Không có
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - Các cam kết nắm giữ: Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
 - Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

✦ Bà Lưu Thị Thảo – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Lưu Thị Thảo**
- Giới tính: **Nữ**
- Ngày sinh: **08/04/1974**
- Nơi sinh : **Thanh Hóa**
- Số CMND: **012024030 cấp ngày 27/03/2014, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Địa chỉ thường trú: **Số 4, 1/20 Trung Hòa, Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội**
- Trình độ chuyên môn: **Cử nhân**
- Quá trình công tác:
 - ✓ *Từ năm 1997 đến năm 2002* **Price Waterhouse Vietnam Limited
ABN AMRO Bank – Chi nhánh Hà Nội
KPMG Vietnam**
 - ✓ *Từ năm 2002 đến năm 2011* **Giám đốc Tài chính, Quyền Giám đốc điều hành
Ngân hàng ANZ Việt Nam**
 - ✓ *Từ năm 2011 đến nay* **Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Tài Chính – VPBank**
 - ✓ *Từ năm 2016 đến nay* **Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH
Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh
Vượng (VPBank AMC)**
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết:* **Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Tài Chính**
 - ✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:* **Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH
Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh
Vượng (VPBank AMC)**
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm) **Không có**

28/07/2017):

✓ Cá nhân sở hữu: Không có

✓ Đại diện sở hữu: Không có

- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

 **Ông Nguyễn Thành Long – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Nguyễn Thành Long**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 19/07/1966

- Nơi sinh : Hà Nội

- Số CMND: 011470992 ngày cấp 05/01/2008, nơi cấp: CA Tp.Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 396 C9 Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật


- Quá trình công tác:

✓ Từ năm 1996 đến năm 2007 *Phó trưởng phòng - Phòng Tư Vấn Và Xây Dựng Pháp Luật (thuộc Vụ pháp chế)/ Trưởng phòng - Phòng Tư Vấn và Xây Dựng Pháp Luật (thuộc Vụ pháp chế)/ Phó Vụ trưởng Vụ pháp chế - Ngân*

hàng Nhà nước Việt Nam

- ✓ Từ năm 2007 đến năm 2013 *Phó Tổng Giám đốc tại Techcombank*
- ✓ Từ năm 2013 đến năm 2014 *Phó Tổng Giám đốc tại TienPhong Bank*
- ✓ Từ năm 2014 đến nay *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - VPBank*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - VPBank*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - ✓ Cá nhân sở hữu: *Không có*
 - ✓ Đại diện sở hữu: *Không có*
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

 **Ông Fung Kai Jin – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Fung Kai Jin**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 02/11/1964
- Nơi sinh : Malaysia

- Số Hộ chiếu: K39390568 ngày cấp 30/12/2016, nơi cấp: Malaysia
- Quốc tịch: Malaysia
- Địa chỉ thường trú: Căn hộ 1209, Intercontinental Asiana Saigon Residence, Lê Văn Hữu, Quận 1, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1990 đến năm 2005 *Giám đốc Thanh toán quốc tế, Giám đốc Khách hàng doanh nghiệp, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp – Standard Chartered Bank Malaysia*
 - ✓ Từ năm 2005 đến năm 2011 *Phó Chủ tịch điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng thương mại - Alliance Bank Malaysia*
 - ✓ Từ năm 2011 đến năm 2013 *Giám đốc điều hành công ty TNHH Colorz Interactive, Kuala Lumpur, Malaysia*
 - ✓ Từ năm 2013 đến nay *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ – VPBank*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối KH doanh nghiệp vừa và nhỏ – VPBank*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: Không có
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

 **Ông Phạm Phú Khôi – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Phạm Phú Khôi**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/12/1963
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND: 011798919 ngày cấp 24/08/2011, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 34A Trần Phú, C2-407, Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 2007 đến năm 2012 *Giám Đốc Bank of America Merrill Lynch, Singapore*
 - ✓ Từ năm 2012 đến năm 2015 *Tổng Giám Đốc - Công ty chứng khoán ACB*
 - ✓ Từ năm 2015 đến nay *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Thị trường tài chính – VPBank*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Thị trường tài chính*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Không có*
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm) Không có

28/07/2017):

✓ Cá nhân sở hữu: Không có

✓ Đại diện sở hữu: Không có

- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

 **Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kế toán trưởng**

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Thu Hằng**

- Giới tính: Nữ

- Ngày sinh: 22/11/1973

- Nơi sinh : Hà Nội

- Số CMND: 001173002133 ngày cấp 24/9/2014, nơi cấp: CA Tp. Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: P.413-C3-Hoàng Ngọc Phách – Láng Hạ - Đống Đa-Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kiểm toán

- Quá trình công tác:

- ✓ Từ năm 1995 đến năm 2007 Công ty Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán

- ✓ Từ năm 2007 đến năm 2012 Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

- ✓ Từ năm 2012 đến nay Giám đốc Trung tâm Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng VPBank
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Giám đốc Trung tâm Tài chính kế toán kiêm Kế toán trưởng
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 28/07/2017): Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: Không có
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động VPBank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

13. Tài sản

Dưới đây là số dư tài sản cố định tại 31/12/2016:

Bảng 26: Số dư tài sản cố định tại 31/12/2016

Đơn vị: tỷ đồng

Chi tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	676,2	255,7	37,8%	939,4	422,8	45,0%

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	63,8	43,9	68.8%	109,3	78,6	71,9%
Máy móc, thiết bị	390,3	127,9	32.8%	569,4	241,0	42,3%
Phương tiện vận tải	96,3	39,8	41.3%	128,8	58,9	45,7%
Thiết bị dụng cụ quản lý	77,4	23,5	30.4%	77,4	23,5	30,4%
Tài sản cố định khác	48,4	20,6	42.6%	54,6	20,7	37,9%
Tài sản cố định vô hình	308,9	168,1	54.4%	392,8	201,4	51,3%
Quyền sử dụng đất không thời hạn	69,1	68,3	98.8%	69,1	68,3	98,8%
Phần mềm máy vi tính	239,8	99,8	41.6%	323,7	133,1	41,1%
Tổng cộng	985,1	423,8	43,0%	1.332,2	624,2	46,8%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2016

Bảng 27: Danh mục một số khu đất của VPBank

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)
1	Tổ 18, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội	192
2	Số 112 Phan Châu Trinh, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	208
3	Số 16 Phạm Hồng Thái, Rạch Giá, Kiên Giang	89
4	Số 4 Trần Phú, Phường Vĩnh Thanh, Rạch Giá, Kiên Giang.	204
5	Tòa nhà số 6, Lê Cao Dống, Phường 2, Thành phố Tân An, Long An.	128
6	Số 108 Trần Hưng Đạo, Phường Đồng Phú, Thành phố Đồng Hới, Quảng Bình	170,4
7	Số 132 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Thủy, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận	227,1
8	Số 35 Lý Thường Kiệt, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế	414,3

Nguồn: VPBank

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 – 2018

Bảng 28: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2017 - 2018

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ					Hợp nhất				
	Năm 2016	Năm 2017		Năm 2018		Năm 2016	Năm 2017		Năm 2018	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2016	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017
Vốn chủ sở hữu	15.054	23.716	57,5%	27.586	16,3%	17.177	29.208	70,0%	36.183	30,1%
Dư nợ cho vay khách hàng	112.568	141.427	25,6%	179.326	26,8%	144.673	183.462	26,8%	231.870	26,4%
Lợi nhuận sau thuế	2.904	2.384	(17,9%)	4.015	68,4%	3.935	5.754	46,2%	8.528	48,4%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Dư nợ cho vay khách hàng	2,6%	1,7%	(34,7%)	2,2%	32,8%	2,7%	3,1%	14,8%	3,7%	19,4%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	21,2%	12,3%	(42,1%)	15,7%	27,3%	25,7%	24,8%	(3,6%)	25,5%	3,1%
Cổ tức	N/A	N/A	-	N/A	-	18,75%	32,83%	75,1%	Khoảng 15%	-

Nguồn: VPBANK

Ghi chú: Kế hoạch Lợi nhuận riêng lẻ năm 2017, 2018 chưa bao gồm Lợi nhuận dự kiến từ công ty con chuyển về.

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trong giai đoạn 2012 – 2017, VPBank đã xác định các mục tiêu chiến lược là đứng trong top 3 ngân hàng thương mại cổ phần bán lẻ hàng đầu và top 5 ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2017. Tuy nhiên, đến cuối năm 2016, VPBank đã là ngân hàng đứng đầu trong hệ thống các ngân hàng thương mại cổ phần về chỉ tiêu lợi nhuận (ROE và TOI).

Trong 5 năm vừa qua, VPBank đã triển khai nhiều chương trình, dự án chuyển đổi với định hướng chuyên môn hóa, tập trung hóa các hoạt động vận hành về Hội sở, xây dựng các mô hình kinh doanh chuyên biệt cho từng phân khúc khách hàng, nhờ đó nâng cao năng suất bán hàng, đồng nhất và cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, tăng cường kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro vận hành. Việc quản lý tập trung cũng đã cho phép kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động của VPBank. Kết quả là năng suất lao động đã gia tăng đáng kể trong khi Tỷ lệ Chi phí – Thu nhập (CIR) giảm xuống dưới 40%.

Cùng với việc tăng trưởng quy mô, VPBank đã đầu tư đáng kể vào các hệ thống nền tảng phục vụ tăng trưởng như hạ tầng CNTT, hệ thống phê duyệt tín dụng tập trung, hệ thống quản lý rủi ro, hệ thống thu hồi nợ, hệ thống phân tích thông tin kinh doanh ... Kết quả là mục tiêu tăng trưởng vẫn đạt được, trong khi tỷ lệ nợ xấu (NPL) được kiểm soát.

Trong các năm qua, với chiến lược kinh doanh hợp lý và nhạy bén, VPBank đã đạt được những thành tích rất đáng tự hào về mọi mặt, đặc biệt là kết quả hoạt động kinh doanh như Lợi nhuận ròng năm 2014 chỉ đạt hơn 1.253 tỷ đồng, nhưng năm 2016 Lợi nhuận ròng đã tăng đến hơn gấp đôi và đạt 3.935 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm, VPBank đạt 2.606 tỷ đồng, đạt hơn 45% so với kế hoạch cả năm 2017. Trong giai đoạn tiếp theo, VPBank sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng cao hơn mức bình quân của thị trường bên cạnh việc tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng.

VPBank cũng sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm CIR bằng cách đầu tư vào CNTT và đẩy mạnh số hóa các quy trình, nâng cao tỷ trọng giao dịch của khách hàng qua các kênh tự phục vụ. Các định hướng chiến lược này được cụ thể hóa như sau:

- Tiếp tục tăng trưởng về quy mô với mức cao hơn mức bình quân của thị trường, tập trung tăng trưởng trong các phân khúc chiến lược là Khách hàng cá nhân, Khách hàng SME, Tín dụng Tiểu thương và Tín dụng Tiêu dùng.
- Đẩy mạnh khai thác thị trường tín dụng tiêu dùng – một thị trường mà các chuyên gia đánh giá là rất tiềm năng với quy mô dân số được dự báo đạt 100 triệu dân vào năm 2025 và nền kinh tế Việt Nam đang phát triển và có tốc độ tăng trưởng ổn định tại khu vực Đông Nam Á. Mặc khác, khi nền kinh tế phát triển ổn định, thu nhập người lao động tăng kết hợp với xu hướng đô thị hóa với tầng lớp trẻ tập trung chủ yếu ở thành thị sẽ góp phần thúc đẩy nhu cầu mua sắm và tiêu dùng. Đây chính là những điều kiện thuận lợi cho thị trường tín dụng tiêu dùng ngày càng phát triển. Trên thực tế, mảng tín dụng tiêu dùng được đẩy mạnh sau khi VPBank mua lại Công

ty TNHH MTV Tài chính Than Khoáng sản Việt Nam và từ đó luôn giữ vị thế số 1 trên thị trường. Năm 2014, dư nợ tín dụng tiêu dùng của FE Credit chỉ đạt 3.634 tỷ đồng, năm 2015 dư nợ đã tăng trưởng 4,6 lần so với năm 2014 và đạt 20.207 tỷ đồng. Năm 2016 dư nợ đạt 32.104 tỷ đồng, tăng gần 60% so với năm 2015. Thị trường tín dụng tiêu dùng được đánh giá còn rất nhiều tiềm năng nên đây sẽ là cơ hội tốt cho VPBank gia tăng doanh số từ phân khúc này.

- Tiếp tục tìm kiếm các cơ hội tăng trưởng mới, ví dụ ngân hàng số, hợp tác với các doanh nghiệp start-up, mở rộng hệ sinh thái thông qua việc hợp tác với các đối tác có cơ sở khách hàng lớn, để nhanh chóng mở rộng cơ sở khách hàng.
- Thực hiện cấu trúc lại cơ cấu sản phẩm, nâng dần tỷ trọng các sản phẩm có mức sinh lời cao, đi kèm với việc tiếp tục đầu tư, nâng cấp cho hệ thống quản trị rủi ro và thu hồi nợ để kiểm soát nợ xấu.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai chiến lược số hóa hoạt động ngân hàng truyền thống, gia tăng tỷ trọng các giao dịch qua các kênh tự phục vụ như Internet banking, Mobile banking, ATM, CDM, Đồng thời, VPBank sẽ tập trung vào số hóa và tự động hóa các quy trình để giảm thiểu chi phí và mang lại trải nghiệm khác biệt cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ của VPBank.

Các kế hoạch cụ thể cho từng mảng dịch vụ của VPBank như sau:

Dịch vụ Khách hàng cá nhân

- Thực hiện Kế hoạch năm điểm nhằm phát triển mạnh các sản phẩm có tiềm năng và có thu nhập cao như đa dạng các sản phẩm để bán chéo, cải tiến các gói sản phẩm hiện tại để đáp ứng nhu cầu của khách hàng
- Triển khai các mô hình "hunting and farming" thông qua các kênh chi nhánh và các kênh thay thế như Trung tâm phát triển đối tác cho vay có tài sản đảm bảo, Trung tâm cho vay tiêu dùng, Trung tâm khai thác khách hàng hiện hữu, trong đó các chi nhánh sẽ tập trung vào các lĩnh vực ngân hàng ưu tiên, chăm sóc khách hàng và tiếp thị chuyên sâu trong khi các kênh thay thế sẽ tập trung vào tái cấu trúc các sản phẩm phù hợp với khách hàng;
- Phát triển các kênh phân phối mới thông qua quan hệ đối tác chiến lược;
- Phát triển các ứng dụng online và di động;
- Số hóa các hoạt động chính để cải thiện trải nghiệm của khách hàng và giảm chi phí;
- Sử dụng ứng dụng mô hình SAP làm công cụ chính để quản lý lợi nhuận.

Dịch vụ tài chính tiêu dùng

- Duy trì vị trí số 1 trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng bằng cách duy trì danh mục sản phẩm đa dạng để đảm bảo thu hút khách hàng mới và tập trung các nỗ lực để bán chéo các sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao;


- Tiếp tục theo dõi, đánh giá và cải tiến khung quản trị rủi ro để đảm bảo tiếp tục mang lại chất lượng, hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong tất cả các quy trình
- Tiếp tục phát triển các kênh phân phối mới bao gồm các sản phẩm thẻ tín dụng đồng thương hiệu và các hình thức tiếp thị trực tuyến khác, nhằm tăng cường sự thâm nhập vào thị trường.

 **Dịch vụ tín dụng tiêu thương**

- Tối ưu hóa việc bán hàng bằng cách tăng tỷ lệ cho vay có tỷ suất sinh lợi cao trong các sản phẩm tín dụng không tài sản đảm bảo, trong đó giới hạn rủi ro được xác định rõ ràng;
- Tăng cường đội ngũ bán hàng thông qua việc mở rộng các chương trình đào tạo nội bộ và đơn giản hóa các quy trình;
- Mở rộng mạng lưới các trung tâm của Comcredit sang các địa điểm không thuộc chi nhánh vào năm 2017.

 **Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ**

- Triển khai thêm các sản phẩm vi mô, đặc biệt là sản phẩm cho vay không có tài sản bảo đảm nhằm vào phân khúc thị trường chưa được phục vụ để phát triển khách hàng
- Tăng cường tương tác với khách hàng ít hoạt động để tăng cường việc bán chéo sản phẩm, đồng thời duy trì quan hệ với khách hàng
- Tăng cường mô hình kinh doanh phục vụ cho khách hàng là các micro SME và các chính sách bảo lãnh tín dụng liên quan nhằm giảm TAT và nâng cao khả năng sinh lời
- Tăng cường quản lý bán hàng, cải tiến các chương trình đào tạo và hợp lý hoá các quy trình nội bộ (bao gồm cả việc thông qua số hóa) để tăng năng suất bán hàng trên tất cả các kênh.

 **Dịch vụ ngân hàng số**

- Số hóa các hoạt động và quy trình hiện tại của VPBank để cung cấp trải nghiệm mới cho khách hàng;
- Cung cấp các dịch vụ Ngân hàng số mới bằng cách tạo ra các giá trị phù hợp để phục vụ khách hàng;
- Tiếp tục hợp tác chiến lược với Fintech trong thanh toán, chấm điểm mô hình tín dụng và quản lý tài khoản;
- Mục tiêu tăng gấp đôi người dùng sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử và tăng giao dịch trực tuyến lên 40% vào năm 2017.

 **Dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp lớn**

- Tập trung vào việc cơ cấu lại danh mục cho vay bằng cách cung cấp các sản phẩm phù hợp

- Tập trung các nỗ lực bán hàng vào hoạt động dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp lớn vì các khách hàng doanh nghiệp là những nhân tố chính trong hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu. Đây chính là các hoạt động chính yếu của nền kinh tế của Việt Nam
- Đẩy mạnh phát triển thị trường miền Nam

14.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua

Bảng 29: Kế hoạch đầu tư, dự án

Tên dự án	Mục đích triển khai
Dự án Tư vấn Ngân hàng ưu tiên “Affluent Banking”	<p>Để mở rộng quy mô phân khúc khách hàng cao cấp, VPBank sẽ thực hiện một số các biện pháp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác thực cơ hội thị trường - Nhận diện và tập trung vào một số phân khúc khách hàng hàng đầu - Rà soát môi trường cạnh tranh, đối thủ cạnh tranh, điểm mạnh và điểm yếu của đối thủ - Xác định đề xuất giá trị dựa trên dịch vụ cốt lõi - Thiết kế quan điểm chung hướng tới phương pháp xây dựng thương hiệu và marketing
Triển khai hệ thống thẻ W4 (Giai đoạn 2)	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cấp hệ thống Thẻ để đáp ứng yêu cầu về quản lý hạn mức thẻ tín dụng và yêu cầu của Napas - Phát hành thẻ trả trước Visa - Triển khai dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ nội địa, quốc tế trên POS - Mở rộng tính năng của thẻ tín dụng, tính năng của ATM/CDM - Áp dụng cơ chế quản lý tính lãi, quản lý lãi phí tạo bút toán tự động theo quy định VPBank
Triển khai hệ thống thanh toán (Payment Hub)	<ul style="list-style-type: none"> - Khắc phục hạn chế của hệ thống thanh toán hiện tại VPBank, đáp ứng tốc độ tăng trưởng kinh doanh, mở rộng khả năng đa dạng dịch vụ thanh toán trong tương lai. - Tăng tối đa tỷ lệ tự động hóa. - Xây dựng một hệ thống thanh toán duy nhất, đồng bộ giữa các kênh giao dịch VPBank. - Xác định phương án hỗ trợ vận hành và đảm bảo năng lực xử lý của hệ thống. - Cải tiến toàn diện và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ thanh toán.
Giải pháp Phòng chống thất thoát thông tin VPBank	Xây dựng hệ thống quản trị và báo cáo về công tác phòng chống thất thoát dữ liệu và nâng cao nhận thức người dùng
Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và áp dụng	- Xử lý quy trình nhanh và hiệu quả nhằm đáp ứng quy mô tăng

công nghệ ECM/BPM	trưởng kinh doanh của VPBank - Cho phép thực hiện tập trung hóa và số hóa quy trình - Thực hiện tích hợp thông tin giữa các hệ thống tạo ra sự liên kết giữa các quy trình trên hệ thống - Xây dựng hệ thống số hóa tài liệu, lưu trữ và quản lý tài liệu tập trung
-------------------	--

Nguồn: VPBank

Tổng vốn đầu tư dự kiến của VPBank cho các dự án trên là khoảng 117 tỷ đồng.

14.4 Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/BB-ĐHĐCĐ-VPBank ngày 10 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu theo hình thức riêng lẻ cho nhà đầu tư trong và ngoài nước, trong đó phương thức thực hiện chào bán giao cho Hội đồng Quản trị quyết định sau khi hoàn thành các thủ tục với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 31 tháng 07 năm 2017, Hội đồng quản trị đã ra Nghị quyết về Phương án phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông của VPBank để tăng vốn điều lệ với các nội dung như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 1 năm kể từ ngày phát hành
- Giá chào bán: 39.000 đồng / cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 164.714.380 cổ phiếu
- Thời gian chào bán: Trong năm 2017, sau khi có chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Nhà đầu tư được chào bán: một số nhà đầu tư trong nước.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, VCSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Căn cứ vào năng lực lãnh đạo của đội ngũ lãnh đạo VPBank, hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, nền tảng khách hàng cũng như định hướng chiến lược đúng đắn thì nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà VPBank đưa ra là có tính khả thi và VPBank có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và

dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết ngày 01 tháng 08 năm 2017 về việc phê duyệt khoản vay thương mại trung hạn kèm quyền chuyển đổi thành cổ phần phổ thông từ Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC). Trong đó, VPBank dự kiến sẽ phát hành tối đa 5% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành của VPBank tại thời điểm chuyển đổi để thực hiện việc chuyển đổi khoản vay trên thành cổ phần phổ thông cho IFC.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới VPBank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

- Cổ phiếu phổ thông

2. Mã chứng khoán

- VPB

3. Mệnh giá

- 10.000 đồng/cổ phần

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

- 1.332.689.035 cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành của VPBank là 1.405.908.635 cổ phiếu, trong đó số cổ phiếu ưu đãi là 73.219.600 cổ phiếu nên tổng số cổ phiếu niêm yết của VPBank là 1.332.689.035 cổ phiếu.

5. Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức niêm yết

Căn cứ quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Chi tiết như sau:

Bảng 30: Danh sách cổ đông là cán bộ chủ chốt hạn chế chuyển nhượng

STT	Tên cổ đông	Số CMND	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng
I	Hội đồng Quản trị			107.926.652
1	Ngô Chí Dũng	1968	Chủ tịch HĐQT	70.257.132
2	Bùi Hải Quân	1968	Phó Chủ tịch HĐQT	35.781.376
3	Lô Bằng Giang	1972	Phó Chủ tịch HĐQT	1.888.144
4	Nguyễn Văn Hào	1955	Thành viên HĐQT	0
5	Nguyễn Đức Vinh	1958	Thành viên HĐQT kiêm Tổng	0

STT	Tên cổ đông	Số CMND	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng
Giám đốc				
II	Ban Kiểm soát			0
1	Ngô Phương Chí	1970	Trưởng Ban	0
2	Nguyễn Thị Bích Thủy	1973	Kiểm soát viên	0
3	Trịnh Thị Thanh Hằng	1976	Kiểm soát viên	0
III	Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			0
1	Nguyễn Đức Vinh	1958	Tổng Giám đốc	0
2	Nguyễn Thanh Bình	1966	Phó Tổng Giám đốc	0
3	Phan Ngọc Hòa	1971	Phó Tổng Giám đốc	0
4	Dương Thị Thụy Thủy	1965	Phó Tổng Giám đốc	0
5	Lưu Thị Thảo	1974	Phó Tổng Giám đốc	0
6	Nguyễn Thành Long	1966	Phó Tổng Giám đốc	0
7	Fung Kai Jin	1964	Phó Tổng Giám đốc	0
8	Phạm Phú Khôi	1963	Phó Tổng Giám đốc	0
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	1973	Kế toán trưởng	0
Tổng cộng				107.926.652

Nguồn: VPBANK

6. Phương pháp tính giá

- Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của VPBank theo phương pháp thị trường, cụ thể là phương pháp so sánh hệ số P/E và P/B.
- Chỉ số P/E được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) của cổ đông của Công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/E với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 26/07/2017, thu nhập mỗi cổ phiếu được lấy theo EPS năm gần nhất (năm 2016).
- Chỉ số P/B được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho giá trị sổ sách. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/B với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 26/07/2017, giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu (BVPS) được lấy theo năm gần nhất (năm 2016)

- Chỉ số P/E, P/B dùng để tính giá trị cổ phiếu VPBank sẽ dựa trên P/E, P/B bình quân của nhóm so sánh và kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2017 của VPBank được thể hiện trên BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2017.

Bảng 31: Một số chỉ tiêu tài chính của VPBank Lũy kế 6 tháng năm 2017

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Lũy kế 6 tháng năm 2017
Tổng thu nhập hoạt động	11.297
Lợi nhuận sau thuế	2.606
Cổ tức cổ phiếu ưu đãi (dự tính)	73
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.533
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	1.003.325.700
Thu nhập trên một cổ phiếu phổ thông (đồng)	2.525
Giá trị vốn chủ sở hữu của VPBank	19.523
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	1.076.545.300
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (đồng)	18.135

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý II năm 2017 do VPBank tự lập

Chúng tôi sử dụng số liệu của một số Ngân hàng đang niêm yết để làm cơ sở so sánh, bao gồm các Ngân hàng sau:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (HOSE: CTG)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (HOSE: VCB)
- Ngân hàng TMCP Quân đội (HOSE: MBB)
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (UpCOM: VIB)
- Ngân hàng TMCP Á Châu (HNX: ACB)

Bảng 32: Bảng tính hệ số P/E, P/B bình quân

ST T	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày 26/07/2017 (đồng/cp)	EPS (đồng)	BVPS (đồng)	P/E (lần)	P/B (lần)
1	BID	20.600	1.354	12.915	15,2	1,6
2	CTG	19.450	1.457	16.221	13,3	1,2

ST T	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày 26/07/2017 (đồng/cp)	EPS (đồng)	BVPS (đồng)	P/E (lần)	P/B (lần)
3	VCB	37.400	1.566	13.370	23,9	2,8
4	MBB	22.100	1.706	15.579	13,0	1,4
5	VIB	22.000	1.125	15.490	19,6	1,4
6	ACB	25.600	1.293	14.264	19,8	1,8
Bình quân					17,5	1,7

Nguồn: VCSC, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016 của các ngân hàng

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị 1 cổ phiếu theo P/E} &= \text{Hệ số P/E bình quân} \times \text{EPS (VPBANK)} \\
 &= 17,5 \times 2.525 \text{ đồng} \\
 &= \mathbf{44.084 \text{ (đồng)}}
 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị 1 cổ phiếu theo P/B} &= \text{Hệ số P/B bình quân} \times \text{BVPS (VPBANK)} \\
 &= 1,7 \times 18.135 \text{ đồng} \\
 &= \mathbf{30.829 \text{ (đồng)}}
 \end{aligned}$$

Tổng hợp kết quả:

Bảng 33: Kết quả định giá cổ phiếu VPBank

Phương pháp	Kết quả (đồng)	Trọng số
So sánh hệ số P/E	44.084	70%
So sánh hệ số P/B	30.829	30%
Giá cổ phiếu tính theo trọng số	40.108	

Nguồn: VCSC

- Phương pháp so sánh hệ số P/E thể hiện được mối tương quan giữa hoạt động kinh doanh của VPBank so với các ngân hàng trên thị trường. Hệ số P/E cho thấy giá của cổ phiếu tại thời điểm định giá cao hơn thu nhập từ cổ phiếu đó bao nhiêu lần, hay nhà đầu tư phải trả giá cho một đồng thu nhập bao nhiêu. Nói cách khác, giá cổ phiếu định giá theo phương pháp so sánh hệ số P/E của các doanh nghiệp cùng ngành là giá trị ở thời điểm hiện giúp nhà đầu tư cân nhắc để đưa ra quyết định đầu tư. Do vậy, VPBank ưu tiên sử dụng kết quả của phương pháp định giá này với trọng số 70%.
- Phương pháp so sánh hệ số P/B phản ánh giá trị tài sản VPBank đang sở hữu. Đối với các doanh nghiệp mà hoạt động cốt lõi là cung cấp dịch vụ như VPBank, giá trị sổ sách không phản ánh đầy đủ giá trị thực của VPBank do giá trị tài sản hữu hình thường không lớn. Giá trị sổ sách của tài sản không tính tới các tài sản vô hình như thương hiệu

hay uy tín do VPBank tạo ra. Vì vậy, VPBank tính toán giá cổ phiếu dựa trên phương pháp so sánh hệ số P/B để tham khảo và chỉ sử dụng kết quả định giá theo phương pháp này với trọng số 30%.

Theo đó, VPBank đề xuất mức giá niêm yết để nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM ở mức **39.000 đồng/cổ phiếu (Ba mươi chín ngàn đồng trên một cổ phiếu)**.

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều lệ của VPBank thì nhà đầu tư nước ngoài có quyền chuyển nhượng cổ phần VPBank theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cổ phiếu VPBank được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch chứng khoán có liên quan.

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Căn cứ theo Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng tại Việt Nam như sau:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết. Như vậy, quy định trên sẽ áp dụng cho vốn điều lệ của VPBank là 14.059.086.350.000 đồng (Mười bốn ngàn không trăm năm mươi chín tỷ, không trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng).

- Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định đối với từng trường hợp cụ thể.
- Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
- Nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng Việt Nam sang cổ phiếu phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần, điều kiện sở hữu cổ phần theo quy định tại Nghị định này.

Tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch niêm yết này, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ cổ phần tại VPBank là 22,34%.

Theo Công văn số 5387/UBCK-PTTT của Ủy ban chứng khoán Nhà nước thì tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài của VPBank là 25%. VPBank dự kiến sẽ chào bán riêng lẻ tối đa 5% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành tại thời điểm chuyển đổi cho Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC) – thành viên của Ngân hàng Thế giới theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 01 tháng 08 năm 2017 nhằm thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thương mại này thành vốn cổ phần.

8. Các loại thuế có liên quan

Công ty đang nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, và thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2015, Công ty áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của Công ty.

Thuế Giá trị gia tăng: áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế Thu nhập cá nhân: Công ty và các cổ đông trong công ty khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu phải nộp thuế Thu nhập cá nhân theo các quy định hiện hành

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: +84 (02)8 3914 3588 Fax: +84 (02)8 3914 4531

Website www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà CornerStone, Lầu 8, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội/Lầu 5, Tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn, Phường 4, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: +84 (02)4 3831 5090 Fax: +84 (02)4 3831 5100

Website www.ey.com

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép hoạt động

Phụ lục II:

- Điều lệ VPBank

Phụ lục III:

- Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2015, năm 2016 và Quý II năm 2017 do VPBank tự lập

Bảng 34: Danh mục văn bản pháp luật có liên quan

STT	Tên tài liệu
I. Quy định chung	
1	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16/11/2014 có hiệu lực từ 1/7/2015
4	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006
5	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008
6	Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Luật Phòng, chống rửa tiền số 07/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội
7	Nghị định số 12/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/02/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế
II. Văn bản liên quan đến lĩnh vực chứng khoán	
1	Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 chỉnh sửa bổ sung luật chứng khoán số 70/2006/QH11
2	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán
3	Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
4	Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán
5	Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa

- đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán
- 6 Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán
 - 7 Thông tư số 29/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2015/TT-BTC
 - 8 Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc sở hữu nhà đầu tư nước ngoài
 - 9 Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2012 về quản trị áp dụng cho các công ty đại chúng
 - 10 Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 7 năm 2013 của Tổng Giám đốc SGDCK Tp.HCM về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Tp.HCM
 - 11 Quyết định số 346/QĐ-SGDHCM ngày 23 tháng 08 năm 2016 của Tổng Giám đốc SGDCK Tp.HCM về việc ban hành Quy chế niêm yết tại SGDCK Tp.HCM

III. Văn bản liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực tín dụng

- 1 Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 29 tháng 6 năm 2010
- 2 Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam
- 3 Nghị định số 10/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2017

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG

CHỦ TỊCH HĐQT



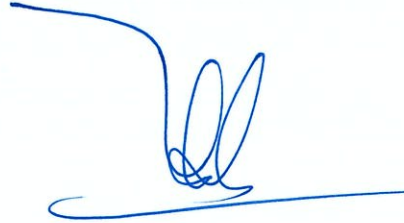
NGÔ CHI DŨNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGÔ PHƯƠNG CHÍ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐỨC VINH

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



LƯU THỊ THẢO

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ HẢI